Nguyệt san

CHÁNH PHÁP

SỐ 63
THÁNG 02.2017

HOẰNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Địa chỉ tòa soạn: **4717 W. First Street, Santa Ana, CA 92703 – U.S.A.** | *Tel.:* **(714) 548-4148 / (714) 571-0473** | *Email:* **baivochanhphap@gmail.com**

Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Trị sự: **ĐĐ. Thích Huệ Cảnh**
Thư ký: **ĐĐ. Thích Đồng Thiện**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ bút: **Vĩnh Hảo**
Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.
Trình bày: **Tâm Quang**
Hình bìa: **Đặng Thị Quế Phượng**

LIÊN LẠC:

- *Bài vở:* baivochanhphap@gmail.com
- *Quảng cáo/Phát hành:*
  (714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: *"Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."*

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

www.chanhphap.net
www.chanhphap.org
www.chanhphap.us

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- **THƯ TÒA SOẠN**, *trang 2*
- **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** *(Diệu Âm lược dịch), trang 3*
- **TẾT ĐINH DẬU CÓ GÌ VUI?** *(thơ ĐNT Tín Nghĩa), trang 8*
- **XÂY DỰNG HẠNH PHÚC GIA ĐÌNH tt.** *(HT. Thích Thắng Hoan), trang 9*
- **MỪNG XUÂN ĐINH DẬU, ĐỀN TỨ TRỌNG ÂN** *(thơ Thích Viên Thành), trang 12*
- **LÁ THƯ ĐẦU XUÂN** *(Thích Đức Trí), tr. 13*
- **BA CĂN LÀNH CHẲNG THỂ CÙNG TẬN** *(Quảng Tánh), trang 15*
- **TUỆ SỸ - NGƯỜI GẦY TRÊN QUÊ HƯƠNG** *(Nguyên Siêu), trang 16*
- **ĐÔI DÒNG TƯỞNG NIỆM THẦY ĐỨC TRÍ / NGƯỜI ĐI** *(thơ Thích Trừng Sĩ / TN Giới Hương), trang 19*
- **ĐIỆN THƯ PHÂN ƯU TT. THÍCH ĐỨC TRÍ VIÊN TỊCH** *(HT. Thích Tín Nghĩa), trang 20*
- **THÀNH KÍNH PHÂN ƯU TT. THÍCH ĐỨC TRÍ VIÊN TỊCH** *(Ban Giám Học & Ban Tổ Chức Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ), trang 21*
- **CÁO BẠCH: SƯ BÀ THÍCH NỮ NHƯ NGUYỆN VIÊN TỊCH** *(Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK), trang 22*
- **TRUY TÁN CÔNG HẠNH SƯ BÀ THÍCH NỮ NHƯ NGUYỆN** *(Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNHK), trang 23*
- **TIỂU SỬ NI TRƯỞNG THÍCH NỮ NHƯ NGUYỆN** *(Ni sư Thích Nữ Tiến Liên phụng soạn), trang 24*
- **TƯỞNG NIỆM GIÁC LINH NI TRƯỞNG THÍCH NỮ NHƯ NGUYỆN** *(Ni sư Thích Nữ Giới Hương), trang 25*
- **TỪNG BẬC SỚM MAI, DƯỚI TÁN LÁ, MIỀN MAN HỒNG** *(thơ Nguyễn Thị Khánh Minh), trang 26*
- **T.W. RHYS DAVIDS** *(HT. Thích Trí Chơn), trang 27*
- **TUỆ TÂM, NẮNG XUÂN, TÂM XUÂN, TẤM CẢM** *(thơ Chúc Hiền), trang 30*
- **THÔNG BẠCH SỐ 1 - VỀ KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ** *(Thích Nữ Nguyên Thiện), tr. 31*
- **BỒ TÁT VĂN THÙ SƯ LỢI – Phật Pháp thứ Năm** *(Nhóm Áo Lam), trang 32*
- **RẮN ĐỘC VÀ VÀNG – Câu chuyện dưới cờ** *(Nhóm Áo Lam), trang 33*
- **MƯỜI ĐIỀU THIỆN – Lá thư đầu tuần** *(GĐPTVN Trên Thế Giới), trang 34*
- **SINH HOẠT CỦA TĂNG ĐỒ VÀ CƯ SĨ** *(Nguyễn Lang), trang 35*
- **THIỀN ĐI, ĐI TRONG CÕI NÀY** *(thơ Bạch Xuân Khỏe), trang 40*
- **ÚC CHÂU VÀ PHẬT GIÁO** *(Nguyên Giác), trang 41*
- **XUÂN ĐẾN** *(thơ Trần Bách Linh dịch), trang 42*
- **ƯỚC VỌNG VÀ TÂM XUÂN** *(Tuệ Như), trang 48*
- **KHÔNG ĐỀ** *(thơ Mặc Không Tử), tr. 49*
- **17 LỜI KHUYÊN CỦA THIỀN SƯ SỐ MỘT NHẬT BẢN** *(Diệu Liên Lý Thu Linh), trang 50*
- **XUÂN - THÂN PHẬN, XUÂN HOÀI VỌNG...** *(thơ Huỳnh Sơn), trang 53*
- **TỰ KỶ AUTISM — SINH TỐ A** *(Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 54*
- **TRUYỆN NGẮN TRĂM CHỮ** *(Steven N.), trang 55*
- **CHÚC XUÂN** *(thơ Thích Hương Đàm, nhạc Võ Tá Hân), trang 56*
- **NẤU CHAY: GỎI CUỐN CHAY** *(Hy Vọng), trang 57*
- **CHU VĂN AN —THƠ NGẤT HƯƠNG THIỀN** *(Tâm Minh Ngô Tằng Giao), trang 58*
- **THÂN CÒ** *(thơ TN Giới Định), trang 60*
- **MÓN QUÀ CỦA SỰ CHỜ ĐỢI** *(Nguyễn Duy Nhiên), trang 61*
- **NGƯỠNG VỌNG SB. THÍCH NỮ NHƯ NGUYỆN** *(TN. Thanh Lương), tr. 62*
- **TANG LỄ SƯ BÀ THÍCH NỮ NHƯ NGUYỆN** *(Nguyễn Thanh Huy), tr. 63*
- **HÌNH ẢNH TANG LỄ SB. THÍCH NỮ NHƯ NGUYỆN** *(Nguyễn Thanh Huy), trang 64*
- **CUNG TIỄN GIÁC LINH NI TRƯỞNG THÍCH NỮ NHƯ NGUYỆN** *(Ni sư Thích Nữ Tiến Liên), trang 67*
- **NHÂN NÀO QUẢ NẤY** *(Trường Lạc), trang 68*
- **ĐÂY ĐÓ MÙA XUÂN** *(thơ Mặc Phương Tử), trang 69*
- **TIẾNG THỞ CỦA NHỮNG CƠN MƯA** *(Nguyễn Phan Thùy Chi), trang 70*
- **ĐAU TÌNH LỠ, NGẪN NGƠ DU TỬ...** *(thơ Du Tâm Lãng Tử), trang 71*
- **PHƯƠNG TRỜI CAO RỘNG – chương 13, t.t.** *(Vĩnh Hảo), trang 73*
- **STORY OF ATULA – THE LAY-DISCIPLE** *(Daw Mya Tin), trang 77*

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:
CHANH PHAP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

Báo Chánh Pháp số 63, tháng 02.2017, do Chùa Phật Đà & Tu viện Pháp Vương (CA) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Tòa soạn xin thành tâm cảm tạ. Kính nguyện quý tự và chư phật -tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.

Thư Tòa Soạn

MỘT THỜI CÙNG HIỆN

Đêm giao thừa. Khu xóm tĩnh lặng. Gió lùa qua vườn sau làm lay động những giò phong lan đã mãn khai hoặc còn chớm nụ. Những ngọn đèn đường kiên trì đứng giữa trời sương. Cây bạch đàn đong đưa nhẹ những cành lá trổ đầy hoa. Sương kéo xuống, hơi lạnh ùa vào cửa sổ để hé. Chung trà độc ẩm, nguội thật nhanh trong khi ánh nến lung linh, ấm cúng và khói hương lặng lờ tỏa trong điện Phật.

Trở về với thực tại. Thực tại là đâu? Là giây phút đương hiện, hiện tiền, ngay ở nơi chốn nầy. Nhà thiền gọi là "bấy giờ và ở đây." Thuật ngữ dùng lâu, dùng nhiều, dùng quen, dùng bất cứ ở đâu, dùng bất cứ thời gian nào, đã trở thành sáo ngữ. Có một người để tâm vào hơi thở, đặt tâm vào thân, đặt thân vào nơi chốn và thời gian hiện tại. Có một người như thế hiện hữu trong thời gian và không gian đương hiện hay không? Tâm và thân là một hay hai? Tâm và hơi thở là một hay hai? Hơi thở và thân là một hay hai? Nơi chốn và thời gian là một hay hai? Có một người hay hai người, hoặc nhiều người khác đang cùng hiện hữu trong nơi chốn và thời gian đương hiện hay không? Có sự nhận thức về sự hiện hữu của chính mình cùng lúc với sự hiện hữu của nhiều người khác trong cùng thời gian và nơi chốn hiện tại hay không? Có sự nhận thức chung của tất cả mọi người trong cùng một lúc, một nơi chốn hay không? Nghĩa là mọi người đều biết, ngay nơi giây phút và nơi chốn hiện tại nầy, có mình và người khác, đang ngồi cùng nhau, mỗi người một chung trà uống trong yên lặng, hoặc đang thực hành một khóa lễ tụng kinh theo nghi thức, hoặc đang tuần tự ngồi xuống trên những bồ đoàn đã được sắp xếp ngay ngắn nơi thiền đường. Thực tại đang diễn ra như thế. Có một người và nhiều người đang đặt thân và tâm vào cái đương hiện. Có một sự trình diễn, của một người hay nhiều người, theo thứ tự ngăn nắp của thời gian và không gian, không ai muốn làm trái ngược cái trật tự đã được sắp sẵn từ ngày hôm qua và những ngày trước đó, và sẽ tạm kết thúc ở tương lai vào giờ giấc đã được qui định. Mọi thứ lễ nghi, dù trong hình thức đơn giản nhất, đều được đặt trong một thời khóa biểu, và được thông báo sự khởi đầu hay kết thúc bằng một tiếng chuông hay một tiếng kẻng. Tất cả đều là sự trình diễn của một tập thể nhỏ hoặc lớn, trong cái khung qui định của thời gian và nơi chốn.

Chỉ khi nào không có cá thể hay tập thể đồng lòng làm chung một việc, trong cùng thời gian và nơi chốn; chỉ khi nào không có cá thể hay tập thể tách biệt nhau, mỗi người mỗi ý mỗi việc; chỉ khi nào không có bất cứ sự hiện hữu nào của cá thể và tập thể, bằng thân xác hay tâm thức, dấn mình vào thời khóa biểu của mùa xuân, mùa hạ, mùa thu, mùa đông, quá khứ, hiện tại, tương lai… thực tại mới là thực tại. Một khi chứng nghiệm thực tại nầy, tất cả đồng hiện trong cảnh giới nhất tâm. Trong nhất tâm, không có sai biệt, không có trật tự của thời gian và không gian. Sai biệt chỉ trình hiện khi một cá ngã khởi sự động chuyển. Và trong sự động chuyển, có sự động chuyển từ đại bi tâm, khác với sự động chuyển từ vô minh.

Trong khoảnh khắc, từ sự khởi xuất của đại bi tâm, nhìn ra muôn ngàn thế giới, nhìn ra vạn loại chúng sinh, cùng lúc đồng hiện: nơi kia, có những người đói khát bò lết trên đường tìm kiếm thức ăn, nơi đây có những người no đủ, thừa mứa, vất bỏ cao lương vào thùng rác; nơi kia có những người co ro, không đủ áo quần và củi lửa sưởi ấm trước cơn giá lạnh, nơi đây có những người chăn êm nệm ấm, hạnh phúc vùi mình trong giấc ngủ an bình; nơi kia có những người gào khóc thảm thiết trước sự biệt ly, chết chóc, nơi đây có những người hạnh phúc ôm chầm lấy nhau trong yêu thương tương ngộ… Chiến tranh, thiên tai, tật bệnh, khủng bố, kỳ thị, đàn áp, cướp bóc, tù đầy… khiến cho hàng triệu người thống khổ trên khắp các châu lục, không ngoại trừ một xứ sở nào, dù là quốc gia thịnh vượng tự do nhất. Người ta tìm cách thiết lập lại một trật tự nào đó trong sự rối tung, hỗn loạn của những hệ thống, chính sách chồng xéo, đan bện vào nhau, mà không nhận thức được rằng căn nguyên của hỗn loạn chính là từ sự khởi động của vô minh; và chính vô minh đã bày vẽ ra cảnh giới của mâu thuẫn, loạn động, bất thường, khổ đau. Vô minh còn, thống khổ còn.

Thống khổ không biết khi nào và nơi đâu sẽ cùng tận; nhưng người hành đạo cứu khổ, như quáng nắng bên đường, như sương xuân trên cỏ, như bọt nước lăn tăn đầu ngọn sóng, như ráng chiều tím ngát trời tây phương, lặng lẽ bước đi trên dặm dài không vết tích. Con đường vô tận trải theo thống khổ bất tận. Không ngừng nghỉ. Không mỏi mệt. Âm thầm đi mãi trong vô tận thời gian, vô biên trú xứ…

Đêm trừ tịch đã qua. Nhìn ra cửa sổ vẫn thấy những trụ điện sừng sững vươn lên giữa trời sương. Bầy chim sẻ cất tiếng líu lo nơi cây bạch đàn xanh lá. Lòng nhẹ nhàng. Thư thả bước khỏi điện Phật khi mặt trời vừa lên.

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM *lược dịch*

HÀN QUỐC: Sách sử thi về Đức Phật được chỉ định là bảo vật quốc gia

Ngày 3-1-2017, chính phủ Hàn Quốc đã chỉ định "Wolincheongangjigok" là một quốc bảo. Đây là cuốn sách in bằng tiếng Cao Ly đầu tiên, được in vào năm 1449 bằng loại chữ kim loại di chuyển được.

Cục Di sản Văn hóa (CHA) công bố rằng "Wolincheongangjigok Gwon-sang" (tập đầutiên của 3 tập "Wolincheongangjigok") đã được chỉ định là Quốc Bảo số 320.

"Wolincheongangjigok" là một bài thơ sử thi về cuộc đời của Đức Phật được viết bởi Vua Sejong của triều đại Jose-on, người đã phát minh bảng chữ cái Hangeul của Cao Ly. "Wolincheongangjigok" gồm có 3 tập và là một trong số những bài ca cổ xưa nhất tại Hàn Quốc.

Cuốn sách này được phát hiện tại một Phật tự vào năm 1914 và nhà xuất bản sách giáo khoa MiraeN đã tặng cho Học viện Nghiên cứu Hàn Quốc . Sách được chỉ định là Bảo vật số 398 vào năm 1963 và công bố là quốc bảo vào ngày 3-1-2017.

(Korea Times – January 3, 2017)

Một trang của cuốn sách "Wolincheongangjigok"
Photo: Korea Times

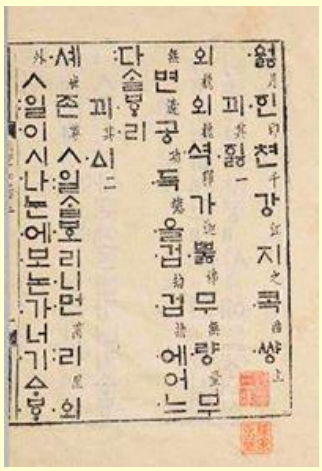

ẤN ĐỘ: Kỳ pháp giảng Kalachakra (Thời Luân) lần thứ 34 tại Bồ đề Đạo tràng

Tại Bồ đề Đạo tràng ở bang Bihar, Đức Đạt lai Lạt ma đã chủ trì kỳ pháp giảng Kalachakra (Thời Luân) lần thứ 34 vào sáng ngày 2-1-2017. Sự kiện này được tổ chức và tài trợ bởi chính phủ Tây Tạng lưu vong do thủ tướng Lobsang Sangay đứng đầu.

Bất chấp sự đình hoãn giao thông và tác động liên tục của sự vận động hủy bỏ sự kiện này tại Ấn Độ, trên 100,000 người hành hương của nhiều quốc gia đã tham dự các bài thuyết pháp, và nhiều người khác đang trên đường đến với kỳ pháp giảng 12 ngày nói trên.

Theo chương trình, vào ngày 9-1 các nhà sư của Tu viện Namgyal sẽ trình diễn Vũ điệu Nghi lễ Kalachakra; và Đức Đạt lai Lạt ma sẽ ban lễ khai tâm từ ngày 10 đến 13-1. Vào ngày 14-1, một lễ gia trì trường thọ cũng như một lễ cầu nguyện cho sự trường thọ của Đức Đạt lai Lạt ma sẽ được tổ chức.

(Phayul – January 2, 2017)

HOA KỲ: Hiệp hội Phật giáo Hoa Kỳ tổ chức lễ cầu nguyện cho hòa bình thế giới

Ngày 1-1-2017 Hiệp hội Phật giáo Hoa Kỳ đã chào đón hơn 350 người đến với Lễ cầu nguyện Liên Tôn giáo vì Hòa bình Thế giới tại khu tĩnh tâm của họ ở thị trấn Kent, quận Putnam (New York).

Chủ tịch Hiệp hội là Bhikkhu Bodhi đã kêu gọi những người tham dự cầu nguyện cho hòa bình thế giới.

Ông nói nỗ lực này cần được phổ biến, "Mọi người phải cùng hoạt động để thiết lập hòa bình trên toàn thế giới".

Giám sát viên Maureen Fleming của Thị trấn Kent nói rằng Hiệp hội Phật giáo nổi tiếng về sự thân cận, và lễ cầu nguyện hằng năm này là sự kiện ưa thích của cô. "Không có gì yên bình và ý nghĩa hơn Lễ cầu nguyện Liên Tôn giáo vì Hòa bình Thế giới tại Hạt Put-nam này".

Thành viên của tất cả các tôn giáo – Tin Lành, Công giáo, Do Thái giáo, Phật giáo và Hồi giáo – đã tham dự lễ cầu nguyện vào ngày đầu Năm Mới nói trên.

(midhudsonnews.com – January 2, 2017)

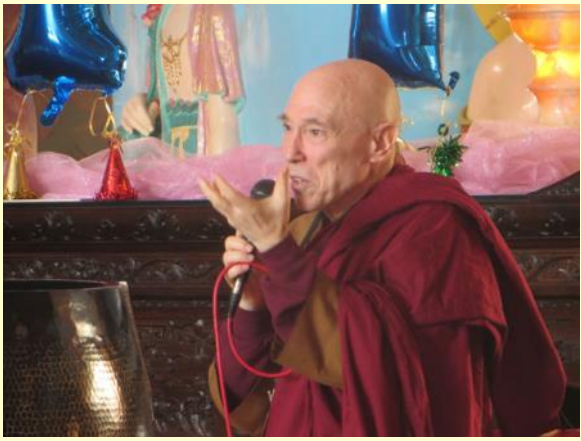

Bhikkhu Bodhi, Chủ tịch Hiệp hội Phật giáo Hoa Kỳ
Photo: midhudsonnews.com

CAM BỐT: Triển lãm Phật giáo trong Lễ hội Ấn Độ tại 3 tỉnh của Cam Bốt

Triển lãm Phật giáo Ma-hotsav của Ấn Độ có tên là Dhamma Darshana để tìm hiểu cuộc đời, lời dạy và các sự kiện quan trọng liên quan đến Đức Phật, và triển lãm ảnh về các di sản Phật giáo tại Ấn Độ sẽ được tổ chức trong Lễ hội Ấn Độ, diễn ra tại Cam Bốt từ

ngày 10-1-2017.

Lễ hội sẽ có những buổi trình diễn khác nhau, bao gồm trình diễn Ramayana, vũ nhạc dân gian Rajasthani ,múa cổ điển Ấn Độ. Khách tham quan cũng sẽ được trải nghiệm đầy đủ một lễ hội thực phẩm nhân dịp này.

Các sự kiện nói trên sẽ diễn ra tại thủ đô Phnom Penh và 2 tỉnh Siem Reap và Bat-tambang của Cam Bốt.

Lễ hội sẽ tiếp tục cho đến ngày 16-2-2017.

(IANS – January 5, 2017)

HÀN QUỐC: Sư cô Seon Jae xuất bản sách mới về ẩm thực Phật giáo

Sư cô Hàn Quốc Seon Jae, người nổi tiếng nhất về việc phổ biến ẩm thực nhà chùa Hàn Quốc, đã phát hành một cuốn sách mới có tựa đề 'Ăn gì để sống?' Trong một cuộc họp báo về cuốn sách này tại Seoul vào cuối tháng 12-2016, Sư cô Seon Jae đã nói về thực phẩm chay và nền văn hóa ẩm thực Phật giáo.

Cuốn sách mới của bà cung cấp những câu chuyện và những phần trình bày tập trung vào việc tu tập tâm thân – và vượt qua bệnh ung thư phổi – nhờ vào thực phẩm đơn giản nhưng lành mạnh.

Ở tuổi 60, Sư cô Seon Jae là một trong những tu sĩ đầu tiên quan tâm đến việc nấu thực phẩm chay tại Hàn Quốc. Bà đã trở nên đam mê nấu ăn sau khi vượt qua căn bệnh ung thư phổi thông qua liệu pháp thực phẩm.

Các thành tựu của bà gần đây đã được Tông phái Phật giáo Tào Khê Hàn Quốc công nhận và ban tặng bà danh hiệu Bậc thầy duy nhất về Đồ ăn chay.

(Buddhistdoor Global – January 6, 2017)

Sư cô Seon Jae

Thực phẩm nhà chùa Hàn Quốc—Photos: yonhap-news.co.kr & npr.org

THÁI LAN: Tín đồ Phật giáo và Hồi giáo kỷ niệm sự hòa hợp tại Chùa Prachum Cholthara

Narathiwat, Thái Lan – Ngày 7-1-2017, khoảng 3,000 tín đồ Phật giáo và Hồi giáo đã tập trung tại Chùa Prachum Cholthara ở Sungai Padi, tỉnh Narathiwat , để kỷ niệm mối quan hệ hài hòa của họ.

Đây là sự kiện hàng năm tại tỉnh biên giới phía nam này, với nhiều gian hàng cung cấp các bữa ăn, món tráng miệng và trái cây bao gồm các món của người Hồi giáo. Các học bổng được trao cho 400 học sinh địa phương, và các vị lãnh đạo tôn giáo nhận quà lưu niệm.

Phra Thep Seelawisuth, tu sĩ cấp cao của Chùa Prachum Cholthara và là trưởng giáo hội tỉnh Narathiwat, đã thành công trong nỗ lực thúc đẩy sự sống chung hòa bình. Ông bắt đầu sứ mạng của mình cách đây một thập kỷ để giúp nhiều người, Phật giáo cũng như Hồi giáo, đang chịu đau khổ vì cuộc bạo loạn sắc tộc trong khu vực.

(Bangkok Post – January 8, 2017)

Phra Thep Seelawisuth, trưởng giáo hội tỉnh Narathiwat, gặp gỡ các tín đồ Hồi giáo tại Chùa Prachum Cholthara
Photo: Bangkok Post

NHẬT BẢN: Cột trụ chính của ngôi chùa thời Nara được lắp ráp lại

Nara, Nhật Bản – Ngày 9-1-2017, tại ngôi đền Yakushiji, một cột trụ trung tâm nặng 4.3 tấn đã được đặt lại trên bệ đá của Toto, một ngôi chùa cổ có niên đại khoảng năm 730.

Toto (Chùa phía đông) cao 34 mét, gồm 3 tầng, đã bắt đầu được tháo dỡ vào năm 2011 để sửa chữa lớn lần đầu tiên trong khoảng một thế kỷ.

Sư trưởng Taiin Murakami và khoảng 900 người dự lễ trùng tu đã tụng kinh Bát Nhã khi một cần cẩu nâng cột trụ lên và đặt nó vào giữa bục.

Các phần tháo rời của ngôi chùa thời Nara (710-784) này là để sửa chữa cũng như để nghiên cứu.

Việc xây dựng lại Toto, một bảo vật quốc gia do chính phủ chỉ định, dự kiến sẽ hoàn thành vào tháng 6-2020.

(The Asahi Shimbun – January 10, 2017)

Cần cẩu nâng cột trụ của chùa Toto lên và đặt nó vào giữa bục—Photo: YUMI KUBITA

TRỞ VỀ MỤC LỤC

ẤN ĐỘ: Đức Karmapa 17 tham gia lễ Thời Luân (Kalachakra)

Bồ Đề Đạo Tràng, Bihar – Ngày 10-1-2017, Đức Karmapa 17 Ogyen Trinley Dorje đã tham gia lễ Thời Luân do Đức Đạt lai lạt ma chủ trì.

Đức Karmapa đã mở rộng sự bảo trợ đầy đủ của tổ chức của ngài cho sự kiện lớn này.

Ngài chỉ đạo phòng hành chính của mình cung cấp 3 bữa ăn mỗi ngày cho 4,000 người tham dự lễ, và chỗ ở miễn phí tại cơ sở Kagyu Monlam gần Tu viện Tergar.

Sau phần điểm đạo của lễ Thời Luân, chương trình mùa đông của Đức Karmapa sẽ bắt đầu với Khóa Tranh luận Mùa đông hàng năm của chư tăng Karma Kagyu từ ngày 16-1 đến 4-2-2017.

Từ ngày 18 đến 26-1, trại động vật Kagyu Monlam lần thứ 4 cũng sẽ khởi động, cung cấp chăm sóc thú y miễn phí cho động vật tại khu vực Bồ Đề Đạo Tràng cũng như chương trình chống bệnh dại và khử trùng cho chó đường phố.

(IANS – January 11, 2017)

Đức Karmapa 17
Photo: Mindrolling

TRUNG QUỐC: Tượng Phật lộ ra khi mực nước hồ hạ thấp

Các nhà khảo cổ Trung Quốc đang cố giải thích bí ẩn của một tượng Phật bị lãng quên từ lâu đã hiện ra từ một hồ nước sau khi mực nước hạ thấp đến hơn 30 feet.

Di tích bằng đá nói trên, được phát hiện tại Nam Thành, Phủ Châu (Phúc Kiến), có thể có niên đại từ thế kỷ thứ 14.

Một vài dân làng đã tìm thấy tượng Phật này vào cuối năm 2016, khi đầu tượng lộ ra từ mặt nước của hồ Hồng Môn. Mực nước đã bị xả thấp đi do một dự án cải tạo của một đập thủy điện.

Sự thay đổi đáng kể của mực nước đã làm lộ ra tượng Phật này ,có thể là tượng Đức Phật Cồ Đàm, được khắc trên một vách đá. Ngoài ra, dân làng còn phát hiện một sắc lệnh của hoàng gia khắc vào đá.

(dailymail.co.uk – January 11, 2017)

Tượng Phật khắc trên vách đá hiện ra khi mực nước hồ hạ thấp

Sắc lệnh của hoàng gia khắc trên đá cũng được tìm thấy
Photos: Xinhua

HOA KỲ: Hội phim Denver trình chiếu loạt phim có chủ đề Phật giáo

Tháng 1-2017, Hội phim Denver, một tổ chức phi lợi nhuận có trụ sở tại Colorado, lần đầu tiên trình chiếu loạt phim thường niên có chủ đề Phật giáo tại Trung tâm Phim Sie ở Denver vào thứ Ba hàng tuần. Các phim chiếu trong tháng này gồm 2 phim Hàn Quốc miêu tả về Phật giáo tại tu viện ở châu Á ngày nay, và 2 phim Mỹ có chủ đề mang ý nghĩa Phật giáo.

Phim 'Xuân, Hạ, Thu… và Đông' của Hàn Quốc, chiếu ngày 10-1, trình bày về Phật giáo truyền thống châu Á và tu viện trong bối cảnh của một chuyện kể. Chuyện khám phá về dục vọng và khái niệm luân hồi Phật giáo của lịch sử.

Phim Hàn Quốc 'Tại sao Bồ Đề Đạt Ma đến phương Đông?', chiếu ngày 24-1, bàn về những câu hỏi của đau khổ, cái chết, và thiên hướng Phật giáo đối với một thầy, một trò và một cậu bé trong một tu viện ở vùng xa khi họ tìm con đường giác ngộ.

Hai phim Mỹ có chủ đề mang ý nghĩa Phật giáo gồm Groundhog Day và Birdman sẽ được trình chiếu vào ngày 17 và 31-1-2917.

(Buddhistdoor Global – January 13, 2017)

Phim Phật giáo 'Xuân, Hạ, Thu … và Đông' của Hàn Quốc

Phim Phật giáo Hàn Quốc 'Tại sao Bồ Đề Đạt Ma đến phương Đông?—Photos: Buddhistdoor Global

MÃ LAI: Trung tâm Phật giáo Metta Lodge mới sẽ được xây dựng cho Phật tử nói tiếng Anh

Trung tâm Phật giáo Metta Lodge mới sẽ được xây dựng

tại Taman Johor Jaya cho Phật tử nói tiếng Anh.

Trung tâm thiền định 4 tầng này sẽ có kinh phí 12 triệu RM. được xây dựng và trang trí với thời gian thi công là 15 tháng.

Heng Chai Teet, chủ tịch Metta Lodge, cho biết kể từ khi thành lập trung tâm cách đây 35 năm, hội viên của họ đã tăng lên đến 600 người. Trung tâm được thành lập tại Johor Baru vào năm 1982 bởi các Phật tử nói tiếng Anh.

Trong lễ động thổ có sự tham dự của khoảng 200 người bảo trợ và thiện nam tín nữ tại Taman Johor Jaya, ông Heng nói, "Hôm nay là một cơ hội lịch sử khi chúng ta đã nhận được sự chấp thuận của chính quyền bang để xây trung tâm mới này".

Trung tâm sẽ truyền bá lời dạy của Đức Phật cũng như giúp phát triển tâm linh và đào tạo về điều hành quản lý.

(tipitaka.net – January 15, 2017)

Một hội viên Trung tâm Phật giáo Metta Lodge trao giấy chứng nhận cho người đã cúng dường 'Dự án Đóng góp Một Viên gạch' tại lễ động thổ ở Taman Johor Jaya, Mã Lai
Photo:thestar.com.my

ẤN ĐỘ: Diễn viên Mỹ Richard Gere tham dự sự kiện Phật giáo Thời Luân tại Bồ Đề Đạo Tràng

Ngày 14-1-2017, mọi người chứng kiến Richard Gere chuyện trò với Đức Đạt lai Lạt ma, người bạn lâu năm của ông khi ông tham dự sự kiện tôn giáo Thời Luân tại Ấn Độ.

Diễn viên 67 tuổi đã chăm chú lắng nghe từng ngôn từ được truyền đạt bởi Đức Đạt lai Lạt ma, vị đạo sư tôn kính của ông.

Hàng ngàn người đã đến Bồ Đề Đạo Tràng để nghe Đức Đạt lai Lạt ma thuyết pháp. Sự kiện này bắt đầu vào ngày 3-1 và kết thúc vào ngày 14-1.

Richard Gere cho biết ông đã đến Bồ Đề Đạo Tràng kể từ năm 1985 và có nhiều kỷ niệm với thị trấn nhỏ này.

Gere chia sẻ, "Tham gia lễ Thời Luân và lĩnh hội những bài pháp giảng của Đức Đạt lai Lạt ma là một thành tựu trọn đời. Việc viếng Bồ Đề Đạo Tràng là điều rất khó khăn nhưng sức hấp dẫn của Đức Đạt lai Lạt ma đã làm cho điều này trở nên dễ chịu."

(Dailymail.co.uk – January 15, 2017)

Diễn viên Richard Gere (người chụp ảnh) và Đức Đạt lai Lạt ma trong sự kiện Thời Luân
Photo:phayul.com

HOA KỲ: Hội đồng Phật giáo New York tổ chức sự kiện thiền định và cầu nguyện chung

Hội đồng Phật giáo New York, một hiệp hội của chùa chiền và các tổ chức Phật giáo đa dạng và quốc tế, tổ chức cuộc thiền định và cầu nguyện chung có tên "Chúng ta cùng nhau" vào Ngày Martin Luther King, Jr. (16-1). Sự kiện này gồm có thiền định, tụng kinh và những bài phát biểu của lãnh đạo các nhóm tôn giáo địa phương, diễn ra tại Tượng Gandhi ở Công viên Quảng trường Đoàn kết, New York.

Phật tử của tất cả các truyền thống và thực hành cùng tham gia ngày "Chúng ta cùng nhau" này đến từ Hoa Kỳ và các khu vực khác, bao gồm Bangladesh, Miến Điện, Cam Bốt, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Mông Cổ, Tích Lan, Đài Loan, Thái Lan, Tây Tạng, Việt Nam.

Hội đồng Phật giáo New York có sứ mạng thúc đẩy đối thoại, hợp tác và đoàn kết trong cộng đồng Phật giáo tại khu vực thành phố New York.

Hội đồng Phật giáo cũng giới thiệu cuộc Thiền định Thành phố New York thường niên để quảng bá thiền định sơ cấp, và Diễn đàn Phật giáo thường niên về các sự kiện hiện tại có liên quan đến Phật tử tại địa phương.

(Tipitaka Network – January 16, 2017)

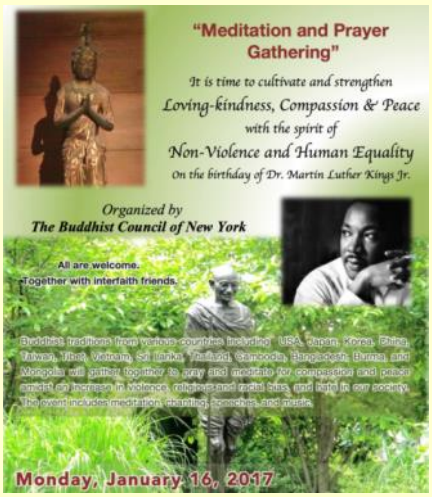

Poster sự kiện Thiền định và Cầu nguyện Chung của Hội đồng Phật giáo New York
Photo: digital.nyc

THÁI LAN: Chùa Bình minh (Wat Arun Rajvararam) cung cấp một tín hiệu của hy vọng

Tại Chùa Bình minh ở Bangkok, doanh nhân Hartanto Gunawan người Indonesia đã trải qua 4 năm làm tu sĩ, là điều đã làm thay đổi tương lai của ông cũng như của khoảng 200 cô gái và phụ nữ trẻ vốn được hưởng lợi từ những sáng kiến giáo dục của ông. Các sáng kiến này kết hợp những nguyên lý Phật giáo trong việc đào tạo nghề và kỹ năng sống.

Học viên đã tìm được một cơ hội hiếm có để có những

kỹ năng cần thiết cho các mục đích chuyên nghiệp và thế tục tại Trung tâm Học tập Cộng đồng ở Chùa Bình minh.

Trung tâm được điều hành bởi "người cha" và là người thầy Hartanto, 51 tuổi, người đã thành lập nó vào năm 2007.

Ngoài các lớp học thiền, nhiệm vụ chính của trung tâm là bảo vệ phụ nữ trẻ tránh được nạn buôn người, bị lạm dụng hoặc bạo lực trong gia đình. Sau đó trung tâm cấp cho họ học bổng để chuẩn bị cho việc làm.

Các khoản tài trợ và đóng góp đến từ những nhà từ thiện Mỹ và một số học viên lớp thiền của trung tâm đến từ Đài Loan, Đức, Cyprus và Úc.

(tipitaka.net – January 17, 2017)

Ông Hartanto Gunawan và các học viên tại Trung tâm Học tập Cộng đồng ở Chùa Bình minh, Bangkok (Thái Lan)
Photos; Bangkok Post

PAKISTAN: Dòng du khách Thái đang tăng trở lại tại các di tích Phật giáo ở Pakistan

Rawalpindi, Pakistan – Ngày 18-1-2017, các tu sĩ Phật giáo Thái Lan đã viếng Khu Mỏ Muối Khewra trong chuyến thăm Pakistan theo lời mời của ông Chadhry Abdul Ghafoor, Giám đốc Hiệp hội Phát triển Du lịch Pakistan (PTDC). Nhóm này gồm 7 nhà sư do đại sứ Thái Lan Suchart Liengsaengthong dẫn đầu.

Ông Chadhry Abdul Ghafoor nói rằng sau khi phục hồi hòa bình và sự tiến bộ của luật pháp cũng như tình hình trật tự tại Pakistan, dòng người du lịch từ Thái Lan một lần nữa cho thấy một sự gia tăng đáng kể trong 2 năm qua. Ông nói rằng tầm quan trọng của các di tích của nền văn minh Phật giáo tại Pakistan đối với người Thái có thể làm tăng dòng du lịch đến Pakistan nhờ sự quảng bá thích hợp.

Về phần mình, đại sứ Thái Lan đã yêu cầu Giám đốc PTDC sắp xếp việc trưng bày các xá lợi của Đức Phật tại các tự viện để thu hút hàng ngàn Phật tử Thái đến với Nền văn minh Gandhara tại Taxila.

Giám đốc PTDC cho biết hội nghị Phật giáo sẽ được tổ chức để mời các học giả Phật giáo và các nhà điều hành tour du lịch tham dự.

(nation.com.pk – January 19, 2017)

Lord Buddha as depicted in Gandhara Sculpture

Tượng Đức Phật theo phong cách điêu khắc Phật giáo Gandhara
Photos: Google

HOA KỲ: Hội Phật giáo của trường Đại học San Diego bang California (SDSU) đang phát triển nhanh

Hội nam nữ Phật giáo Delta Beta Tau&Theta tại trường SDSU ở California, được xem là hội đầu tiên của quốc gia, đang phát triển nhanh chóng và được các trường khác trong nước chú ý.

Vào năm 2015, các hội viên bắt đầu họp mặt tại thư viện của trường, và đến nay hội đã có 51 người.

Các hội viên không nhất thiết theo đạo Phật, nhưng quan tâm đến Phật giáo và thiền định. Các hoạt động bao gồm chia sẻ và theo đuổi những mục tiêu chung, dạy những kỹ năng quản trị, thưởng thức những sự kiện xã hội, thực hiện những dịch vụ cộng đồng v.v. Họ cũng viếng 4 ngôi chùa trong khoảng thời gian 10 tuần, nơi các sinh viên ở lại qua đêm để trở nên quen thuộc với các nền văn hóa gắn liền với Phật giáo.

(Buddhistdoor Global – January 23, 2017)

Hội viên hội Phật giáo Delta Beta Tau&Theta tại trường SDSU ở California
Photo: buddha-for-you.com

NHẬT BẢN: Tượng Bồ tát tại chùa Myoden-ji có thể được tạo tác tại Triều Tiên từ thế kỷ thứ 7

Các sử gia tin rằng tượng Bồ tát Hanka Shiizo tại Chùa Myoden-ji ở Kyoto thật ra có thể là một vật tạo tác cổ xưa hơn khoảng 1,000 năm so với người ta từng nghĩ.

Pho tượng kim loại cao 50 cm này nguyên thủy được cho là có cùng khoảng tuổi với chùa Myoden-ji – có niên đại vào năm 1616 thuộc thời Edo của Nhật.

Nhưng vào ngày 13-1-2017, giáo sư Yutaka Fujioka của khoa Lịch sử Nghệ thuật Đông phương (Đại học Osaka) đã công bố phát hiện của ông rằng: Phần trang trí tượng rất chi tiết, và tượng này rất có thể là tác phẩm từ Bán đảo Triều Tiên.

Giáo sư Fujioka cho biết pho tượng rất có thể được làm tại Bán đảo Triều Tiên trước khi đến Nhật cùng với sự truyền bá về phía đông của Phật giáo trên khắp châu Á. Ông nói tìm được những mẫu tượng như vầy tại Nhật là điều rất hiếm.

Ông Fujioka và đội sử gia của mình đã xem xét khoảng 800 tượng Phật tại Trung

Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc.
(Buddhistdoor Global – January 23, 2017)

Tượng Bồ Tát Hanka Shiizo tại Chùa Myo-den-ji ở Kyoto
Photo: Yoshiko Sato
<—

PAKISTAN: Tu viện Phật giáo cổ đại 2 mái vòm tại Swat

Swat, Pakistan – Nằm cách thành phố Mingora 25 km, tu viện Phật giáo 1,800 năm tuổi có 2 mái vòm từng là nơi thờ phượng của Phật tử, khi Phật giáo là tôn giáo chiếm ưu thế tại Swat.

Các nhà khảo cổ học đã gọi tu viện cổ này là một trong những "tòa nhà cổ đẹp nhất và độc đáo nhất" trên khắp châu Á.

Mặc dù công trình kiến trúc này vẫn còn nguyên vẹn, các khu vực chung quanh nó đã đối mặt với nhiều hư hại.

Các cư dân địa phương cho biết: Nhiều tòa nhà tương tự từng được xây trong khu phức hợp này, nhưng tình trạng bị bỏ mặc đã hủy hoại tất cả chúng. Hòa bình đã được phục hồi trong khu vực, nhưng chỉ có du khách nội địa đến viếng nơi đây; cho nên cần có các biện pháp cụ thể để thu hút tín đồ Phật giáo và du khách quốc tế đến với di tích tại Swat này.

Tu viện cổ đại nói trên hiện nay là một di tích được bảo vệ và duy trì bởi cục khảo cổ của chính phủ.

(tipitaka.net – January 25, 2017)

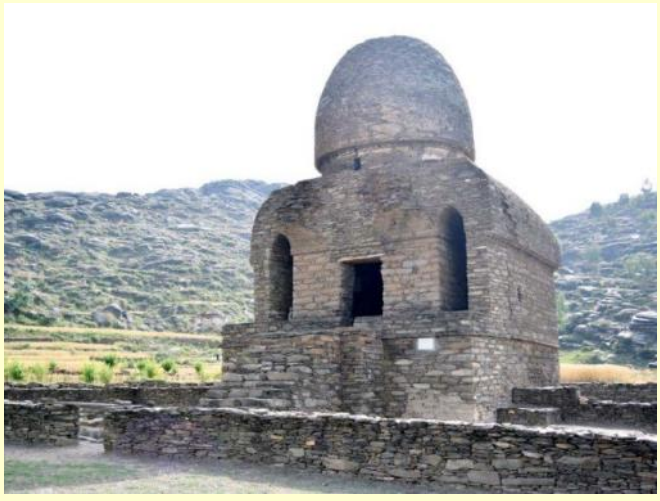

Tu viện Phật giáo cổ đại 2 mái vòm tại Swat
Photo: Shehzad Khan

TẾT ĐINH DẬU CÓ GÌ VUI?

Ngồi ngắm hoa mai nở vàng hoe,
Xứ người chẳng có ai để khoe,
Tết đến, Tết đi rồi cũng thế,
Nhìn quanh, ngó quẩn chẳng bạn bè.

Bạn bè dăm vị ở xa nhau,
Tin tức mỗi lần thấy buồn rầu,
Người bệnh máu cao, người tê thấp,
Người cao áp huyết, kẻ nhức đầu.

Nhức đầu vì nghĩ cái thân tôi,
Lứa tuổi như nhau khổ hết rồi,
Bệnh hoạn theo thân già lụm khụm,..
Niệm Phật may ra bớt khổ đời...

Đã có thân người là có khổ,
Phật dạy ngàn xưa đã rõ ràng,
Tết đến, Tết đi nhớ lời Phật,
Nhất tâm bất loạn đến Lạc bang.

Lạc bang là cảnh giới Tây phương,
Đinh dậu năm nay nhớ tỏ tường,
Tích đức tu thân cho chân chính,
Cố tâm gìn giữ tránh tai ương.

thơ

ĐIỀU NGỰ TỬ TÍN NGHĨA

Mạnh xuân Đinh dậu - Jan. 16, 2017

XÂY DỰNG HẠNH PHÚC GIA ĐÌNH

Sa môn Thích Thắng Hoan

(tiếp theo)

D)- Đối Với Xã Hội:

1)- Khiêm Cung Đối Với Mọi Người:

Khiêm là khiêm tốn, nghĩa là thể hiện cử chỉ hạ mình xuống ngang hàng với mọi người. Cung là cung kính, nghĩa là tỏ thái độ kính nể với mọi người. Khiêm Cung là hành động nhằm đả phá thái độ cống cao ngã mạn của con người. Người khiêm cung không phải làm mất thể diện của con người mà trái lại theo tỷ lệ nghịch còn đưa giá trị của con người nổi lên như ngôi sao sáng trong một bầu trời đen tối. Người khiêm cung cần phải nhận thức rõ những yếu tố quan hệ sau đây:

a)- Sự sống còn của chúng ta vô cùng quan hệ mật thiết với xã hội, xã hội thương yêu che chở là chúng ta sống, xã hội ghét bỏ phá hoại là chúng ta đau khổ. Thí dụ: chúng ta mở tiệm buôn bán để kiếm cơm qua ngày phải nhờ khách hàng tiêu thụ; có nhiều khách hàng thương yêu đến tiêu thụ là chúng ta sống và có nhiều khách hàng ghét bỏ không đến ủng hộ là chúng ta thất bại. Sự sống còn của chúng ta quan hệ mật thiết với xã hội đúng với câu Tục Ngữ: *"Bà con xa không bằng lối xóm gần."*

b)- Trong xã hội, rất nhiều người có tánh hay ganh tỵ hiềm khích so đo, v.v... với những người hơn mình, họ không thích những người tài năng hơn họ, giàu sang hơn họ, thông minh hơn họ, v.v... Họ đã không thích những người hơn họ mà còn tìm mọi cách phá hoại những người họ không thích bằng những phương tiện như chụp mũ, bôi bác, vu khống, chế bai, v.v...làm sao cho những người đó mãi bị thất bại trên đường đời. Đây là đặc tánh cố hữu của xã hội và theo Phật Giáo xã hội nếu như không có những đặc tánh nói trên thì không phải là xã hội trần gian.

Muốn cho cuộc sống của mình được thuận chiều mát mái theo chiều hướng đi lên trong việc xây dựng hạnh phúc an lạc, mỗi người trong gia đình cần phải thể hiện thái độ khiêm cung đối với mọi người. Thái độ khiêm cung là một trạng thái tâm lý móc nối tình cảm thân thương của tất cả mọi người quy tụ về mình nếu như không được trọn vẹn như ý muốn nhưng cũng giảm bớt đến mức trung bình những mâu thuẫn nghịch biến cản trở trên bước tiến lên xây dựng hạnh phúc và nhờ đó mình mới có cơ hội tạo dựng nền tảng an ổn cho cuộc sống lứa đôi.

2)- Thể Hiện Đức Hạnh Của Bậc Trượng Phu Và Thục Nữ:

Trượng Phu: Trượng là cây gậy, phu là người đàn ông; Trượng Phu nghĩa bóng ám chỉ cho người đàn ông là cột trụ của gia đình. Bậc trượng phu là người đứng đắn thể hiện được bốn đức hạnh của phái nam trong những phong cách đi đứng, nói năng, cư xử đối với mọi người, nghĩa là không vì giàu sang mà thay lòng, không vì thấp hèn mà đổi chí. Tứ Đức là hiếu, để, trung, tín.

- Hiếu nghĩa là hết lòng thờ kính cha mẹ;
- Để nghĩa là tỏ lòng yêu mến anh chị em;
- Trung nghĩa là trọn đời yêu nước thương dân;
- Tín nghĩa là quý trọng lời hứa trên hết.

Thục Nữ: Thục là hiền lành có nết na, nữ là người đàn bà; Thục Nữ là chỉ cho người đàn bà có những đức tánh hiền hòa, nhã nhặn, thể hiện được bốn đức hạnh cao quý:

- Công: mọi việc đều phải khéo léo;
- Ngôn: ăn nói phải khôn ngoan lễ phép;
- Dung: mặt mày phải nghiêm chỉnh, ăn mặc phải vén khéo kín đáo;
- Hạnh: nết na phải đắm thắm, đoan trang, thuần hậu, hiền lương.

Riêng đối chồng vợ ngoài sự bồi dưỡng bốn đức hạnh của bậc Trượng Phu và Thục Nữ vừa được giải thích tổng quát mà ở đây còn phải chú trọng đến cung cách phục sức khi tiếp xúc với xã hội bên ngoài để nói lên được giá trị cao quý của bốn đức hạnh trên. Theo luân lý và đạo đức, đôi chồng vợ muốn thể hiện bậc Trượng Phu và Thục Nữ khi tiếp xúc với xã hội bên ngoài cần phải quan tâm những điểm sau đây:

a)- Khi giao tiếp với mọi người bên ngoài,

chúng ta không nên ăn mặc thường phục ở nhà, nghĩa là chúng ta phải mặc sắc phục ngoại giao như theo người Việt Nam, người đàn ông phải mặc quần tây dài, áo dài tay và gài nút cổ đàng hoàng, v.v...; người đàn bà phải mặc áo dài, v.v..., không nên mặc đồ ngắn hay đồ ngủ đi tiếp xúc với họ. Chúng ta ăn mặc những quần áo trong nhà, như quần ngắn, áo thun, v.v... ra ngoài tiếp xúc với mọi người có những lỗi lầm như sau:

*)- Tạo cho mọi người không thiện cảm với mình, vì chính mình tỏ thái độ khinh họ thấp hèn khi tiếp xúc.

*)- Tạo cho mọi người đánh giá mình thiếu học thức, thiếu văn hóa nên không biết cung cách giao tiếp.

b)- Khi giao tiếp với mọi người bên ngoài, đàn bà thì không nên ăn mặc hở hang và nói năng lả lơi có tánh cách khêu gợi tình dục với người khác phái. Ăn mặc hở hang và nói năng lả lơi để tiếp xúc với mọi người có những khuyết điểm như sau:

*)- Tạo cho đối phương khinh thường mình, đánh giá thấp cho mình là hạng bất chánh.

*)- Tạo cho chồng dễ mất niềm tin với nhau trong khi sống chung qua cách phục sức hở hang hoặc nói năng thiếu tế nhị.

Đôi chồng vợ cần phải biết, người đàn ông thì có bạn trai và người đàn bà thì có bạn gái; người chồng khi ra ngoài xã hội ăn mặc không lịch sự làm cho vợ của mình mất mặt với bạn gái, vì bị những bạn gái bình phẩm tư cách, cũng như người vợ khi ra ngoài xã hội ăn mặc không đàng hoàng làm cho chồng của mình mất mặt với bạn trai, vì bị những bạn trai bình phẩm nết hạnh.

Đây là một trong những yếu tố cần phải quan tâm trong việc xây dựng hạnh phúc gia đình. Món hàng có giá trị là khi món hàng đó khó kiếm và ít gặp và tình yêu có lý tưởng là tình yêu khó kiếm và ít được thấy. Như vậy đôi chồng vợ muốn được hạnh phúc bền lâu thì lối ăn mặc và nói năng cũng cần phải cẩn thận.

3)- Loại Bỏ Những Chuyện Thị Phi Ở Đời:

Vấn đề thị phi được thấy trong quyển *Niệm Phật Thập Yếu* của Đại sư Thiền Tâm, trang 153 - 154 có ghi lại bài kệ Vô Tướng nơi *Kinh Pháp Bảo Đàn* của ngài Huệ Năng như sau:

.....
"Muốn phá tan phiền não
Hãy trừ tâm thị phi
Thương ghét chẳng để lòng
Nằm thẳng đôi chân nghỉ!"

Xây dựng hạnh phúc gia đình, vấn đề thị phi theo quan niệm Phật Giáo cũng là một vấn đề tai họa không kém. Người đời thường bị một thứ bệnh cũng khó trị là những chuyện xấu trong gia đình không biết đóng cửa để dạy nhau, lại đi bán rao với mọi người, hoặc những chuyện xấu của người đời bên ngoài không quan hệ chút nào với gia đình mình lại mang vào nhà làm xáo trộn nếp sống bất an trong gia đình. Thứ bệnh này của con người, đức Phật ghép vào một loại bệnh là bệnh Vọng Ngôn (một thứ trong bốn thứ Vọng Ngữ). Vọng Ngôn: nghĩa là chụp mũ, vu khống, chuyện có cho là không có, chuyện không có cho là có, chuyện phải cho là quấy, chuyện quấy cho là phải, chuyện xấu trong nhà đem khoe ngoài đường, chuyện xấu ngoài đường mang về làm xáo trộn trong gia đình. Gia đình muốn được hạnh phúc bền lâu, chồng vợ cần phải tu tập những điều kiện sau đây:

*)- Không nên đem những chuyện thị phi bên ngoài vào nhà bình phẩm. Những chuyện thị phi bên ngoài không quan hệ chút nào với gia đình nếu đem vào nhà bình phẩm làm nếp sống gia đình trở nên sóng gió vô cớ, vì mỗi người có quan điểm khác nhau về chuyện thị phi đó; có một số gia đình cũng vì chuyện thị phi vô cớ nói trên sắp đi đến tình trạng chồng vợ ly dị với nhau. Cho nên luật của Phật cấm người Phật tử chân chánh tuyệt đối không nên đem những chuyện thị phi bên ngoài vào gia đình vô tình làm xáo trộn tâm linh của họ trở nên bất an.

*)- Không nên đem những chuyện xấu trong gia đình đi bán rao ra ngoài cho mọi người đều biết. Trong gia đình nếu có chuyện xấu gì, chồng vợ nên đóng cửa để sửa đổi cho nhau, không nên nhờ người ngoài can thiệp vào sẽ làm mất thể diện cả tông môn hai họ. Nếu như chồng vợ không giải quyết cho nhau được thì nên nhờ đến cha mẹ hai bên đứng ra hòa giải, hoặc chồng vợ có tín ngưỡng thì nhờ đến người lãnh đạo tinh thần đứng ra hòa giải. Còn người ở ngoài thì không thể nào hòa giải được và nếu như người hòa giải đó không được tốt thì tạo sự ly gián khiến cho hai bên càng đổ vỡ thêm và những điều xấu trong gia đình mình cũng vì họ không kín miệng cho nên mọi người ai cũng biết đến.

Tâm có hòa thuận thì chồng vợ mới có hạnh phúc và chuyện thị phi vừa trình bày là những điều kiện khiến cho tâm của chồng vợ trở nên bất hòa và từ đó lâu ngày nội kết sẽ đưa đến gia đình mất hạnh phúc. Đôi chồng vợ muốn sống có hạnh phúc thì phải tu tập tịnh khẩu để tránh những chuyện thị phi nói trên.

2.- MIỆNG HÒA KHÔNG TRANH CÃI: (Khẩu hòa vô tránh)

Miệng hòa không tranh cãi nghĩa là lời nói phải hòa hợp không chống đối lẫn nhau, nghĩa là lời nói phải giữ gìn cho được ôn hòa nhã nhặn. Bất kỳ trường hợp nào, nếu có điều gì thắc mắc cần phải thảo luận, nhưng phải trao đổi trong sự hòa nhã lễ độ để tránh sự cạnh tranh hơn thua, thù nghịch nhau. Muốn được như vậy, trong một gia đình, chồng vợ, con cái, anh em cần phải theo những luật lệ như sau:

1)-Nhẫn Nhục Để Vượt Qua Mọi Trở Lực:

Theo Phật Giáo, cuộc đời luôn luôn có hai mặt: thiện và ác, tốt và xấu, thạnh và suy, ngày và đêm, nước lớn và nước ròng. Dòng đời luôn luôn vô thường biến đổi như dòng nước chảy và nhờ vô thường biến đổi cho nên con người mới sống cũng như nhờ dòng nước chảy cho nên dòng nước không bị hư thối. Cũng vì dòng đời vô thường biến đổi cho nên cuộc đời luôn luôn xuất hiện có hai mặt vừa kể ở trên. Chúng ta hiện đang sống trong dòng đời vô thường biến đổi và trong cuộc đời hai mặt thì làm sao tránh khỏi những trở lực đắng cay dồn dập đưa đến. Chúng ta cũng vì sống trong cuộc đời hai mặt và bị cuốn hút theo dòng đời vô thường biến đổi cho nên luôn luôn gặp rất nhiều ngang trái hơn là gặp nhiều may mắn.

Chúng ta là Phật tử đã biết cuộc đời là như thế thì phải nên sống theo Hạnh Tùy Duyên. Hạnh Tùy Duyên nghĩa là đời sống của mình khi gặp con nước lớn, gặp nhiều phước lành, nhiều may mắn thì đừng tự hào buông thả, đừng tiêu hao lãng phí cuộc đời mà phải nên chuẩn bị lúc gặp phải con nước ròng, gặp phải thời vận suy tàn đắng cay dồn dập; còn đời sống của mình khi gặp phải con nước ròng, gặp lúc thời vận suy tàn, gặp nhiều trở ngại đắng cay thì cũng đừng thối chí ngả lòng, phải nhẫn nhục để vượt qua cơn nguy khó thì nhất định sẽ gặp nước lớn trở lại, sẽ gặp nhiều phước lành, nhiều may mắn tái diễn. Chúng ta đã biết sống theo Hạnh Tùy Duyên nói trên, nghĩa là chúng ta đã chuẩn bị trước tư thế thì khi gặp phải những hoàn cảnh bất hạnh như đã nói ở trên không bao giờ bị khổ đau tuyệt vọng. Ngược lại chúng ta nếu như không biết sống theo Hạnh Tùy Duyên, nghĩa là không biết chuẩn bị trước tư thế thì sẽ rước lấy từ thất bại này đến thất bại khác trong cuộc đời.

Những sự kiện trên dạy cho chúng ta rằng mình là người biết sống Hạnh Tùy Duyên khi gặp phải những hoàn cảnh bất hạnh, những trở ngại đắng cay dồn dập mang đến thì không nên mắng trời trách đất mà ở đây cần phải nhẫn nhục để vượt qua và biết rằng ngày mai trời sẽ sáng trở lại, không nên thối chí ngả lòng để rồi chính mình phải rước lấy những bất hạnh khổ đau.

2)- Ái Ngữ Trong Việc Đối Xử:

Ái ngữ nghĩa là lời nói thương yêu ngọt ngào. Đôi chồng vợ hằng ngày đối xử với nhau cần phải sử dụng đến ái ngữ. Châm ngôn thường nói: *"Lời nói không mất tiền mua, lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau."*

Làm người ai cũng có lúc lỗi lầm và ai cũng có tự ái cá nhân và không muốn người khác phê bình những khuyết điểm của mình. Chồng hay vợ nếu như có những khuyết điểm gì và muốn họ sửa đổi thì phải đối xử với nhau bằng những lời ái ngữ với những nguyên tắc sau đây:

*)- Đừng phê bình, đừng sửa chữa chồng hay vợ trước mặt mọi người hoặc trước mặt con cái.

*)- Phải dùng những lời ái ngữ để phê bình hay sửa chữa, nghĩa là phải ca ngợi chồng hay vợ 80 phần trăm những hạnh kiểm ưu điểm rồi sau đó nói một cách nhẹ nhàng những khuyết điểm để họ sửa chữa.

*)- Phải nghe tiếng lòng của họ đừng nghe tiếng nói của họ, nghĩa là khi mình phê bình sửa chữa chồng hay vợ, thâm tâm của họ đã biết họ có lỗi, nhưng họ vì tự ái cá nhân cho nên vẫn cứ cãi bướng không chịu nhịn. Lúc đó chồng hay vợ phải lắng nghe khi nhận biết được tiếng lòng của họ đã ăn năn thì làm thinh bỏ đi chỗ khác để họ tự động âm thầm sửa chữa, đừng chấp trước những lời cãi bướng của họ mà phải đưa đến sự bất an trong gia đình. Chồng hay vợ nếu như chấp trước những lời cãi bướng của họ thì sẽ đưa đến tình trạng họ lại trở mặt lỳ lợm không chịu sửa đổi những khuyết điểm theo như ý mình muốn, điều đó đúng với câu tục ngữ: "Nhân cùng tắc biến, vật cùng tắc phản," nghĩa là con người nếu như dồn họ vào đường cùng thì họ nghịch biến trở lại chống mình, con vật nếu như dồn nó vào đường cùng thì nó phản lại cắn mình.

Đây là nguyên tắc ái ngữ để đối xử với nhau cho đẹp lòng chồng vợ và để cho nhau hòa hợp sống chung. Đó cũng là những yếu tố trong việc xây dựng hạnh phúc gia đình được bền lâu.

3)-Thắc Mắc Cần Phải Giải Tỏa.

Chồng hay vợ có những thắc mắc gì trong gia đình thì phải trực tiếp trình bày thẳng với nhau mong sớm giải tỏa, đừng để ẩn uất nội kết lâu ngày trong lòng trở thành ung thư tâm lý. Tâm lý khi bị ung thư về những thắc mắc ẩn uất nội kết thì khó khăn trong việc trị liệu tâm bệnh cũng như bệnh ung thư tham lam, sân hận, si mê, v.v… đã nội kết lâu đời trong tâm hồn con người thì không dễ gì xóa bỏ tận gốc rễ. Tâm lý ung thư nói trên cũng là nguyên nhân đưa đến tình trạng bất an trong gia đình khó bề hòa hợp mà gia đình nếu như không thể hòa hợp thì việc xây dựng hạnh phúc lâu dài không thể nào thành công tốt đẹp.

Những thắc mắc trong gia đình muốn giải tỏa thì chồng và vợ phải thực hiện những điều kiện sau đây:

*)- Chồng vợ phải luôn luôn tâm niệm

rằng, mình là người cột trụ trong gia đình, là cây đại thọ làm chỗ nương tựa vững chắc và che mát cho các con. Chồng vợ sống chung đừng tạo nên sự rạn nứt với những thắc mắc không đâu khiến đưa đến tình trạng bất hòa trong gia đình gây ảnh hưởng không tốt tâm lý cho con cái. Đôi chồng vợ sống chung hằng ngày cứ mãi chạm mặt cách lòng, nghĩa là hai người thường giáp mặt gặp nhau hằng ngày mà lòng của hai người cách xa nhau ngàn dặm là hiện tượng tâm hồn của đôi bên không có chút hòa hợp, tình trạng như thế chẳng những gây ảnh hưởng không tốt cho đời sống của chính mình mà còn ô nhiễm đến tâm lý của con cái. Theo Tâm Lý Học, chồng vợ mặc dù sống chung với nhau, nhưng tâm hồn của hai người không còn tin tưởng với nhau để nương tựa thì nhất định mỗi người sẽ đi tìm người khác để gởi gắm tình cảm và con cái của mình cũng vậy một khi đã mất niềm tin nơi cha mẹ thì mặc dù sống chung với cha mẹ nhưng với thái độ chạm mặt cách lòng của cha mẹ, chúng nó cũng sẽ đi tìm người khác bên ngoài để nương tựa. Trong một gia đình sống chung, tâm hồn của mỗi người lại đi theo lối rẽ của mỗi ngả thì làm sao có được hạnh phúc. Nhằm ngăn ngừa những hiện tượng không tốt xảy đến trong gia đình, phận làm cha mẹ chồng vợ nếu có những thắc mắc gì thì phải nên lập tức cùng nhau giải tỏa ngay, đừng tạo tình trạng chạm mặt cách lòng xảy ra vô tình làm mất hạnh phúc cho nhau.

*)- Muốn giải tỏa những thắc mắc nếu có, đôi chồng vợ vì hạnh phúc chung mỗi người phải có thiện chí giác ngộ thật sự để cùng nhau hóa giải trong sạch tận đáy lòng những nghi kỵ khiến không còn dấu vết trong tâm hồn. Nguyên tắc giải tỏa những thắc mắc, chồng và vợ hai người phải đối diện trực tiếp, phải đặt trên nền tảng xây dựng, phải trao đổi với nhau bằng những lời lẽ ái ngữ, nhằm cải tiến để sống chung mà không phải để hơn thua, trong lời nói.

*)- Sau khi trao đổi giải tỏa xong, chồng vợ kể từ đấy trở về sau xả bỏ tất cả những khuyết điểm đã qua xem như không có chuyện gì cả, tuyệt đối không được nhắc đi nhắc lại nhiều lần những lỗi lầm đã được giải tỏa. Đôi chồng vợ nếu như mỗi lần có chuyện gì xảy ra cứ mãi nhắc lại những lỗi lầm đã qua vô tình khơi dậy sóng gió trong gia đình như khơi lại đốm lửa đã tàn mà theo lẽ chúng nó đã tắt rụi từ lâu.

(còn tiếp)

MỪNG XUÂN ĐINH DẬU

Mai nở đào tàn chuyện thế gian
Người tu tự tại cảnh thanh nhàn
Vui xuân buông xả nơi phiền não
Đón tết không quên chốn niết bàn

Bính Thân từ giã nhiều hy vọng
Đinh Dậu vinh quy tốt sẵn sàng
Tâm ta mỹ hảo thường chiêu cảm
An lạc thanh cao lòng nhẹ nhàng.

Chùa Pháp Hoa – Nam Úc, những ngày đón xuân Đinh Dậu (2017)

ĐỀN TỨ TRỌNG ÂN

Trong hơi thở vào ra luôn quán chiếu
Ta vẫn mang ơn nặng của đất trời
Cấp cho ta không khí ở muôn nơi
Dinh dưỡng tốt bảo toàn cho cuộc sống

Ơn sâu nặng cha mẹ cùng nòi giống
Đã dưỡng nuôi giáo dục lớn nên người
Ơn xã hội tác động được tốt tươi
Cơm áo mặc giúp ta nâng tri thức

Ơn đất nước bao dung nhiều tài đức
Ta yên tâm hiến trọn bản thân mình
Ơn Tam bảo làm lợi lạc quần sinh
Đẩy chánh kiến chánh tư duy đúng nghĩa

Muốn trả ơn "vô ngã" hành thâm thía
Biết khiêm cung tôn trọng đến muôn loài
Kiệm phước đức không còn muốn hơn thua
Hiểu và thương chia sẻ nhau tất cả

Tứ trọng ân chúng ta nên quyết trả
Xứng đáng người có tu học vươn lên
Người con Phật ân nghĩa phải đáp đền
Tạo phước đức thoát khỏi vòng sinh tử.

thơ THÍCH VIÊN THÀNH

Chùa Pháp Hoa – Nam Úc
Những ngày tiễn biệt năm Bính Thân

LÁ THƯ ĐẦU XUÂN

Thích Đức Trí

Đôi lời giới thiệu:

Tôi quen biết Thầy qua việc vận chuyển bức tượng Bồ-tát Quán Thế Âm từ Vũng Tàu sang, an vị tại Chùa Tam Bảo, thành phố Tulsa, Oklahoma vào tháng 6 năm 2010. Kể từ khi tượng được dựng lên, Thầy luôn mời tôi qua thăm Chùa Tam Bảo một chuyến. Chưa đủ nhân duyên, tôi khất mãi cho đến ngày… nghe tin Thầy viên tịch. Thật là quá ngỡ ngàng, không tin nổi. Đến nỗi, khi đọc tin nhắn của Ni sư Diệu Tánh nơi cellphone là *"Thầy Đức Trí ở Oklahoma đã viên tịch,"* tôi đã vội nhắn tin thẳng đến Thầy qua Viber để kiểm chứng: *"Mới sáng hôm qua Thầy gửi cho bài* **Lá Thư Đầu Xuân** *mà, sao hôm nay lại nghe tin Thầy viên tịch! Gọi phone Thầy không bắt. Có gì Thầy nhắn lại ở đây nhé!"* Tin nhắn của tôi gửi đi cũng không thấy trả lời. Tôi liền mở máy, check email thì quả nhiên, đã có thông báo của Thầy Nguyên Đạt về tin viên tịch của Thầy Đức Trí.

Tôi thật bàng hoàng, xúc động. Ôi, lại thêm một "người thân" trong chốn thiền ra đi. Giữa tôi và Thầy vẫn còn nhiều điều chưa có cơ hội nói ra hết, nhiều việc cần làm chưa lập thành dự án để thực hiện; nhưng tôi biết Thầy là một trong những vị Tăng trưởng thành sau năm 1975 có nhiều ưu tư, thao thức về tiền đồ của Phật Giáo Việt Nam, nhất là từ khi bắt đầu sự nghiệp hoằng pháp tại hải ngoại.

Ngày 12.12.2016, Thầy gọi điện thoại nói chuyện với tôi, kể về sinh hoạt Chùa Tam Bảo với nhiều khởi sắc. Tôi nhắc Thầy viết bài cho báo Xuân Chánh Pháp, Thầy hơi ngập ngừng rồi nói, *"đạo này cũng khá bận nên chẳng viết gì, để cố gắng thử."* Không hứa chắc nhưng rồi qua ngày hôm sau đã thấy email và bài mới nhất của Thầy: **"Phật Giáo Việt Nam Trước Nỗi Đau của Dân Tộc"** (bài có đăng nơi số 62, Giai phẩm Xuân Đinh Dậu, tháng 01.2017). Tôi nói lời cảm ơn và cho Thầy biết là bài vừa kịp đăng báo Xuân trước khi lên khuôn. Một tuần sau đó, vào 9:43 phút sáng 21.12.2016, Thầy gửi tiếp một email, đính kèm bài nữa như lời hứa ở email tuần trước. Bài này không kịp đăng báo Xuân, dù viết với chủ đề Xuân. Đây là bài cuối cùng của Thầy xuất hiện trên các websites Phật Giáo, và trên nguyệt san Chánh Pháp số này. Bài viết như lời trăn trở của một Tăng sĩ ly hương, luôn nhớ về quê nhà, đau lòng trước hiện trạng của đạo pháp và dân tộc. Tôi trân trọng từng lời từng chữ của Thầy, và xin gửi nơi đây cả 2 email cuối cùng Thầy đã viết cho tôi như một lời ***từ*** mà không ***biệt***, lời của một người chuẩn bị đi xa nhưng biết là sẽ quay về. (Vĩnh Hảo)

Phuc Vo Thich Duc Tri
Sent from my iPad 12/13/2016
Begin forwarded message:
Mô Phật, anh xem được thì xin đăng bài này nhé. Sẽ có bài kế tiếp. Thân mến, Đức Trí

Phuc Vo Thich Duc Tri
Sent from my iPad 12/21/2016
Begin forwarded message:
Mô Phật, sắp tết trời lạnh, nhớ quê viết bài, gửi anh đăng, có gì anh góp ý thêm nhé! Thân chúc anh vui khỏe.
Nay thư: Đức Trí

---oOo---

LÁ THƯ ĐẦU XUÂN

Thích Đức Trí

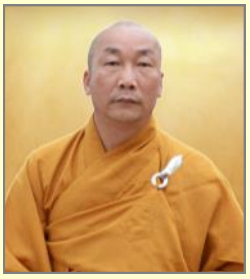

Khi đông vừa tàn là xuân đến. Vẻ đẹp cao quý trong ngày xuân là mọi người có dịp làm mới lại những truyền thống văn hóa, đạo đức và di huấn của tổ tiên chúng ta để lại. Những người con Việt dù ở đâu cũng không quên văn hóa mừng xuân, gửi cho nhau câu chuyện tâm tình về quê hương xứ sở. Xuân về là dịp mọi người thể hiện sâu sắc đạo lý tri ân và báo ân cha mẹ, tổ tiên, bạn bè, người thân và xã hội. Đó là nét đẹp muôn thuở của ngày xuân trong tâm hồn người dân Việt Nam.

Tinh thần báo ân với người thân trong gia tộc và mọi người vào dịp tết đó là nếp sống lành mạnh, nhân bản, mang đậm tình người. Trước lễ đón giao thừa đầu năm là lễ cúng tất niên. Lễ tất niên có mâm cơm ngon, hương hoa và mâm ngũ quả cúng tổ tiên, mời các ngài về ăn tết cùng con cháu. Đó cũng là bữa cơm đoàn tụ gia đình trong ngày cuối năm. Đêm đón giao thừa, nhiều nhà còn sắm sửa lễ vật thanh khiết

để cúng Phật, cúng trời và các đấng thánh thần để cầu nguyện cho quốc thái dân an. Có nhiều nơi còn đốt pháo trong lễ cúng giao thừa. Mọi người thường mang áo quần mới, y phục thường trang trọng khác thường để vui xuân. Hạnh phúc nhất sau lễ đón giao thừa, bắt đầu năm mới, con cháu đi chúc tết mừng tuổi ông bà cha mẹ. Người lớn cũng gửi những lời cầu chúc cho con cháu lớn khôn, thành đạt. Suốt mấy ngày tết, mọi người còn có dịp xuất hành và thăm viếng bà con họ hàng, chia sẻ ước nguyện đầu năm.

Phong tục tu phước đầu năm còn lưu dấu trong văn hóa lì xì tiền tài đầu năm cho người khác. Người Việt Nam bản tính rất nhân hậu và giàu lòng vị tha, thấm nhuần đạo đức nhân sinh. Tổ tiên chúng ta rất tôn trọng đạo lý nhân quả trong đời sống, luôn khuyên dạy con cháu ăn ở hiền lành, kính trên nhường dưới, thương người nghèo khó. Triết lý sống đơn giản nhưng ấn tượng sâu sắc trong trái tim người dân Việt: *"Trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu," "Ở hiền thì gặp lành," "Thương người như thể thương thân," "Lá lành đùm lá rách."* Ca dao cũng có câu: *"Bầu ơi thương lấy bí cùng, tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn"…* Tình thương đó không hạn chế trong gia đình người thân mà phổ cập đến dân tộc và đồng loại. Tin sâu đạo lý nhân quả làm chủ đạo mọi giá trị đạo đức xã hội. Đầu năm tu phước, làm lành là mong cả năm đều làm được nhiều điều tốt đẹp. Sống yêu thương, tương trợ lẫn nhau lúc khó khăn hoạn nạn là nuôi lớn tình thương cá nhân và đồng loại. Đó là sức mạnh tổng hợp giúp dân tộc chúng ta dìu dắt nhau vượt mọi biến cố lâm nguy trong mọi hoàn cảnh.

Xã hội ngày nay, mức độ chênh lệch giữa đời sống người giàu và người nghèo với khoảng cách quá lớn! Có người có quyền chức, địa vị xã hội thì sống xa hoa, người dân lao động thì cùng khổ bế tắc. Đó là cảnh: *"Người ăn không hết, kẻ làm không ra."* Biết bao nhiêu người dân lao động chịu cảnh đói nghèo suốt năm

tháng. Xuân về, nhà ai giàu sang, lầu cao cửa rộng, hoa pháo rầm rang, quan qua, đại gia lại, tiệc tùng say sưa. Xuân về, có nhiều người dân đang trong cảnh: "tai trời, ách nước, họa người." Xuân về, bao trẻ nhỏ thiếu ăn, thiếu mặc, chịu thiệt thòi vì gia đình lâm cảnh cùng cực, cha mẹ nhìn con với giọt nước mắt nghẹn ngào và đau xót. Xuân về, bao cụ già ôm chiếu rách nằm ôm phận đời bất hạnh.

Việt nam chúng ta, một hơn ngàn năm bị giặc Tàu đô hộ, trăm năm bị giặc tây xâm chiếm, đất nước chiến tranh, Nam Bắc Trung như con một nhà đã từng trong cảnh nồi da xáo thịt, dừng chiến tranh thì sa vào nạn chủ nghĩa độc quyền. Tất cả toàn dân Việt là nạn nhân của lịch sử, nạn nhân của chiến tranh và sự chia rẽ, hãy nhận thức để xóa bỏ hận thù, cùng hướng về một tương lai tươi sáng cho dân tộc. Đất nước Việt Nam trên bốn ngàn năm văn hiến, bao cảnh đau thương mất mát đổ dồn trên đôi vai dân tộc. Chính những người dân cùng khổ hôm nay, tổ tiên họ đã bao đời hy sinh máu thịt, gìn giữ đất nước, gìn giữ lãnh thổ, gìn giữ bản sắc văn hóa đạo đức của dân tộc Việt Nam. Cho nên, đất nước này là đất nước của dân, người dân phải có nhân quyền, cần có một chế độ với pháp luật nhân bản. Chúng ta cần có trách nhiệm chung của người dân việt đang khổ đau.

Đón mùa xuân mới, chúng ta có cơ hội ngồi lại bên nhau, hâm nóng lại tình thương đồng bào, thể hiện lòng tri ân tổ tiên. Hãy bỏ đi mọi thành kiến và mọi ý thức hệ vay mượn không phù hợp với xu thế tự do, hạnh phúc dân tộc. Xuân về, mọi người hãy sống bên nhau trong tình ruột thịt, suy tư nỗi đau của dân của nước. Chúng ta còn có cơ hội lựa chọn sáng suốt, đừng để dân tộc chúng ta tiếp tục lê thê trong kiếp sống lầm than. Những người dân Việt thân thương đang có trách nhiệm với dân tộc hôm nay, hãy trả về cho dân Việt những gì người dân đã mất, hãy chung vai sát cánh với dân để thiết lập một xã hội tốt đẹp, để cùng dân đủ sức gìn giữ non sông Việt Nam tươi đẹp muôn đời./.

BA CĂN LÀNH CHẲNG THỂ CÙNG TẬN

Quảng Tánh

Người đệ tử Phật đều tin hiểu Tam bảo là ruộng phước tốt lành ở thế gian. Gieo trồng công đức, phước báo với Tam bảo là pháp tu phổ biến, là căn lành cho tất cả những người con Phật. Nên quy kính Tam bảo, phụng hành Tam bảo, nương theo ánh sáng Tam bảosoi đường là pháp tu căn bản cho người sơ cơ mới vào đạo nhưng đồng thời cũng xuyên suốt trong pháp hành của các bậc Thánh giảthú hướng Niết-bàn.

Lộ trình căn bản của người tu Phật là từng bước thành tựu phước và trí. Đức Phật là bậc phước trí tròn đầy. Hàng đệ tử Phật thì trọn đời tinh cần vun bồi phước đức và trí tuệ. Trong các thiện pháp mà người đệ tử Phật thực thi trong đời sống hàng ngày thì gieo trồng thiện căn công đức nơi Tam bảo là thù thắng nhất.

"Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

- Có ba căn lành chẳng thể cùng tận, tiến dần đến Niết-bàn. Thế nào là ba? Nghĩa là trồng công đứcở Như Lai, căn lành này chẳng thể cùng tận. Trồng công đức ở Chánh pháp, căn lành này chẳng thể cùng tận. Trồng công đức ở Thánh chúng, căn lành này chẳng thể cùng tận. Đó là, này A-nan, ba căn lành chẳng thể cùng tận, đến được Niết-bàn. Thế nên, này A-nan, hãy cầu phương tiện thâu được phước chẳng thể cùng tận này. Như thế, A-nan, hãy học điều này!

Bấy giờ Tôn giả A-nan nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm."

(*Kinh Tăng nhất A-hàm*, tập I, phẩm Cúng dường, VNCPHVN ấn hành, 1997, tr. 387)

"Trồng công đức ở Như Lai, căn lành này chẳng thể cùng tận." Đức Phật là bậc Giác ngộ, phước trínhị nghiêm, bi trí viên mãn. Đức Phật ra đời đã mở ra con đường tỉnh thức cho chúng sinh thiết lập hạnh phúc, an lạc nơi đời này và những đời sau. Nên kính lễ Phật, cúng dường Phật, tán dương ca ngợi Phật, tôn tạo và bảo vệ kim thân Phật luôn hiện hữu ở thế gian, phát nguyện tu tập cho đếnngày thành Phật…, là trồng công đức ở Như Lai.

"Trồng công đức ở Chánh pháp, căn lành này chẳng thể cùng tận." Tuy Đức Phật đã Niết-bàn nhưng Pháp bảo vẫn còn (Pháp bảo còn thì Đức Phật vẫn hiện hữu ở thế gian). Pháp âm của Phật vẫn đồng vọng cho đến ngày nay, lưu xuất từ ba tạng Kinh-Luật-Luận. Người đệ tử Phật nguyện đi theo Ngài thì phải nương tựa Chánh pháp. Học tập, tìm hiểu, nghiên cứu, trì tụng, ấn tống, giảng giải, xiển dương, ứng dụng thực hành… lời Phật dạy, là trồng công đức ở Chánh pháp.

"Trồng công đức ở Thánh chúng, căn lành này chẳng thể cùng tận." Thánh chúng đây không có nghĩa là hội chúng toàn các bậc Thánh mà chính là Tăng đoàn thanh tịnh và hòa hợp. Dĩ nhiên, một vị Tăng thì không phải Thánh chúng, và nơi nào mà chư Tăng không thanh tịnh, hòa hợp thì nơi ấy không hiện hữu Thánh chúng. Thực tế tu học hiện nay, những hội chúng xuất gia đạt chuẩn Thánh chúng vốn không nhiều nhưng không phải là không có.

Nói cách khác, những hội chúng nào có tu tập và thành tựu Giới-Định-Tuệ chính là ruộng phước phì nhiêu để chúng ta gieo trồng công đức. Tăng bảo có vai trò rất quan trọng, nhờ Tăng bảo tận lực hoằng hóa mà Tam bảo mới trường tồn ở thế gian. Kính lễ, cúng dường, hộ trì, vâng theo sự hướng dẫn, nguyện nối gót tu học theo chư Tăng, là trồng công đức ở Thánh chúng.

Rõ ràng, gieo trồng công đức nơi Tam bảo là *"ba căn lành chẳng thể cùng tận, đến được Niết-bàn."* Người đệ tử Phật cần hiểu rõ về phước báo và công đức hộ trì Tam bảo để thực thi nhằm lợi mình và lợi người, góp phần kiến tạo thế giới hòa bình, chúng sinh an lạc.

Tuệ Sỹ – Người gầy trên Quê hương

NGUYÊN SIÊU

Tuệ Sỹ – Người gầy trên quê hương điêu tàn. Tuệ Sỹ – Người ẩn mình dưới lòng hố thẳm hun hút, Tuệ Sỹ – Trên đỉnh Trường Sơn chót vót sương mù, mây trắng. Những hình dung từ tiêu biểu cho một con người như còn lảng vảng đâu đó, náu mình trong khói đá. Ẩn hiện trên khói sóng. Nhấp nhô trên những lượng nước bạc đầu của đại dương. Hiển hiện trển quê hương điêu tàn. Núp sâu trong lòng người khốn khó. Ngày cũng như đêm luôn có ở những nơi đó. Có như một linh hồn mục nát, đọa đày giữa muôn triệu linh hồn đau thương, gầy guộc. Luôn kêu gào thấu trời xanh, nhưng những kẻ quyền uy tham vọng ở nơi đó vẫn bịt tai, nhắm mắt như loài khỉ nhảy nhót trện cành cây vô lương tri. Như bầy thú hoang dẫm nát núi rừng nơi chúng ở.

Một vì sao sáng ở phương đông để dẫn lối cho các vì sao lạc hướng. Cả bầu trời đen ngòm, thăm thẳm u minh, bao trùm muôn vật, gục đầu trong tuyệt vọng.

"Ôi nỗi buồn từ ngày ta lạc bước,
Cố quên mình là thần phận thần tiên"

(Giấc Mơ Trường Sơn 57- An Tiêm 2002)

Đúng! Tuệ Sỹ người đã lạc bước, nên bốn mươi năm qua đã phải sống với cỏ cây, sương mù, vạt nắng… với rừng xanh, cốc lặng thâm u, để nuôi dưỡng một thân người gầy còm như Khô Mộc Thiền Sư, trên đỉnh Trường Sơn gió hú. Lạc bước để ru đời mình qua cơn mộng kinh hoàng của quê hương. Qua nỗi đọa đày, lầm than của dân tộc. Vì lạc bước vào một thảm cảnh điêu tàn đã làm xốc dậy nỗi đau chung của loài người. Nỗi oán hờn của cỏ cây, sỏi đá, của kiếp người cuốn theo bụi mờ của thời gian tăm tối.

Mang thân phận người mà chia sẻ những cảm nghĩ, suy tư chẳng ai thấu hiểu, nhìn nhận, vì đã bị lạc điệu. Con người ở nơi đó đã choáng ngợp ánh đèn tham vọng. Con đường tham nhũng để dẫn tới cảnh bán nước cầu vinh. Nhóm người vong thân, lạc hướng của thời đại điêu tàn hoang dã của thời tiền sử. Vì lạc bước nên không cùng chung ý thức sống. Ý thức của ý thức. Người thật người. Người của lương tri. Người của người. Người của tất cả, cỏ dại mây ngàn, biển xanh, núi thẳm… Vì lạc bước nên ở đó cảm thấy mình cô độc giữa xã hội người mà chẳng ai cảm thông, chia sẻ, nỗi niềm, ước vọng để đồng hành trên con đường phụng sự tha nhân, làm lợi đạo ích đời. Khi mình còn hiện hữu. Có tâm lý nào của loài người khi có được viên ngọc quý trong tay mà quăng nó vào xó nhà, vứt nó vào xọt rác. Tâm lý này có thể có ở những kẻ sống xa thế giới người, không biết cái quý của viên ngọc. Hay đúng hơn như loài vượn, loài khỉ. Cho nó ăn chuối, cầm lấy ăn liền, nhưng đưa nó viên ngọc, nó nhìn qua nhìn lại rồi ném đi chẳng hối tiếc. Vượn khỉ chẳng suy tư nghĩ ngợi gì giá trị hiếm có của viên ngọc, nên dưới mắt của vượn khỉ viên ngọc không quý bằng trái chuối.

Trong mọi thời gian, dù rằng xa xưa ở quá khứ, loài người mới xây dựng một đời sống xã hội thấp, lao tác bằng tay chân, ít sử dụng việc làm bằng đầu óc. Nhưng những ai có được cái đầu, cho những dòng tư tưởng tuôn chảy, cho tri thức hiện hữu qua sự sinh hoạt thường nhật, thì người có cái đầu vẫn hơn, vẫn được trọng dụng để khai phá, phát triển những việc cần khai phá, cần phát triển. Có được như vậy, thì loài người mới tiến bộ thăng hoa đời sống thánh thiện, nâng cao trình độ tri thức xã hội. Bằng không xã hội người đó sẽ không bắt kịp với những nền văn minh tiến bộ khác.

Đã lỡ lạc bước rồi, thôi thì hãy cố quên mình là thần phận thần tiên đi, mà phải vào rừng ăn trái cây, uống nước suối, cùng lũ khỉ vượn chuyền cành cho qua ngày tháng, theo dòng thời gian:

"Ngược xuôi nhớ nửa cung đàn,
Ai đem quán trọ mà ngăn nẻo về."
(Giấc Mơ Trường Sơn - An Tiêm 2002)

Có người ngược xuôi để tìm cầu, tranh giành quyền uy tước cả, dù có đi bằng cái đầu xuống dưới đất, họ vẫn làm để được những tham vọng bất lương, những tiền bạc bất nghĩa, quyền cao lộc cả dù phải bán nước cho ngoại bang, những mong tiền bạc đầy túi, vàng ngọc đầy nhà, để lót, để nạm bàn ghế ngồi chơi hưởng thụ trên xương máu của dân đen. Nhưng nơi đây có người "ngược xuôi" mà chỉ có để "nhớ nửa cung đàn" chưa được trọn "cung đàn". Đơn giản quá! Tri túc quá! Biết đủ như là một thân người có chiều cao 1.59 m và cân nặng 39.5 kg. Có mấy ai được cái ngược xuôi đó? Hay chỉ có kẻ đứng ngoài vòng danh lợi, ngoài cái thị phi, nhân ngã, tầm thường của thế nhân.

Nửa cung đàn ấy như là tiếng ngân dài của cung đàn rồi chợt dứt. Như dòng lịch sử của quê hương dân tộc rớt tỏm xuống hố sâu, tối tăm, mịt mờ, tuyệt vọng qua chặng đường lịch sử hôm nay.

Đời sống như là quán trọ, con người đến rồi đi. Sanh rồi tử, muôn trùng, thăm thẳm, vô biên, vô tận. Con người đắm chìm trong cái quán trọ đó mà sinh ra đủ thứ chuyện để làm ngăn nẻo về của những bước chân phương trời viễn mộng. Vậy thì, bị ngăn nẻo về, không về được nên quay lại để sống với mình. Đóng cửa phòng, không tiếp xúc với thế giới bên ngoài, nhịn đói, tuyệt thực. Ngày chỉ uống nước chanh

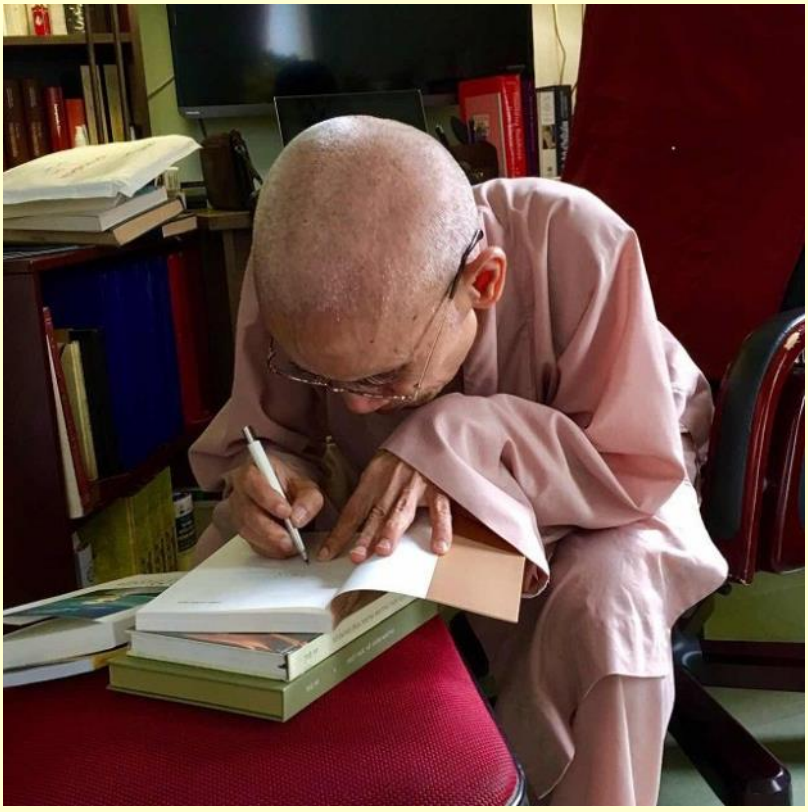

pha đường. Có lúc xỉu trên bàn vì đói. Còn lở dở mấy câu thơ:

"Ta cưỡi kiến đi tìm tiên động
Cõi trường sinh đàn bướm dật dờ
Cóc và nhái lang thang tìm sống
Trong hang sâu con rắn nằm mơ".

(Giấc Mơ Trường Sơn - An Tiêm, tr. 68, 2002)

Bị ngăn nẻo về nên cưỡi kiến đi tìm tiên động, để tu tiên thành tiên ông. Sống nơi cõi trường sinh bất tử đó, mà vui với bướm ong, cóc nhái, rắn rít trong hang sâu nằm mơ phương trời mộng. Sống thực không được thì sống mộng mơ. Sống cho chính mình. Sống cho qua một giấc chiêm bao tưởng chừng như đã:

"Đêm qua chiêm bao ta thấy máu
Từ sông ngân đổ xuống cõi người
Bà mẹ xoi tim con thành lỗ
Móc bên trong hạt ngọc sáng ngời"

(Giấc Mơ Trường Sơn - An Tiêm, tr. 67, 2002)

Có bà mẹ nào xoi tim con thành lỗ để móc bên trong hạt ngọc sáng ngời? Chỉ có bà mẹ điên thời đại mới làm như vậy. Bà mẹ điên ấy chỉ biết vàng và ngọc mà không có tình yêu thiêng liêng sinh con và thương con. Bà mẹ điên thời đại đã đẩy đàn con mình lang thang bươi rác rưởi để sinh nhai. Tìm sống trên những vỉa hè cùng khốn. Thất học, mù chữ, đói nghèo… Còn bà mẹ thì ngất ngưỡng hưởng thụ ngọc ngà, vòng bạc từ máu của người dân, mà qua đêm chiêm bao "ta thấy máu." Máu nhuộm đỏ con người. Máu tuôn chảy như sông. Máu lan tràn cả nước. Rồi có những đêm ngồi bên cửa sổ, ngắm ngọn nến tàn qua khung cửa sổ để sống mộng, sống mơ y như sống thực.

"Bên cửa sổ bên kia đôi sao mọc
Một lần đi là vĩnh viễn con tàu."

(Giấc Mơ Trường Sơn - An Tiêm, tr. 12, 2002)

Đi đâu bây giờ, vì ai đó đã ngăn nẻo về thì có lối đâu mà về. Có đường đâu mà đi và có quán trọ nào để tới. Nẻo về không. Quán trọ cũng không. Chỉ chôn mình bên chồng sách cũ với bốn vách tường rong rêu mà gõ nhịp. Vì sống mộng nên tránh xa cõi người, vào hang động núi rừng để cuốc đất sinh nhai. Trồng bí bầu, khoai lang, mướp đắng, rau quả, tía tô, xà lách… để đêm đêm nằm nghe tiếng dế nỉ non, côn trùng hát ca bài ca dân tộc.

"Người đi đâu bóng hình mòn mỏi
Nẻo tới lui còn dấu nhạt mờ
Đường lịch sử
Bốn nghìn năm dợn sóng
Để người đi không hẹn bến bờ."

(Giấc Mơ Trường Sơn - An Tiêm, tr. 85, 2002)

Sống với người bị ngăn nẻo về. Sống thực đã thành mộng và sống mộng để thấy hiện thực, một sự sống vì đời mà tranh đua. Tranh đua, giành giật cả ngày lẫn đêm trên mặt đất hay dưới lòng đất lắng nghe từ sự tan vỡ hãi

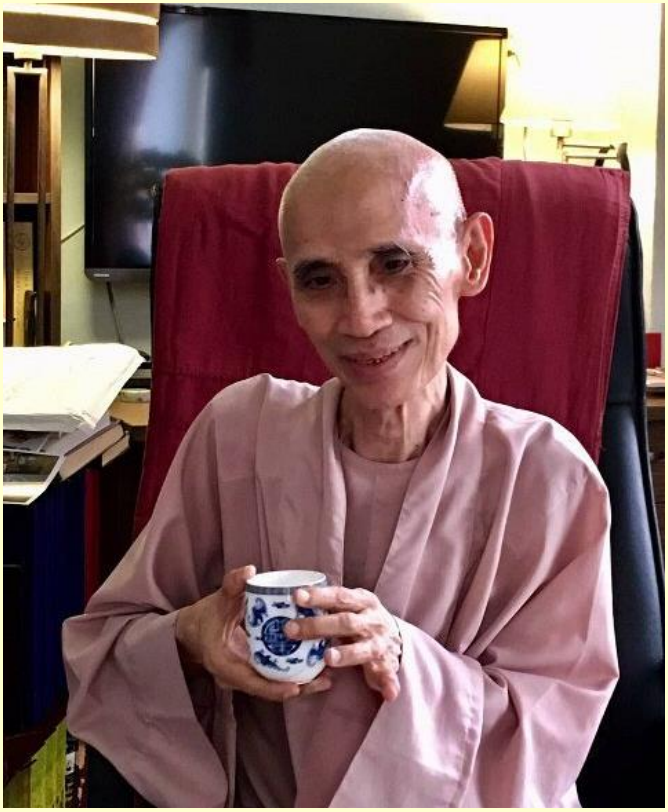

hùng, giết chết sự sống của sức người lao tác.

"Ta biết mi bọ rùa
Gặm nhấm tàn dãy bí
Ta vì đời ghanh đua
Khổ nhọc mòn tâm trí.

Ta biết mi là dế
Cắn đứt chân lá non
Ta vì đời nô lệ
Nên phong kín nỗi hờn

Ta biết mi là giun
Chui dưới lòng đất thẳm
Ta vì đời thiệt hơn
Đêm nằm mơ tóc trắng"

(Giấc Mơ Trường Sơn - An Tiêm, tr. 31, 2002)

Nổi trôi theo năm tháng, thân hình gầy còm như cọng lau, giữa rừng núi Bảo Lộc, trong đêm trường u tịch, có lúc chẳng thèm thở nữa, nằm giữa núi rừng, dân làng mang về tiếp hơi để thở. Đây là mộng hay thực, là đời sống văn minh thế giới loài người hay đời sống của loài dã thú nơi chốn núi sâu, rừng hiểm?

Có ai một lần nghĩ tới "Tiên ông" để thấy viên ngọc quý của giống nòi nước non, mà thắp nén hương lòng khấn nguyện, giữ gìn nghìn năm sau không hề phai. Núi rừng Bảo Lộc như cúi đầu thầm lặng để lắng nghe "Tiên ông" cưỡi kiến đi cùng khắp nẻo vô sinh. Lão tử cưỡi trâu thành bất tử. "Tiên ông" cưỡi kiến để cùng sinh tử với chúng sinh.

San Diego, Mạnh Đông, 05 tháng 01 năm 2017
Khóa Tư trường Đại Học Vạn HạnhSinh viên Tăng Sĩ tháng ngày qua

ĐÔI DÒNG TƯỞNG NIỆM THẦY ĐỨC TRÍ

Khóa Tư trường Đại Học Vạn Hạnh
Sinh viên Tăng Sĩ tháng ngày qua
Nghe tin từ Oklahoma
Thầy Đức Trí cao đăng Phật quốc.
Nhớ khi Thầy học chung một lớp
Gặp nhau trên đất hứa Hoa Kỳ
Chùa Tam Bảo Thầy nhận trụ trì
Bao năm tháng với lòng tận tụy.
Thầy thuyết Pháp với tâm hoan hỷ
Hoằng dương chánh Pháp độ chúng sinh
Giúp nhiều người hiểu đạo chân tình
Vô thường đến thầy đi tự tại.
Như áng mây thong dong mọi nẻo
Bồ-đề quyến thuộc khắp muôn nơi
Trưởng tử Như Lai sống cuộc đời
Góp phần đạo Phật thêm hương sắc.
Tình Pháp lữ đồng tu vững chắc
Lạy Tam Bảo thành kính nguyện cầu
Thầy trở lại Ta-bà nhiệm mầu
Để giúp đời vơi đi đau khổ.
Nam Mô Phật Thích Ca Mâu Ni
Nam Mô Pháp hiện hữu từ bi
Nam Mô Tăng một lòng chứng tri
Vô thường đến Thầy đi an bình.

Chùa Pháp Nhãn Austin, TX

Pháp lữ THÍCH TRỪNG SỸ

NGƯỜI ĐI!

(Thơ tưởng niệm Giác Linh Tân viên tịch - Cố Thượng Tọa Đức Trí, Trụ trì Chùa Tam Bảo, Tulsa, Oklahoma,USA)

Người đi bao nuối tiếc
Tam Bảo (*) đứng sững sờ
Xuân xanh năm mươi mốt
Ra đi chẳng một lời.

Kiếp nhân sinh dài ngắn
Ước mơ để lại ai?
Cỏ cây vương vấn quá
Buốt giá cả bầu trời.

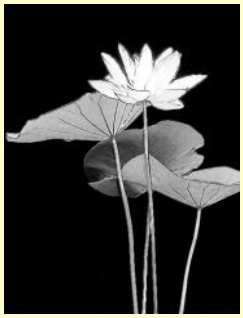

Sinh ra giữa kiếp trần
Hoằng dương nơi viễn xứ
Nương Okla hành đạo
Hầu lợi lạc quần sanh.

Sống thanh cao giản dị
Dâng ý đạo cho đời
Khơi đèn thiền chiếu sáng
Nối nghiệp chí Như Lai.

Vô thường bất chợt quá
Cung thương lời tiễn biệt
Người ẩn giữa mây trắng
Bút nghiên nữa còn đâu?

Tiếng chuông chiều ảm đạm,
Như khóc đời bể dâu,
Tiễn người về cõi Tịnh.
Tulsa lặng cúi đầu.

Chư Ni và Phật tử Chùa Hương Sen, Cali, USA, nhất tâm đảnh lễ Giác Linh Thượng Tọa Đức Trí - Thượng Phẩm Thượng Sanh – Cao Đăng Phật Quốc.

Một buổi chiều - viết trên phi cơ từ Việt Nam trở về Hoa Kỳ ngày 9/1/2017
Khể thủ,

THÍCH NỮ GIỚI HƯƠNG

(*) Chùa Tam Bảo.

TRỞ VỀ MỤC LỤC

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH – EXECUTIVE COUNCIL
VĂN PHÒNG THƯỜNG TRỰC – STANDING OFFICE

4717 W. First Street, Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel.: (714) 548-4148 / (714) 571-0473

ĐIỆN THƯ PHÂN ƯU

Kính gửi: Ban Tổ Chức Tang Lễ và Môn Đồ Pháp Quyến của Cố Thượng Tọa Thích Đức Trí

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật,

Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK được tin Thượng Tọa Thích Đức Trí, trụ trì Chùa Tam Bảo, thành phố Tulsa, tiểu bang Oklahoma, Hoa Kỳ, đã viên tịch vào lúc 4 giờ 30 chiều ngày 22 tháng 12 năm 2016 (nhằm ngày 24 tháng 11 năm Bính Thân) tại Chùa Tam Bảo, thế thọ 51, lạp thọ 23.

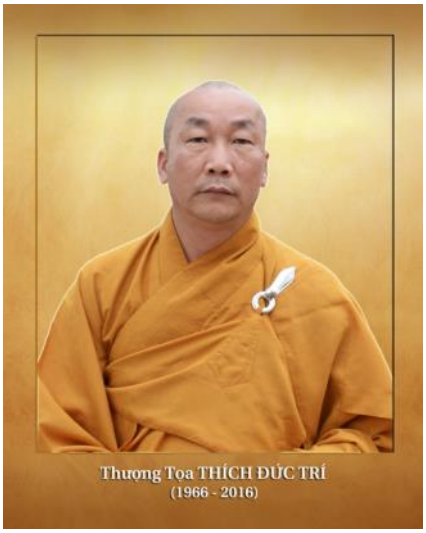

Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK nhất tâm hộ niệm Giác Linh Cố Thượng Tọa Thích Đức Trí Cao Đăng Phật Quốc; đồng thành kính phân ưu cùng Môn Đồ Pháp Quyến của Cố Thượng Tọa Tân Viên Tịch.

Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật,

Phật lịch 2560, Santa Ana, ngày 24 tháng 12 năm 2016

Thành Kính Phân Ưu
Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK
Chủ tịch,

Sa Môn Thích Tín Nghĩa

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ - CANADA

KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Kính gửi: Ban Tổ Chức Tang Lễ và Môn Đồ Pháp Quyến của Cố Thượng Tọa Thích Đức Trí

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật,

Chư tôn đức Ban Chủ Trương, Ban Giám Học, Ban Giáo Thọ và Ban Tổ Chức Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ vô cùng kính tiếc, được tin Thượng Tọa Thích Đức Trí, trụ trì Chùa Tam Bảo, thành phố Tulsa, tiểu bang Oklahoma, Hoa Kỳ, đã viên tịch vào lúc 4 giờ 30 chiều ngày 22 tháng 12 năm 2016 (nhằm ngày 24 tháng 11 năm Bính Thân) tại Chùa Tam Bảo, thế thọ 51, lạp thọ 30.

Trong suốt các Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ kể từ khi bắt đầu (vào năm 2011), Thượng Tọa Thích Đức Trí đã luôn đảm nhận làm giáo thọ, giảng dạy Phật Pháp cho các lớp học, và luôn tận tình, đem hết sở học và kinh nghiệm tu tập để truyền trao đến học viên, thính chúng. Thượng Tọa là một trong những tăng sĩ Việt Nam định cư tại Hoa Kỳ khá trễ (từ thập niên 1990) mà đã có những đóng góp đáng kể trong việc hoằng pháp, giáo dục và văn hóa. Tôn tượng đức Quán Thế Âm Bồ Tát lộ thiên (bằng đá hoa cương, cao 49 feet) tại Chùa Tam Bảo là một kỳ tích về kiến trúc - văn hóa mà Thượng Tọa đã lưu lại cho Phật giáo nói chung, Phật Giáo Việt Nam nói riêng nơi xứ nầy. Vì vậy, sự ra đi của Thượng Tọa là một mất mát lớn đối với công cuộc hoằng pháp của Tăng Ni Việt Nam tại hải ngoại.

Xin nhất tâm hộ niệm Giác Linh Cố Thượng Tọa Thích Đức Trí bất xả bổn thệ, hồi nhập Ta Bà phân thân hóa độ; đồng thành kính phân ưu cùng Môn Đồ Pháp Quyến của Cố Thượng Tọa Tân Viên Tịch.

Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật.

Phật lịch 2560, Santa Ana, ngày 24 tháng 12 năm 2016,

Thành kính phân ưu,

Ban Giáo Thọ:

HT. Thích Thắng Hoan, HT. Thích Tín Nghĩa, HT. Thích Nguyên Trí, HT. Thích Nguyên An, HT. Thích Tâm Hạnh, TT. Thích Giác Như, TT. Thích Minh Hạnh, TT. Thích Thiện Mỹ, TT. Thích Thánh Minh, TT. Thích Hạnh Đức, TT. Thích Minh Quang, TT. Thích Trừng Sỹ, ĐĐ. Thích Đạo Quảng, ĐĐ. Thích Thông Lý (Tennessee), ĐĐ. Thích Tín Mãn, ĐĐ. Thích Tâm Lương, ĐĐ. Thích Nhuận Dung, ĐĐ. Thích Nhật Châu, ĐĐ. Thích Pháp Tánh, ĐĐ. Thích Thiện Long, ĐĐ. Thích Huệ Nhân, ĐĐ. Thích Thông Lý (CA), ĐĐ. Thích Quảng Định, ĐĐ. Thích Tâm Thành, ĐĐ. Thích Chánh Trí, ĐĐ. Thích Hạnh Tuệ, Ni sư Thích nữ Giới Hương, Ni sư Thích Nữ Như Quang, Ni sư Thích Nữ Liên Diệp, Ni sư Thích Nữ Giới Huệ, Ni sư Thích Nữ Giới Định, Sư cô Thích Nữ Thanh Trang, Sư cô Thích Nữ Thiện Ngọc, v.v…

Ban Giám Học:

HT. Thích Thái Siêu, HT. Thích Nguyên Siêu, HT. Thích Bổn Đạt, TT. Thích Tâm Hòa

Ban Tổ Chức và Ban Bảo Trợ Các Khóa Tu Học (2011 – 2016):

HT. Thích Thông Hải, HT. Thích Thiện Long, HT. Thích Minh Dung, HT. Thích Nhật Huệ, TT. Thích Tâm Tường, TT. Thích Nhật Trí, TT. Thích Tâm Hải, TT. Thích Tuệ Uy, ĐĐ. Thích Hạnh Tuệ, Ni sư Thích Nữ Giới Châu, Ni sư Thích Nữ Nguyên Thiện, Ni sư Thích Diệu Tánh, Đạo hữu Quảng Nguyện, Cư sĩ Quảng Phát Huỳnh Tấn Lê, Bs. Nguyễn Hữu Tuân, Đạo hữu Võ Văn Tường, Cư sĩ Tâm Huy Huỳnh Kim Quang, Cư sĩ Tâm Quang Vĩnh Hảo.

TRỞ VỀ MỤC LỤC

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH
COUNCIL OF MANAGEMENT
CENTRAL OFFICE
4717 W. First Street, Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel.: (714) 548-4148 / (714) 571-0473

CÁO BẠCH

Sư Bà Thích Nữ Như Nguyện Viên Tịch

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật,

Kính bạch chư tôn Thiền Đức Tăng, Ni,
Kính thưa quý Thiện Nam Tín Nữ Phật Tử,

Hội Đồng Giáo Phẩm và Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ thành kính cáo bạch:

Sư Bà Thích Nữ Như Nguyện, thế danh Nguyễn Ngọc Hiếu, sinh năm Đinh Hợi, 1947, thành viên Hội Đồng Giáo Phẩm, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Ni Bộ Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK, Trú Trì Chùa Xá Lợi, Thành Phố Rosemead, California, đã viên tịch vào lúc 5 giờ chiều ngày 15 tháng 1 năm 2017, nhằm ngày 18 tháng Chạp năm Bính Thân tại Bệnh Viện Beverly Hospital, Thành Phố Montebello, Miền Nam California, Hoa Kỳ, thế thọ 70, lạp thọ 48.

- **Lễ Nhập Kim Quan** sẽ diễn ra vào lúc 9 giờ sáng, Chủ Nhật, ngày 22 tháng 01 năm 2017 (nhằm ngày 25 tháng Chạp năm Bính Thân);
- **Lễ Trà Tỳ** được cử hành vào lúc 3 giờ chiều Thứ Hai, ngày 23 tháng 01 năm 2017 (nhằm ngày 26 tháng Chạp năm Bính Thân), tại Peek Feneral Home, Westminster, California.

Ngưỡng mong chư tôn Thiền Đức trong mười phương nhất tâm hộ niệm cho Giác Linh Sư Bà Thích Nữ Như Nguyện Cao Đăng Phật Quốc. Thành tâm khuyến thỉnh chư tôn đức Tăng, Ni, quý Cư Sĩ, các Chùa, Tự Viện, Niệm Phật Đường là thành viên của GHPGVNTNHK, tùy điều kiện thiết lễ cầu siêu tưởng niệm cho Giác Linh Sư Bà Tân Viên Tịch thượng phẩm thượng sanh, hồi nhập Ta-bà, phân thân hóa độ.

Chùa Xá Lợi tọa lạc tại 2751 Del Mar Avenue, Rosemead, CA 91770; điện thoại Chùa (626) 572-0389; Email: chuaxaloi@yahoo.com

Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật thùy từ chứng minh tiếp độ.

Phật Lịch 2560, Santa Ana, ngày 16 tháng 1 năm 2017
Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK,
Chủ Tịch

HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH

Sa Môn Thích Tín Nghĩa

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG GIÁO PHẨM
CHÁNH VĂN PHÒNG
704. East "E" Street., Ontario, CA 91764 – U.S.A. | Tel. & Fax: (909) 986-2433

TRUY TÁN CÔNG HẠNH
SƯ BÀ THÍCH NỮ NHƯ NGUYỆN
Viên Tịch ngày 15 tháng 01 năm 2017

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn đức Tăng, Ni,
Kính thưa quý nam nữ Thiện Tín,

Hội Đồng Giáo Phẩm Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ nhận được tin Sư Bà Thích Nữ Như Nguyện, Thành Viên Hội Đồng Giáo Phẩm, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Ni Bộ Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK, Trú Trì Chùa Xá Lợi, Thành Phố Rosemead, California, Hoa Kỳ, đã viên tịch vào lúc 5 giờ 30 phút chiều ngày 15 tháng 1 năm 2017 (nhằm ngày 18 tháng Chạp năm Bính Thân), thế thọ 70, lạp thọ 48.

Sư Bà Thích Nữ Như Nguyện là vị Ni trưởng đã tận hiến đời mình cho sự nghiệp thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sinh, góp phần vào công cuộc chuyển vận bánh xe Chánh Pháp, duy trì, phát triển nền văn hóa Việt Tộc và nền đạo giáo truyền thống của Phật Giáo Việt Nam nơi xứ người. Sư Bà đã dày công đóng góp cho ngôi Tam Bảo Chùa Xá Lợi tại Thành Phố Rosemead, miền Nam California, Hoa Kỳ trong hai thập niên qua. Công hạnh hy hiến vì Đạo Pháp của Sư Bà đáng cho các vị Ni Trẻ đang hành hoạt tại Mỹ học hỏi và dấn thân. Đồng thời nối tiếp sự nghiệp của Sư Bà qua tinh thần hòa hợp, nối kết Ni giới để làm sáng ngời Ni Bộ Việt nam tại Hải ngoại.

Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNHK thành tâm truy tán công hạnh của Sư Bà Thích Nữ Như Nguyện đã một đời đóng góp cho Đạo Pháp và xã hội. Nhất tâm hộ niệm Giác Linh Sư Bà Tân Viên Tịch Cao Đăng Phật Quốc. Đồng thời phân ưu đến Môn Đồ Pháp Quyến của Sư Bà và quý Phật Tử Chùa Xá Lợi.

Nam Mô Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật.

Phật Lịch 2560, Ontario, ngày 16 tháng 1 năm 2017

TM. Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNHK
Chánh Văn Phòng

Sa môn Thích Thắng Hoan

Tiểu Sử Ni Trưởng Thích Nữ Như Nguyện

Thành Viên Hội Đồng Giáo Phẩm
Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Ni Bộ, Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN Hoa Kỳ
Viện Chủ Chùa Xá Lợi
(1947-2016)

I. Thân Thế:

Ni Trưởng Thích Nữ Như Nguyện thế danh Nguyễn Ngọc Hiếu, pháp danh Như Trung, Hiệu Thích Như Nguyện, sinh năm 1947 tại Bà Rịa Vũng Tàu. Thân phụ là cụ ông Trương Văn Hiếm, thân mẫu là cụ bà Nguyễn Thị Hai, xuất gia tu học thọ pháp danh Thích Như Đức. Ni Trưởng là người con thứ tư trong gia đình có 5 chị em gái. Hai người em gái út cùng thân phụ và thân mẫu đã qua đời. Người chị Hai và chị Ba hiện đang sống định cư tại tiểu bang California.

Ni Trưởng Thích Nữ Như Nguyện
(1947-2016)

II. Xuất Gia Tu Học:

Năm 1961, do nhân duyên trong cùng 1 tháng, 2 người em út của Ni Trưởng qua đời khi tuổi còn ấu thơ. Cụ bà tuy đau lòng, nhưng hiểu được hai chữ vô thường theo lời Phật dạy, liền biến niềm đau thành hạt giống bồ đề, phát tâm xuất gia, dẫn theo Ni Trưởng, khi ấy vừa tròn 14 tuổi. Ni Trưởng và thân mẫu cùng xuất gia với Bổn sư là Ni Trưởng thượng Như hạ Châu, Pháp Tự Thanh Lương, lúc bấy giờ là giám luật của Ni Trường Từ Nghiêm. Ni Trưởng được ban pháp danh Như Trung và thân mẫu là Như Đức. Ni Trưởng Như Đức thời gian sau được cử về trụ trì chùa Viên Minh, đường Lý Thái Tổ, quận 10, thành phố Sài Gòn.

Năm 1969, sau khi thọ Đại giới Ni Trưởng rời Ni Trường Từ Nghiêm về tu học và giúp làm Phật sự với Ni Trưởng Như Đức (tức thân mẫu) tại Chùa Viên Minh cho đến ngày rời Việt Nam sang Hoa Kỳ.

III. Đạo Nghiệp:

Năm 1983, Ni Trưởng cũng như bao người con nước Việt khác rời Việt Nam ra đi tìm tự do.

Năm 1984, Ni Trưởng được Hòa Thượng thượng Mãn hạ Giác, Hội chủ Tổng Hội và trụ trì Chùa Phật Giáo Việt Nam bảo lãnh định cư tại Hoa Kỳ.

Năm 1986, Ni Trưởng được cử làm trụ trì Chùa A Di Đà tại Los Angeles.

Năm 1988, thành lập Tịnh Thất Kiều Đàm, thành phố Rosemead, tiểu bang Cali

Năm 1989, được hội Phật giáo thỉnh về Trụ Trì Chùa Viên Minh, thành phố St. Louis, tiểu bang Missouri

Năm 1991, Trụ Trì Tịnh Xá Minh Quang, thành phố Portland, tiểu bang Oregan

Năm 1992, đảm nhiệm tổng vụ phó, tổng vụ cư sĩ kiêm thư ký vụ Ni bộ, nhiệm kỳ I, Văn Phòng II, Viện Hóa Đạo GHPGVNTNHNHK.

Năm 1998, trụ trì Chùa Xá Lợi, thành phố Rosemead, tiểu bang California cho đến ngày viên tịch.

Năm 2008, được đại hội cung thỉnh vào thành viên Hội Đồng Giáo Phẩm và đảm nhiệm chức vụ tổng vụ trưởng, tổng vụ Ni bộ Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK cho đến ngày viên tịch.

Hơn 30 năm hành đạo tại Hoa Kỳ, Ni Trưởng nhiều lần được mời làm Tôn Chứng Ni cho các giới đàn Ni tại các Chùa Phật Giáo Việt Nam ở Hoa Kỳ.

Trong ngôi vị trụ trì Chùa Xá Lợi, Ni Trưởng chịu cực chịu khổ, hy sinh lo cho Phật tử và ngôi Tam Bảo. Ni Trưởng vượt nhiều gian khó, mong ước xây dựng ngôi phạm vũ Chùa Xá Lợi được khang trang, mang dáng vóc của ngôi chùa Việt Nam lưu dấu nơi xứ người. Tháng 5, năm 2016 Ni Trưởng nhận được giấy phép cho xây dựng, thế là ước nguyện của Ni Trưởng cũng được xem như bước đầu thành tựu.

Trong vai trò là thành viên của Giáo Hội, của Tăng đoàn nói chung, Ni Trưởng lúc nào cũng giữ bổn phận khiêm cung và hết lòng vì Giáo hội vì đạo pháp. Những năm tháng sau cùng, tuy tuổi cao và bịnh duyên thường làm khó thân tứ đại, nhưng Ni Trưởng nhiều lần tinh tấn vượt qua để cùng chư Tôn Đức Tăng, Ni tham gia các Phật sự của Giáo Hội.

TRỞ VỀ MỤC LỤC

Trong vai trò của Tổng vụ trưởng, tổng vụ Ni bộ, Ni Trưởng luôn quan tâm đến chư Ni trẻ vì hoàn cảnh kinh tế tự túc, sống riêng lẻ, hoặc là sống nơi nhà cư sĩ tại gia, hoặc là sống với gia đình thân nhân, v.v… làm giảm đi chí nguyện của một bậc xuất gia giải thoát, sống đời phạm hạnh. Ni Trưởng nhiều lần muốn tổ chức đại hội Ni bộ, vận động kêu gọi chư Ni trẻ cùng nương về Giáo Hội, gom kết chung lại thành đoàn thể chư Ni có tổ chức có Tăng đoàn, nhưng vì bịnh duyên, nên Phật sự tổ chức đại hội hoặc hội họp chư Ni đã nhiều lần bị trì hoãn lại.

Tháng 10 năm 2016, được sự khuyến khích của Hòa Thượng phó Chủ Tịch, Hòa Thượng thượng Nguyên hạ Trí, Ni Trưởng một lần nữa quyết tâm cử Ni Sư Tiến Liên thảo văn thư để đầu năm 2017 sẽ đệ trình lên chư Tôn Đức trong Hội Đồng Giáo Phẩm và Hội Đồng Điều Hành để xin tổ chức một đại hội Ni bộ. Đồng thời vận động nhờ chư Tôn giúp xây cất Chùa Xá Lợi. Lực bất tòng tâm, việc xây cất vừa chuẩn bị, đại hội Ni Bộ chưa thực hiện, hạnh nguyện còn dang dở thì vô thường đã đến.

IV. Viên Tịch:

Ni Trưởng ở tuổi thất thập, lại vướng vào bịnh duyên trong gần 5 năm qua. Vào đầu tháng 01 năm 2017, sau một lần nhập viện về lại Chùa, những tưởng Ni Trưởng sẽ khỏe lại để cùng Ni chúng và Phật tử Chùa Xá Lợi đón Xuân Đinh Dậu và cũng như những lần trước Ni Trưởng sẽ vượt qua thử thách của thân bịnh. Nhưng than ôi, vô thường đã đến, vào lúc 3:00 chiều Chủ Nhật ngày 15 tháng 1 năm 2017, sau khi chư Ni trong Tổng vụ Ni bộ và Ni chúng đệ tử cung thỉnh chư Tôn Đức Tăng, Ni quang lâm Chùa Xá Lợi, làm lễ cầu nguyện và thăm viếng Ni Trưởng trong bịnh viện vừa xong. Ni Trưởng như ngọn đèn đã khô dầu và như được an lòng ra đi trong tình thương của chư vị Pháp lữ. Vào lúc 5 giờ chiều cùng ngày tức 18 tháng 12 năm Bính Thân Ni Trưởng đã xả báo thân, thu thần thị tịch, thọ thế 70 năm, 48 năm hạ lạp.

Đốt nén tâm hương chúng con xin viết đôi dòng tiểu sử, ngậm ngùi tiễn đưa một bậc Thầy cao cả, một bậc thạch trụ của Ni bộ hải ngoại vừa ra đi.

Nhất tâm đảnh lễ Từ Lâm Tế Chánh Tông Tứ thập Nhị thế húy thượng Như hạ Trung hiệu Thích Như Nguyện Ni Trưởng Giác Linh chứng giám.

Tỳ Kheo Ni Tiến Liên,
Tổng Vụ Ni Bộ phụng soạn

TƯỞNG NIỆM GIÁC LINH
NI TRƯỞNG NHƯ NGUYỆN

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Chúng con là Tỳ Kheo Ni Giới Hương, chư ni và các Phật Tử Chùa Hương Sen, Perris, Cali, vừa hay tin *Sư trưởng thượng Như hạ Nguyện*, nguyên Tổng Vụ trưởng Tổng vụ Ni bộ Hội đồng Điều Hành GHPGVNTNHK và Trụ Trì Chùa Xá Lợi, Rosemead, California, Hoa Kỳ, đã xả báo thân tại thế giới ta bà huyễn hóa vào lúc 5:30 giờ chiều, ngày 15 tháng 01 năm 2017, nhằm ngày 18 tháng Chạp, năm Bính Thân, thế thọ 70, lạp thọ 48.

Kính bạch Giác linh Sư trưởng,

Là một trong những vị ni nhỏ đang tập tễnh hoằng pháp tại Hoa kỳ, sự "quẩy dép về Tây" của Sư trưởng làm chúng con - hàng ni giới – cảm thấy hụt hẫng, chơi vơi và thiếu nơi nương tựa. Đây là một mất mát lớn cho Tổ đình chùa Xá Lợi – nói riêng, cho Giáo hội, Chư Tôn đức Tăng Ni và hàng Phật tử ở khắp nơi – nói chung.

Chúng con nhớ đến Giác linh thuở sinh tiền, trong những mùa hạ An- cư, đại lễ Phật-đản, Vu-lan và các khóa tu Bắc Mỹ, Sư trưởng xuất hiện như một thầy ni hiền hòa, khoan dung, ít nói. Từng bước đi và cử chỉ của Người đều biểu hiện oai-nghi phẩm-hạnh của bậc "Nữ-đạo Ni-lưu". Mỗi lời nói của Người như phảng phất hương thơm ái ngữ, dịu dàng lân mẫn của "Kiều Đàm Di Mẫu".

Suốt một chặng đường dài, Người đã sát cánh cùng với Đại Tăng xây dựng Ngôi Nhà Phật giáo tại hải-ngoại để xiển dương Chánh pháp, đào tạo tăng tài, duy trì mạng mạch Như Lai, để báo đáp hồng ân Tam bảo, nối gót dòng Thánh. Chí nguyện giải thoát và đạo nghiệp phụng sự của Sư trưởng vẫn còn sống mãi trong tâm tư của tất cả chúng con như trong Trưởng Lão Ni kệ đã tán thán:

Là vị Tỷ-kheo-ni,
Các căn được tu tập,
Ly hệ mọi khổ ách,
Việc cần làm làm xong,
Đối với các lậu hoặc,
Đã đoạn diệt hoàn toàn. (Kệ 364)

Giờ này xin hướng về Giác Linh Đài, trước hương án khói nhang nghi ngút, chúng con kính nguyện Giác linh Sư trưởng trực vãng Tây phương An-lạc thế giới và thương hàng hậu học Ni chúng mà mang đại nguyện, hữu duyên "**Như Nguyện**" hoàn lai ta bà, hóa độ, dìu dắt chúng con.

Nhân dịp này, chúng con cũng xin kính gởi đến môn đồ pháp quyến của Giác linh Sư trưởng và quý Phật tử Chùa Xá Lợi lời chia buồn sâu sắc nhất trước sự mất mát to tát này.

Ngưỡng nguyện Giác linh Sư trưởng thùy từ chứng giám.

Nam Mô Sanh Phật Quốc Bồ tát Ma ha tát tác đại chứng minh.

Chùa Hương Sen, ngày 18 tháng 01 năm 2017

Thành tâm bái bạch,

Tỳ Kheo Ni TN Giới Hương

TRỞ VỀ MỤC LỤC

TỪNG BẬC SỚM MAI

1
Nối tiếp giấc mơ đêm
Là những ngôi nhà mái ngói, những tấm thảm đỏ
Có thể từ nơi đó, tôi lại bay xa

Trong phút giây nắng còn ngái ngủ
Những hạt sương. Những trái bóng nhỏ diệu kỳ
Soi vào, tôi thấy được khuôn mặt người yêu

Bằng mùa xuân đang nghỉ chân trong hoa cỏ
Tôi biết nỗi miên man cầm chân ánh nắng
Bằng ríu rít tiếng chim. Tôi thấm cùng hương thơm của quả
Bằng hé nở chồi non. Tôi biết điều tinh khôi mang màu lá xanh…

Bằng tất cả những điều vừa kể
Em thấy giấc mơ anh

2.
Tôi đang bước lên. Từng bậc cấp buổi sớm. Từ ấm áp của đất
Bóng đêm đang trở thành kỷ niệm
Tôi đang ở vào thời gian nào thật nhất của mờ sương?

Vẫn còn hơi gió đêm từ phương Nam
Có thể tôi đang ở trong bóng mà nắng đang trú ẩn
Bằng cái với tay dịu dàng. Tôi sẽ chạm vào nó

Sự lạnh lùng của đêm đã ở rất xa
Hình như tôi đã bước thêm bậc nữa
Giờ thì đã nghe được hương của những loài hoa

Hơi ấm của vòm cây, của tổ chim, của gối chăn giấc ngủ
Của những sắc mầu còn lẩn quất
Trong hồi hộp của chờ đợi
Tôi không biết mình đang bay lên. Đang tới
Hay đang rơi…

3.
Nơi ánh sáng những bàn tay vẫy gọi
Bay theo vô cùng tôi, tiếng nói
Nơi những sắc mầu không thể phân chia

Những rung động tưởng chừng không nghe nổi
Một bước thêm. Lại xa thêm tay với
Gió của ngày và bóng của mây
Chẳng biết mất đi hay vừa đầy
Thử buông ra, rồi nắm lại
Lặng im ngày ấm ở trong tay…

DƯỚI TÁN LÁ

Những buổi sáng con đường đi rất thẳng
Hàng cây xanh. Giữ bóng tối đêm xanh
Mặt trời còn đang rất thấp
Con nắng chưa về vẽ những khúc quanh

Những buổi sáng ánh nhìn lên rất sáng
Sau chiêm bao là mầu xanh da trời
Đường cỏ mềm dưới chân đi dợm sóng
Dong ngày lên. Nắng gấp. Biển khơi

Những buổi sáng những vòng tay rộng mở
Tôi ngồi nghe trong tán lá bình yên
Nhịp xao động con đường dưới phố
Nắng nói gì nơi âm thanh mọc lên

Phía này. Nhẹ nhàng rơi. Những dòng trên giấy
Ban mai đang chọn tôi
Trao gửi nụ cười. Thức dậy

MIÊN MAN HỒNG

Hồng không hết. Miên man hồng đến thế
Gió bung reo. Trời tung cửa vỡ oà
Con tim nhỏ, mùa xuân về thốt khẽ
Hái đi em. Ngày đã nụ giêng hoa

Phương đông hẹn nên chân trời rất khác
Hồng ban mai khe khẽ bước tinh khôi
Hoa lên em. Nắng đang dòn rất nhạc
Mỗi trang ngày ta lại mở xanh nôi

Hồng không hết. Miên man hồng đến thế
Dường như vui, đất rộng mãi vòng tay
Ta đi nhé. Anh ơi mình đi nhé
Thao thao con đường kể chuyện hôm nay

Trong trẻo quá để đời như mãi nụ
Mỗi niềm vui như mỗi hé hừng đông
Xuân lên em. Mật của ngày đang vụ
Phút giây ơi, năm tháng lại đầy, đong…

NGUYỄN THỊ KHÁNH MINH

(Trích từ Tuyển Thơ NTKM, sẽ in)

TRỞ VỀ MỤC LỤC

NHỮNG ĐÓNG GÓP TO LỚN CỦA CÁC HỌC GIẢ ANH QUỐC CHO NỀN PHẬT GIÁO ÂU MỸ

H.T. Thích Trí Chơn

T.W. RHYS DAVIDS (1843-1922)

Thomas Williams Rhys Davids sinh ngày 12-5-1843 tại Colchester (Anh quốc), con của mục sư T.W. Davids. Đầu tiên, ông theo học Phạn ngữ (Sanskrit) với giáo sư Stenzler tại trường đại học Breslau ở Đức, và tốt nghiệp cấp bằng Tiến sĩ Triết Học (Ph.D). Năm 1864, ông được bổ nhiệm giữ chức Dân sự (Civil Service) tại Tích Lan, một quốc gia theo Phật Giáo. Nhờ sẵn có kiến thức về ngữ học đã giúp giáo sư bấy giờ nghiên cứu dễ dàng hai thứ tiếng Tamil (miền nam Ấn Độ) và Sinhalese (Tích Lan).

Nhân cơ hội ông được đề cử giữ chức thẩm phán tại Tích Lan để xét xử vụ kiện liên can đến một ngôi chùa làng, và dính líu đến luật giới của Phật Giáo, qua các văn kiện trình bày viết bằng thứ ngôn ngữ mà bấy giờ ở tòa án không ai đọc hiểu được, như học giả I.B. Horner (1896-1981) đã cho biết rằng: "*Tài liệu trên gồm có đoạn trích dẫn từ Luật Tạng (Vinaya Pitaka) và chính điều ấy khiến cho Rhys Davids quyết tâm nghiên cứu về thứ tiếng xa lạ này*".

Ngôn ngữ khó hiểu đó là tiếng Pali, thánh ngữ của Phật Giáo mà về sau Rhys Davids đã theo học với nhà sư kiêm học giả Tích Lan, Yatramulle Unnanse. Dưới sự chỉ giáo của vị đại sư này, sau một thời gian học tập, Rhys Davids đã học hiểu thông suốt tiếng Pali, và có thể thực hiện những công tác khảo cổ. Giáo sư sao chép lại các bản kinh Phật, khảo cứu về thánh tích Anuradhapura, cựu kinh đô của Tích Lan, và bắt đầu nghiên cứu lịch sử Phật Giáo Tích Lan.

Năm 1872, vì bất đồng ý kiến với nhân viên cao cấp của chính quyền bấy giờ, ông xin thôi chức vụ Dân sự Tích Lan, và trở về Anh quốc. Tại đây, ông đã dành hết thì giờ cho công cuộc nghiên cứu và truyền bá Phật Giáo. Năm 1875, tạp chí của Hội Hoàng Gia Á Châu (*Journal of the Royal Asiatic Society*), xuất bản tại Luân Đôn (London), lần đầu tiên đăng tải những bài khảo cứu giá trị của giáo sư như: "Các bia ký của vua Paràkrama Bàhu" (*Inscriptions of Paràkrama Bàhu*); "Sigiri, núi đá Sư tử" (*Sigiri, the Lion Rock*) và "Hai bia ký cổ xưa tiếng Sinhalese" (*Two Old Sinhalese Inscriptions*), đã giúp Rhys Davids nhanh chóng trở thành một học giả Pali nổi tiếng bấy giờ.

Mặc dù trong lúc đi khảo sát nghiên cứu, sống giữa các khu rừng Tích Lan, bị hành hạ vì bệnh sốt rét, giáo sư vẫn không ngừng cố gắng nhẫn nại học hỏi, đào sâu, tìm hiểu thấu đáo về lịch sử Phật Giáo, qua thánh ngữ Pali.

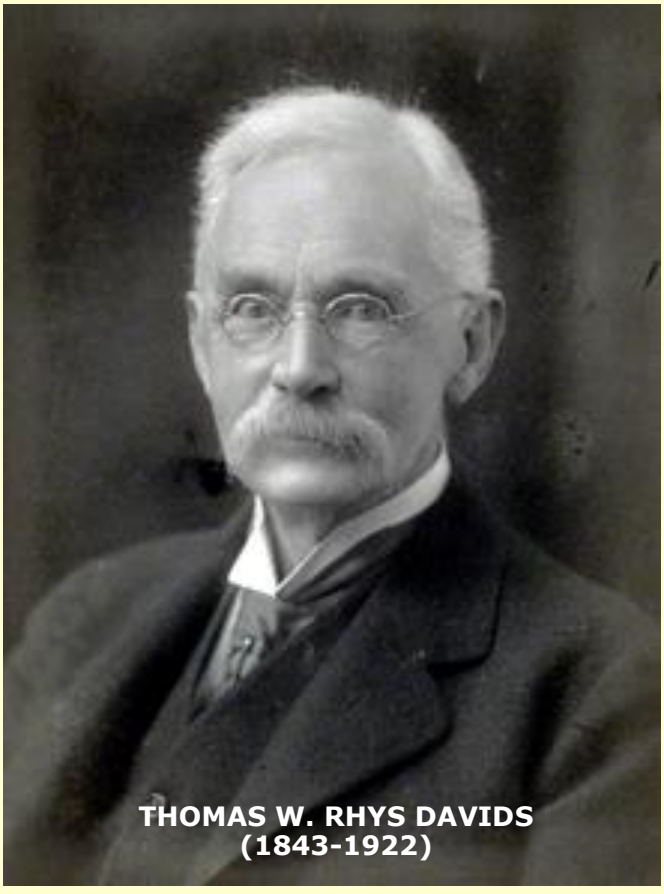

THOMAS W. RHYS DAVIDS
(1843-1922)

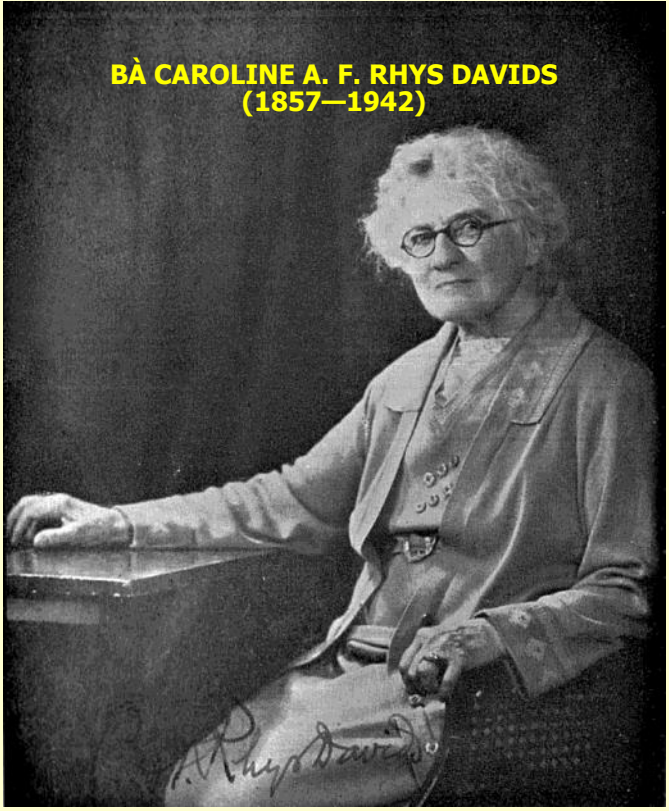
BÀ CAROLINE A. F. RHYS DAVIDS
(1857—1942)

Thành Lập Hội Phiên Dịch Thánh Điển Pali, Hàn Lâm Viện, và Hội Phật Giáo Anh Quốc

Năm 1881, giáo sư Rhys Davids đứng ra thành lập đầu tiên Hội Phiên Dịch Kinh Tạng Pali (*The Pali Text Society*) tại Luân Đôn, và ông giữ chức chủ tịch, với sự tham gia của nhiều học giả Đông lẫn Tây Phương như Viggo Fausboll (Đan Mạch): 1824-1908; Hermann Oldenberg (Đức): 1854-1920; Emile Senart (Pháp): 1847-1928 và Richard Morris. Vào lúc ấy, Hội nhận sự tài trợ của những cá nhân hảo tâm, các nhà Đông Phương học, cơ sở giáo dục và các trường đại học danh tiếng khắp nơi trên thế giới. Những học giả Pali của nhiều quốc gia đã tình nguyện đóng góp không nhận thù lao cho mọi công tác chú giải, dịch thuật ra Anh văn các kinh luận Phật Giáo Pali. Hầu hết mọi việc của Hội bấy giờ đều do giáo sư Rhys Davids trông coi, điều khiển cho đến năm 1894 ông kết hôn với cô Caroline Augusta Foley (36 tuổi) là người mà về sau đã chia xẻ, giúp đỡ cho ông rất nhiều trong việc phát triển Hội cũng như dịch thuật kinh tạng Pali. Hội này hiện vẫn còn duy trì, hoạt động tại Anh quốc.

Năm 1882, Rhys Davids được mời làm giáo sư dạy Pali và văn học Phật giáo tại đại học College ở Luân Đôn; làm tổng thư ký và quản thủ thư viện (1885-1904) cho Hội Hoàng Gia Á Châu. Tiếp đến, ông đứng ra thành lập Hàn Lâm Viện Anh Quốc (British Academy), cùng trường Nghiên cứu về Đông Phương và Phi Châu tại Luân Đôn (*London School of Oriental and African Studies*).

Năm 1904, học giả Rhys Davids được bổ nhiệm làm giáo sư môn Tôn giáo Tỷ giảo (Comparative Religion) tại đại học Victoria, Manchester (Anh quốc). Năm 1907, ông thành lập "Hội Phật Giáo Anh quốc và Ái Nhĩ Lan" (*The Buddhist Society of Great Britain and Ireland*), và được bầu làm Hội trưởng đầu tiên.

Công trình văn hóa: Trước tác, phiên dịch Kinh Tạng Pali

Giáo sư Rhys Davids đã phiên âm tiếng Pali theo mẫu tự La Tinh (Romanized Pali) những kinh sách Phật Giáo dưới đây:

- 1884: Abhidhamma Sangaha (*Compendium of Philosophy*) hay Thắng Pháp Tập Yếu Luận. Đây là tác phẩm trình bày về khoa tâm lý và đạo đức Phật Giáo do Đại Đức Anuruddha viết bằng tiếng Pali tại chùa Mulasoma ở Tích Lan vào khoảng cuối thế kỷ thứ 11 hay đầu thế kỷ 12 sau tây lịch.
- 1884: Dàthavamsa (*The History of Buddha's Tooth*): Lịch sử Răng của đức Phật.
- 1886: Sumangàla-Visàlini Vol. I (*Commentary to the Dialogues of the Buddha*): Bộ Sớ Giải về Trường Bộ Kinh của ngài Phật Minh (Buddhaghosa), Tập I (chung soạn với J.E. Carpenter)
- 1889: Digha Nikàya Vol. I (*Dialogues of the Buddha*): Trường Bộ Kinh, tập I (chung soạn với J.E. Carpenter) thuộc Sutta Pitaka (*Basket of Discourses*) hay Kinh Tạng tái bản năm 1975.
- 1903: Digha Nikàya Vol. II (*Dialogues of the Buddha*): Trường Bộ Kinh, tập II (*chung soạn với J.E. Carpenter*) thuộc Kinh Tạng, tái bản năm 1982.

Giáo sư cũng dịch từ nguyên bản tiếng Pali ra Anh văn các bộ kinh luật dưới đây:

- 1880: Introductory Essay of the Buddha's History (*Jàtaka Nidànakathà*): Giới thiệu về lịch sử đức Phật. Sau này giáo sư M. Viggo Fausboll (1821-1908), nhà Phật Học Đan Mạch (Denmark) đã cho in thành sách với tựa đề "The Buddhist Birth Stories or Jataka Tales" (*Những Mẫu Chuyện Tiền Thân Đức Phật*).
- 1881: Buddhist Scriptures (*Buddhist Suttas*): Những bài kinh Phật, được xuất bản thành tập (Vol.) XI trong bộ (Series) "*Thánh Thư của Đông Phương*" (The Sacred Books of the East, viết tắt là SBE) dưới sự chủ biên của giáo sư Max Muller (1823-1900), nhà Phật Học người Anh gốc Đức.
- 1881-1885: The Buddhist Monastic Rules (*Pàtimokkha*): Giới Bổn; Greater Section (*Mahavagga*): Đại Phẩm và Shorter Section (*Cullavagga*): Tiểu Phẩm thuộc Vinaya Pitaka (*Basket of Discipline*) hay Luật Tạng, với sự cộng tác của giáo sư người Đức, Herman Oldenberg (1854-1920) và được in thành các tập (Vols) XIII, XVIII và XX trong bộ "*Thánh Thư của Đông Phương*" (S.B.E.)
- 1890-1894: The Questions of King Milinda (*Milindapanho*): Na Tiên Tỳ Kheo Kinh, được ấn hành trong hai tập (Vols) XXXV và XXXVI trong bộ "*Thánh Thư của Đông Phương*" (S.B.E.). Dịch phẩm này được tái bản tại Hoa Kỳ năm 1965.

- 1899: Dialogues of the Buddha Vol. I (*Digha Nikàya*): Trường Bộ Kinh, tập I, do Hội Phiên Dịch Kinh Tạng Pali (Pali Text Society), với sự tài trợ của vua Thái Lan Chulalongkorn (1868-1910) in thành tập 2 trong bộ (Series) "*Thánh Thư của Phật Tử*" (Sacred Books of the Buddhists, viết tắt là S.B.B.).

- 1910: Sau đó Hội cho xuất bản tiếp Dialogues of the Buddha Vol. II (*Trường Bộ Kinh*), tập II, in thành tập 3 trong bộ "*Thánh Thư của Phật Tử*" (S.B.B.). Cuốn này giáo sư dịch chung với bà Rhys Davids.

Ngoài ra, giáo sư cũng là bút giả của những tác phẩm dưới đây:

- 1877: The Ancient Coins and Measures of Ceylon (*Tiền Tệ và sự đo lường thời xưa của Tích Lan*).

- 1878: Manual of Buddhism (*Phật Giáo Khái Luận*) do Hội Truyền Bá Kiến Thức Thiên Chúa Giáo (*Society for Promoting Christian Knowledge*) ấn hành, và đến năm 1914, tác phẩm này đã tái bản lần thứ hai mươi ba.

- 1896: Persecution of Buddhists in India (*Sự Ngược Đãi Phật Giáo tại Ấn Độ*).

- 1896 và 1909: Abbreviations of Titles of Pali Books (*Lược tóm các kinh sách tiếng Pali*).

H.T. THÍCH TRÍ CHƠN
(1933—2011)

- 1901: Political Division of India (*Sự Phân Chia Chính Trị tại Ấn Độ*).

- 1908: Early Buddhism (*Phật Giáo Nguyên Thỉ*)

- 1919: Cosmic Law in Ancient Thought (*Luật vũ Trụ trong Tư Tưởng Cổ Thời*).

- 1923: What Has Buddhism derived from Christianity (*Phật Giáo đã thu nhận được gì từ Thiên Chúa Giáo*).

Giáo sư Rhys Davids còn soạn chung với học giả người Anh gốc Đức William F. Stede (1882-1958) cuốn Tự Điển Pali-Anh (*Pali-English Dictionary*) dày 738 trang, xuất bản lần đầu tiên tại Luân Đôn (Anh quốc) vào những năm 1921-1925 và được tái bản bốn lần vào những năm 1949, 1952, 1959, và 1966.

Viếng thăm Hoa Kỳ và Ấn Độ

Năm 1894-1895, ông bà giáo sư Rhys Davids sang thăm Hoa Kỳ, và ông ta được mời thuyết giảng sáu lần tại Đại học Cornell (New York). Những bài thuyết trình đó của ông sau này được in thành sách, mang tựa đề: "Lịch sử và Văn Học Phật Giáo" (*The History and Literature of Buddhism*) và xuất bản tại New york năm 1896.

Năm 1899-1900, lần đầu tiên giáo sư Rhys Davids hành hương qua chiêm bái Bồ Đề Đạo Tràng (Buddha Gaya), thuộc tiểu bang Bihar (miền đông bắc Ấn độ), nơi xưa kia đức Phật đã thành đạo; và nhiều thánh tích Phật Giáo khác. Kết quả của chuyến đi này là tác phẩm của ông viết về "Phật Giáo Ấn Độ" (*Buddhist India*) được ấn hành năm 1903; và đến năm 1959, đã tái bản lần thứ tám.

Những năm cuối cùng

Năm 1915, Rhys Davids xin nghỉ dạy đại học ở Manchester, và dọn đến ở luôn tại Chipstead, quận Surrey, miền đông nam nước Anh. Trong thời gian này, như Dr. I. B. Horner cho biết: "*Ông sống cuộc đời yên tĩnh của một học giả, thường hay đau, nhưng vẫn làm việc cho đến gần hết đời người; không từ bỏ đánh gôn và các trò chơi khác, trong nhà cũng như ngoài trời, mà chúng đã giúp cho sức khỏe của ông từ lâu...*"

Vào những năm cuối cùng, với tuổi già sức yếu, giáo sư Rhys Davids vẫn còn tiếp soạn cuốn tự điển Pali-Anh (*Pali-English Dicitonary*) mà ông đã sưu tập tài liệu, nghiên cứu trong suốt 40 năm, với sự cộng tác của nhà ngữ học nổi tiếng, Dr. William F. Stede (1882-1958), người Anh gốc Đức. Phần đầu cuốn tự điển được xuất bản năm 1921; và ít lâu sau khi ấn hành phần 3 của cuốn tự điển, thì rất tiếc, vì bịnh sưng phổi tái phát hoành hành, ông đã từ trần ngày 27-12-1922, hưởng thọ 80 tuổi.

Sự vĩnh viễn ra đi của học giả Rhys Davids bấy giờ là một mất mát to lớn không riêng cho dân tộc nước Anh mà cả toàn Phật tử khắp nơi trên thế giới. Công trình đóng góp vĩ đại cho sự truyền bá, phát triển Phật Giáo tại Tây Phương, qua việc phiên dịch kinh tạng Pali ra Anh văn của ông; các học giả Phật tử Châu Âu đã so sánh chẳng khác gì những công tác phiên dịch tam tạng kinh đại thừa Phật Giáo từ Phạn ngữ (Sanskrit) ra chữ Hán và Tây Tạng của những đại pháp sư, học giả Trung Hoa, Tây Tạng danh tiếng đã làm trong quá khứ như ngài Huyền Trang, Cưu Ma La Thập, và Thon-mi Sambhora v.v...

Sự ngưỡng mộ của các nhà Phật Học thế giới

Qua nhiều năm cộng tác làm việc, sau khi nghe tin Rhys Davids từ trần, để tỏ lòng tôn kính của mình, Dr. Willam F. Stede đã viết: "*Sự liên hệ giữa tôi và Rhys Davids, không có ai, ngoại trừ tôi và giáo sư biết rõ. Điều tôi nhớ nghĩ đến giáo sư là những giờ phút tôi ngồi bên cạnh giải bày với giáo sư những khó khăn của tôi... Tâm trí tôi sẽ giữ mãi hình ảnh của giáo sư, và tôi luôn luôn tưởng nhớ đến giáo sư như một thiện hữu trí thức của tôi...*"

Moritz Winternitz (1863-1937), người Áo (Austria), giáo sư đại học Prague (Tiệp Khắc) đã bày tỏ: *"Trong quá khứ, chưa có ai đã sống, và đóng góp nhiều cho sự hiểu biết về Phật giáo và nền văn học Phật giáo như Rhys Davids. Tên tuổi của giáo sư sẽ luôn luôn được mọi người ghi nhớ như một học giả chân thành và nhiệt tâm; còn đối với người may mắn có dịp đích thân tiếp xúc với Rhys Davids, sẽ mãi nhớ giáo sư như một người bạn lành đáng mến; một Phật tử đúng với ý nghĩa chân chính của danh từ này."*

Charles R. Lanman (1850-1941), người Mỹ, giáo sư đại học Harvard (Hoa Kỳ) đã phát biểu: *"Tôi phải nói rằng chúng ta đã vô cùng mang ơn đối với sự kiên nhẫn đầy can đảm của học giả Rhys Davids, trải qua nhiều năm huy hoàng và sóng gió, giáo sư đã chú tâm vào công tác vĩ đại mà giờ đây nó đã trở thành hiện thực; và sự quan trọng cùng giá trị của nó mà giáo sư đã nhìn thấy xa trước khi những học giả khác có thể biết đến..."*

Giáo sư S. Tachibana của Nhật bản đã viết: *"Giáo sư Rhys Davids đã dành hết phần lớn đời mình vào sự truyền bá Phật Giáo ở Tây Phương, và tất cả mọi người đều biết tiên sanh đã hành động nhiều ra sao cho đạo nghiệp ấy. Sự đóng góp của ông thật to lớn hơn bất cứ học giả nào khác."*

Dr. K.N. Sitaram của Ấn Độ đã nói: *"Giáo sư Rhys Davids đã thực hiện nhiều hơn bất cứ học giả nào khác trong sự truyền bá kiến thức về tôn giáo, và giáo lý của một trong những người con vĩ đại nhất của mẫu quốc Ấn Độ."*

Giáo sư P. Maung Tin của Miến điện đã phát biểu: *"Với tôi, những công trình của Rhys Davids là một nguồn vui và khích lệ. Tên tuổi của ông sẽ được mọi người nhắc đến; và ghi nhớ mãi, với lòng tôn kính và ngưỡng mộ nhiều hơn so với các học giả khác."*

Và sau hết, Dr. W.A. de Silva của Tích Lan đã bày tỏ: *"Rhys Davids không chỉ là nhà học giả lỗi lạc, mà giáo sư còn là một nhân vật đã truyền bá cho thế giới giáo pháp của đức Thế Tôn. Và dân chúng Tích Lan đã tìm thấy nơi giáo sư con người không chỉ mến yêu hải đảo và người dân Tích Lan (Sinhalese); mà còn có thể trình bày trước thế giới điều tốt đẹp nhất mà chúng ta chưa từng thấy trong lịch sử của chúng ta."*

THÍCH TRÍ CHƠN

(Chánh Pháp sẽ lần lượt đăng trọn tác phẩm NHỮNG ĐÓNG GÓP TO LỚN CỦA CÁC HỌC GIẢ ANH QUỐC CHO NỀN PHẬT GIÁO ÂU MỸ trong những số kế tiếp. Thành kính tri ân Cố Hòa Thượng Thích Trí Chơn, và xin kính mời độc giả đón đọc)

TUỆ TÂM

Đèn tâm thắp sáng xoá vô minh
Mắt tuệ mở toang chuyển vọng tình
Xót kẻ bỏ "Chân", rong bắt bóng
Thương người quên "Thể", ruỗi theo thanh
Chân tâm trực nhận, lìa điên đảo
Bản thể thường hay, bặt tử sinh
Vạn nẻo đi về ngời Bát Nhã
Hoa ngàn cỏ nội lắng nghe kinh...!

NẮNG XUÂN

Hôm nay vầng nhựt đã lên non,
Sông núi ngời lên ánh nắng vàng.
Trúc biếc chồi non đơm kết lá,
Mai vàng nụ chín nở đầy bông.
Xuân về phố thị mừng vui nhộn,
Tết đến miền quê đón hỷ hoan.
Mong tháng đông tàn qua giá lạnh,
Để nhường xuân mới âm cười vang...

TÂM XUÂN

Xuân vẫn tròn đầy dõi mắt trông,
Theo từng nhịp thở nhẹ tênh lòng.
Xanh xanh vườn nội mầm non nả,
Biêng biếc sân ngoài đóa đợi mong.
Trực nhớ Xuân xưa trời đất cũ,
Bồi hồi Xuân trước ánh Xuân trong.
Xuân nay lưu dấu hoa trường tại...
Viên mãn tâm Xuân dưới nắng hồng!

TÂM CẢM

Kỷ niệm năm nào chị nhớ không?
Thắm tươi hoa lá.... dậy thơm lòng.
Thuyền đi bến đợi trăng lên núi,
Gió thoảng tình trông mộng ngắm sông.
Thủ bút ghi ân - ân đượm mãi...
Xông trầm tưởng nghĩa - nghĩa tròn xong.
Đa đoan thế sự ươm màu nắng,
Lối cũ ngày về ôi nhớ mong...!

thơ CHÚC HIỀN

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ & CANADA

KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN THỨ 7

THÔNG BẠCH (SỐ 1)

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Ngưỡng bạch Chư Tôn Thiền Đức Tăng Ni

Kính thưa Quý Thiện Nam Tín Nữ Phật Tử

Vâng theo lời dạy của Chư Tôn Đức trong Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ và Canada tại buổi họp ngày 23 tháng 7 năm 2016, Chư Ni chúng con sẽ đứng ra đảm nhiệm việc tổ chức Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ 7.

Nay chúng con đã chọn được địa điểm và thời gian cho khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần này như sau:

- Địa điểm: **Holiday Inn Chicago North Shore**
  Skokie Banquet & Conference Center
  5300 W. Touhy Avenue, Skokie, IL 60077
- Thời gian: **Từ Thứ Năm đến Chủ Nhật, 20-23 tháng 7 năm 2017**

Chúng con kính trình lên chư Tôn Thiền Đức Tăng Ni để chứng minh và cầu thỉnh quý Ngài gia tâm cầu nguyện cho Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ 7 này được thành tựu viên mãn. Đồng thời, kính thông báo đến Quý Phật tử để biết cũng như sắp xếp thời gian tham dự và yểm trợ.

Nguyện cầu hồng ân Tam Bảo gia hộ Chư Tôn Đức *"Pháp thể khinh an, tuệ đăng thường chiếu"*, kính chúc Quý Phật Tử vô lượng an lạc, vô lượng cát tường và thành tựu sở nguyện.

Trân trọng kính trình.

Hoa Kỳ, ngày 01 tháng 01 năm 2017

TM. BAN TỔ CHỨC

TRƯỞNG BAN

KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN THỨ 7

TKN. THÍCH NỮ NGUYÊN THIỆN

TRỞ VỀ MỤC LỤC

BỒ-TÁT VĂN THÙ SƯ LỢI

(***Phật Pháp Thứ Năm*** — *Tài liệu của GĐPT trên trang nhà GĐPTVN Trên Thế Giới)*

I. Ý Nghĩa Tên Ngài:

Văn Thù: Diệu

Sư Lợi : Cát tường, đức, trí tuệ không ai bằng.

II. Hành Tướng và Địa Vị Ngài:

1. Ngài là một vị Phật hiện thân làm vị Tỳ-Kheo (Thầy) theo giúp Đức Phật Thích Ca giáo hóa.

2. Ngài thường đứng bên tay trái của Đức Phật Thích Ca, đối diện với Ngài Phổ Hiền. Ngài được tôn xưng là Trí Huệ đệ nhất trong hàng Bồ Tát.

III. Ngài là Thầy của các Đức Phật:

Nghĩa là các Đức Phật thành Phật đều nhờ vào trí tuệ mà thành cho nên gọi trí tuệ của ngài như một biểu hiệu của thầy các Đức Phật.

IV. Biểu Tướng của Ngài:

1. Trên đầu có năm nhục kế thể hiện cho 5 tướng hay 5 đức của Phật.

2. Tay mặt Ngài cầm kiếm thể hiện cho sự cắt đứt phiền não.

3. Tay trái cầm hoa sen, thể hiện cho trí tuệ thanh tịnh, không nhiễm trước. Chứng nhập vào chỗ vô tướng, thể hiện trí kim cang uốn dẹp tất cả phiền não.

4. Ngài cỡi sư tử xanh. Sư tử là chúa của loài thú, ý nói trí tuệ sắt bén của Ngài chiếu sáng khắp mọi nơi.

5. Ngài cầm hoa sen xanh. Màu xanh là màu của phương Đông, hướng mặt trời mọc, ý nói ánh sáng trí tuệ chiếu tan sương mù của đêm tối.

V. Tiền Thân Của Ngài:

Trong Kinh Pháp Hoa có chép: Trước khi Đức Phật Nhật-Nguyệt-Đăng-Minh thành Phật, Ngài là một ông vua có 8 người con, sau Ngài xuất gia tu hành và chứng quả thành Phật. Sau khi Ngài nhập Niết Bàn, 8 người con đều phát tâm xuất gia, nhận Ngài Bồ Tát Diệu Quang làm thầy và dần dần đều chứng được đạo quả. Người thành Phật sau cùng hiệu là Nhiên Đăng.

Như vậy ngài là thầy của Đức Phật Thích Ca. Ngài Bồ Tát Diệu Quang là tiền thân Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát.

VI. Một câu chuyện Trợ hóa của Ngài:

Ngài Văn Thù cầm kiếm hại Đức Phật.

Trong thời Đức Phật ra đời, có 500 vị La Hán chứng được Túc Mạng Thông, thấy tội lỗi của mình quá nhiều, liền sanh lòng chán nản. Ngài Văn Thù đứng hầu Đức Phật thấu rõ tâm ý các vị La Hán, liền cầm kiếm đến trước Đức Phật như muốn hại Ngài. Đức Phật thản nhiên nói rằng: "Ta đã chứng vô ngã vô pháp, không thấy ta còn bị sát, không thấy có người đến sát hại, làm sao người sát hại ta được."

500 vị La Hán hiểu ngay sự giả dối của pháp, sự không thật của tội ác nên chứng được Vô Sanh pháp nhẫn.

VII. Lòng quy ngưỡng của Phật tử và kết luận:

- Tưởng nhớ đến trí huệ cùng tột của ngài
- Hiểu trí huệ là trí cần thiết cho người Phật Tử
- Đạo Phật là đạo của Trí Tuệ
- Trí Huệ của Ngài Văn Thù Sư Lợi còn được gọi là mẹ của các Đức Phật.
- Cầu sự giúp đỡ của Ngài để trí tuệ được sáng suốt.

(Tài liệu Tu Học
của Bậc Trung Thiện)

RẮN ĐỘC VÀ VÀNG

*(**Câu Chuyện Dưới Cờ** — bài viết hàng tuần của GĐPT do **Nhóm Áo Lam** thực hiện)*

Cần lao trong tư duy chơn chánh kết quả việc làm ấy đáng quý hơn vàng.

Tiền của bạc vàng không do sức cần lao của ta mà lại, hãy coi chừng, nó độc hơn rắn dữ.

Trong cuốn truyện cổ Phật giáo có câu chuyện mang tựa đề như trên, nội dung kể lại rằng:

Ngày xưa lúc Phật còn tại thế, một hôm Đức Phật nhập thiền định quán, biết được hiện trong lúc trưa hè oi ả này có kẻ đang còn đi mót lúa ngoài đồng. Ngài muốn độ kẻ ấy, nên liền bôn ba ra đồng. Khi nghe có tiếng chân người lại, người mót lúa ngước nhìn và thấy Phật, lòng rất vui mừng cúi đầu đảnh lễ, Phật bảo:

- Hãy theo ta, tin ta tuyệt đối, ngươi sẽ có hạnh phúc.

Anh nông dân vui mừng thọ nhận theo Phật. Khi đến một gò mối cao bên cạnh có phiến đá và một cây hoa dại, Phật bảo: "Đấy là vàng." Anh vội vã nhổ cây hoa và bới đất lên. Được một lúc từ dưới đất phun lên một vòi nước. Khi chung quanh toàn là đất khô cằn, đầy sỏi cát. Đang bàng hoàng anh chợt thấy bóng Phật đã ra đi, anh vội vàng chạy theo. Con nước nhỏ vẫn rỉ rả chảy theo hướng Ngài. Đến một chỗ khác lại càng cằn cỗi hơn nhưng được chỗ bằng phẳng và không có đá sỏi. Phật chỉ xuống đất bảo: "Đây là vàng." Anh lật đật đào nhưng không phát hiện ra vàng, nhìn lên Phật đã bỏ đi. Anh lật đật chạy theo, khi bắt kịp Phật lại bảo: "Đây chính thị là vàng." Anh siêng năng đào, kết quả anh nhặt được trái bắp khô làm giống được cột gói cẩn thận. Nhìn ra chung quanh rạch nước anh đào lần đầu cũng đã chảy đến. Đang ngắm nhìn cảnh vật thì Phật lại ra đi, anh vội vã chạy theo. Khi gặp Phật bảo: "Không thấy vàng à?"

Anh buồn bã đáp không. Phật lắc đầu và chỉ ngay trước mắt anh và bảo: "Còn đây là rắn độc," rồi Ngài bỏ đi. Anh suy gẫm: "Chắc có lẽ đây mới thật là vàng vì lúc chỉ có đất mà Ngài bảo là vàng, âu ta đào lần nữa xem sao?" Quả vậy mới đào sơ qua lớp đất đầu anh bắt gặp một chiếc rương to. Trên nắp rương có sẵn một chiếc cái túi đựng chìa khóa để mở rương. Khi anh mở rương ra thì quả thật là vàng và các thứ ngọc châu vô cùng quý giá. Anh lấy cả gánh cũng không hết. Anh lấp lại về nhà sai vợ con ra lén gánh về nhà. Anh trở nên giàu có nhanh chóng. Việc ấy đến tai vua, vua cho điều tra và biết chắc anh được của trân quý, mà các thứ trân quý này chỉ có hoàng tộc mới có. Bởi vậy anh bị khép tội đồng lõa với kẻ cướp và phải bị xử trảm bêu đầu. Khi đao phủ dẫn anh ra pháp trường, anh nhớ lại lời Phật dạy, nay anh đã hiểu được thâm ý của Ngài nhưng đã muộn nên hướng về hoàng cung và vận dụng hết sức lực của mình hét lên: "Đó không phải là vàng ngọc. Chính nó là rắn độc." Vị pháp quan thấy lạ, cho người cấp báo lên vua, vua ra lệnh dắt tội nhân vào, vua phán:

- Sự thật thế nào ngươi hãy nói rõ. Tại sao trân châu vô giá, ngươi dám bảo nó là rắn độc?

Anh thuật rõ đầu đuôi câu chuyãn và kết luận:

- Tâu bệ hạ, nếu tôi hiểu sâu xa lời Phật, đem sức cần lao của mình và gia đình mình canh tác vùng đất khô cằn nhưng bằng phẳng kia. Đưa nước từ con suối vừa khai ngòi dẫn đến, với trái bắp giống tốt, tôi đã biến vùng ấy thành một vùng trù phú, tôi sẽ giàu có. Còn số vàng bạc này, đây không do sức cần lao của mình mà có. Nay nó làm tổn hại đến sanh mạng của thần, rõ ấy là một thứ rắn độc. Nó đã cắn thần bằng bản án xử trảm bêu đầu.

Sau một lúc gẫm suy, nhà vua phán: "Lời dạy của Như Lai rõ ràng là vàng ngọc. Ta tha cho ngươi tội chết. Lại trao cho ngươi trọn quyền khai thác vùng đất khô bằng con suối nước Như Lai đã chỉ cho ngươi. Còn vàng bạc đây ta sẽ xuất kho xây dựng các công trình phúc lợi để bá tánh hưởng dụng."

Không bao lâu sau trong các làng mạc đã có trường mới, có giếng nước trong và các bệnh xá chữa bịnh cho dân. Đặc biệt cánh đồng khô ngày xưa nay đã xanh um tươi mát vì hoa mầu. Người nông dân hối ngộ ấy nay đã trở thành người giàu có cần cù, yêu đời và biết tương thân đùm bọc kẻ yếu nghèo.

Anh chị em thân mến! Chỉ có sức cần lao dù bằng chân tay hay trí óc mới làm toát ra cái ý nghĩa cao đẹp của cuộc sống. Nó là thứ trân châu kỳ báu không hư mất vậy.

Thị Ngô Nguyễn Đình Khôi
(52 Câu Chuyện Dưới Cờ)

MƯỜI ĐIỀU THIỆN

Bài Học Phật Pháp Đầu Tuần:

Tài liệu của GĐPT trên trang nhà GĐPTVN Trên Thế Giới

I. Định Nghĩa:

Mười điều thiện là mười việc lành gồm trong các phần. Về thân (thân nghiệp), về lời nói (khẩu nghiệp), về ý nghĩ (ý nghiệp), có tánh cách lợi mình, lợi người ở hiện tại và tương lai. Mười điều thiện này là căn bản làm người, và nấc thang đầu tiên để tiến đến Phật quả.

II. Mười điều thiện bao gồm 3 phần chính:

1. Thân Nghiệp: Những hành động liên quan về thân: Không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm.

2. Khẩu Nghiệp: Những lời nói tốt lành có 4 cách: Không nói lời dối trá, không nói lời độc ác, không nói lời thêm bớt, không nói đâm thọc.

3. Ý Nghiệp: Những ý nghĩ sáng suốt gồm có: Không tham lam, không sân hận, không si mê.

III. Sự lợi ích tu mười điều thiện:

Nếu tu mười điều thiện sẽ được lợi ích như sau: Thân không tật bệnh, sống được lâu dài, không bị ác mộng, tiêu diệt những oán thù ngày trước, sau khi chết sanh lên cõi trời, hưởng các sự vui, được mọi người thương mến, không bị ai lường gạt, ở chỗ đông người không sanh lòng sợ hãi, tâm luôn luôn thanh tịnh, người đời kính phục, lời nói không bị sai lầm, trí huệ sáng suốt, bà con sum vầy, người dữ không hại, gặp nhiều bạn tốt, nói ra được nhiều người hưởng ứng, đầy đủ các vật quý báu, muốn gì đều được như ý, không bị người dèm chê, tướng tốt đẹp, không bị các tai họa, gặp lý tưởng chân chánh. Nếu đem công đức tu mười điều hồi hướng về đạo Bồ đề thì được thành tựu Phật quả.

IV. Sức mạnh mười điều thiện:

1. Sửa đổi bản thân: Tánh tình và trí thức của con người đều do nghiệp nhân chi phối. Sự thực hành mười điều thiện sẽ hoàn cải hoàn toàn tâm tánh, trí thức và sắc thân của mình. Ví dụ như không sát sanh mà lại phóng sanh thì tánh tình sẽ thành từ bi và trí tuệ sẽ sáng suốt.

2. Thay đổi hoàn cảnh: Mười điều thiện này sẽ hoàn cải mọi hoàn cảnh, ví dụ một người không bao giờ sân hận lại tu hành nhẫn nhục thì hoàn cảnh không có một sự oán thù chiến tranh giết hại nào, mà chỉ toàn là thiệt cảnh hoan hỷ, tương thân tương ái, vui vẻ thật sự và đùm bọc thương yêu.

3. Sanh vào cõi trời: Nếu thực hành mười điều thiện này thì mới sanh lên các cõi trời an vui, đẹp đẽ hơn hẳn cõi người. Nếu lên các cõi trời thì phước đức rất đầy đủ, sống thanh tịnh, sống lâu v.v...

4. Những điều căn bản để chứng Phật quả: Mười phương ba đời các vị hiền thánh thoát khỏi sanh tử, chứng quả vô thượng đều lấy mười điều thiện làm căn bản, vì mười điều thiện này có công năng ngăn chặn các hành vi độc ác, đối trị các điều không lành và làm ba nghiệp thanh tịnh. Khi ba nghiệp được thanh tịnh thì khỏi sanh tử, chứng quả niết bàn, và đem mười diều thiện này hồi hướng cho toàn thể chúng sanh, tức thành tựu được Phật quả.

V. Kết Luận:

Mười điều thiện cho chúng ta biết những việc làm rõ ràng thiết thực để chúng ta theo đó mà thi hành.

Mười điều thiện này nêu rõ chỉ có việc làm mới có giá trị, chứ nói suông không có lợi ích gì. Mười điều thiện giúp chúng ta cải thiện đời sống của chúng ta và của mọi loài, làm cho xã hội trở thành thiện mỹ và nhất là hướng dẫn chúng ta đến Phật quả hoàn toàn.

Chúng ta cần phải thực hành, cần phải bắt tay vào việc làm và nhất là theo đúng mười điều thiện mà hành động. Có vậy chúng ta mới xứng đáng là một Phật tử chân chính và thấy tất cả sự lợi ích thiết thực của đạo Phật.

SINH HOẠT CỦA TĂNG ĐỒ VÀ CƯ SĨ

(Chương XVII, VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP II)

Nguyễn Lang

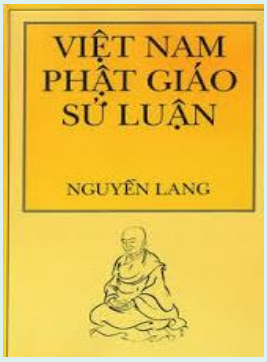

TĂNG SĨ, TỰ VIỆN, VÀ SINH HOẠT KINH TẾ

Trong thời đại thịnh trị nhất của Phật giáo Trúc Lâm, khoảng trên 15.000 người đã được thụ giới xuất gia trong các giới đàn do giáo hội Trúc Lâm tổ chức. Giáo hội Trúc Lâm là một giáo hội có tính cách "nhà nước" bởi vì được triều đình ủng hộ. Ta đã biết từ đời vua Anh Tông, tăng sĩ được bắt đầu cấp độ điệp - Độ điệp là chứng thư của chính quyền làm thông hành cho tăng sĩ. Tại tu viện Quỳnh Lâm có lưu trữ hồ sơ của tất cả tăng sĩ thuộc giáo hội Trúc Lâm. Những tu sĩ nào có độ điệp hẳn đã được hưởng những điều kiện dễ dàng trong thời gian du hành, khảo cứu và tham bái các nơi. Có độ điệp thì đi đến chùa nào của môn phái cũng được tiếp đón và nghỉ chân. Ta có thể nói rằng những cuộc kết hạ an cư tổ chức tại các tu viện Yên Tử, Quỳnh Lâm, Siêu Loại, Vĩnh Phúc, An Lạc Tàng Viện, v.v... trong mùa hè là để dành ưu tiên cho những tăng sĩ thuộc giáo hội Trúc Lâm. Thư tịch đời Trần hầu như không nói đến những sinh hoạt Phật giáo ngoài giáo hội Trúc Lâm, đó thực là một điều đáng tiếc. Tuy nhiên ta cũng biết được rằng số lượng tăng sĩ và tự viện không hề thuộc giáo hội Trúc Lâm cũng là những số lượng đáng kể. Trong một chương trước chúng tôi đã nói ít nhất tổng số tăng sĩ đời Trần cũng trên 30.000 vị và như thế chỉ đưa ra một ước lượng tối thiểu về số lượng tăng sĩ không thuộc môn phái Trúc Lâm. Có thể là số lượng này đông đảo bằng hai số tăng sĩ Trúc Lâm cũng chưa biết chừng. Cố nhiên ta cũng nhận định rằng có những tăng sĩ vốn không thuộc tăng phái Trúc Lâm nhưng đã gia nhập môn phái này, bởi đây là bộ môn phái duy nhất được triều đình công nhận và ủng hộ.

Từ đời Lý, tự viện đã được phân làm ba loại: đại danh lam, trung danh lam và tiểu danh lam. Các chùa được chính phủ nhận vào trong ba phạm trù ấy đều được cấp ruộng đất. Đến đời Trần, chắc hẳn tục lệ này vẫn còn được duy trì, nhưng có lẽ chỉ được áp dụng trong trường hợp của những tự viện thuộc môn phái Trúc Lâm. Tuy vậy, phong trào Phật trong quần chúng đã lên mạnh: dân chúng tự động cất chùa, cúng dường ruộng đất cho chùa để cung cấp lương thực cho tăng sĩ. Ta có thể nói rằng phần lớn những ngôi chùa nhỏ dựng lên khắp nơi ở các làng mạc đều là của quần chúng tạo dựng và nuôi dưỡng, không chính thức được triều đình công nhận và không thống thuộc môn phái Trúc Lâm.

Phật giáo Việt Nam đã là Phật giáo thiền từ thế kỷ thứ ba; nguyên tắc bất tác bất thực (không làm thì không ăn) do thiền sư Bách Trượng khởi xướng và do thiền sư Vô Ngôn Thông bắt đầu áp dụng tại nước ta đã tạo nên truyền thống "chấp lao phục dịch" (làm việc lao động" trong giới thiền môn. Tăng sĩ trong thiền môn ai cũng làm việc lao động, trồng cây, cuốc đất, làm vườn, làm ruộng. Sự xen lẫn công tác lao động và công phu tọa thiền là một thói quen rất hay, gia tăng sự lành mạnh của cơ thể, sự hữu hiệu của thiền định và bảo đảm được phần nào kinh tế của tự viện. Thường thường, chùa lại có vườn lại có thêm ruộng. Trong trường hợp không phải là chùa được nhà nước cấp ruộng thì đời sống kinh tế của chùa đó được tín đồ bảo đảm. Vườn thì thường ở gần chùa, ruộng có khi có thể ở xa chùa: những khoảnh vườn và những thửa ruộng mà chùa có là do bổn đạo của chùa cúng vào. Có những người lớn tuổi không có con cái để sau này cúng lễ: họ cúng ruộng vào chùa để sau này chùa sẽ làm giỗ cúng giỗ họ mỗi năm. Nếu ruộng ít thì chư tăng trong chùa có thể tự làm lấy; nếu sức chư tăng không đủ, thì ruộng này được giao cho một vài người gọi là tịnh nhân chăm sóc. Hoa lợi sẽ giao lại cho chùa. Cố nhiên những tịnh nhân kia cũng được chia phần trong số hoa lợi ấy để sinh sống.

Danh từ *tịnh nhân* được thấy trong sách *Tam Tổ Thực Lục* và chế độ tịnh nhân như thế có chậm nhất là vào thế kỷ thứ mười ba. *Tịnh nhân* có nghĩa là người trong sạch, ý nói những người này phát tâm làm cho chùa, không đòi hỏi phải được trả công nhiều, chỉ cần đủ cơm ăn áo mặc mà thôi. Ngày nay chúng ta còn thấy nhiều người tới chùa làm việc, chỉ cần ăn cơm chùa thôi mà không cần lương tiền gì hết. Đó là những người làm công quả. Họ cũng giống như những tịnh nhân ngày xưa.

Những chùa lớn được triều đình ủng hộ như chùa Quỳnh Lâm thì có canh phu nhà nước cấp

để cày ruộng. Có một lúc chùa Quỳnh Lâm có tới một nghìn mẫu ruộng; nhà nước đã chỉ định một ngàn canh phu tới cày ruộng cho chùa. Tuy vậy, Quỳnh Lâm là ngôi chùa duy nhất có một số ruộng nhiều đến thế, bởi đó là cơ sở quản trị trung ương của giáo hội Trúc Lâm. Hoa lợi thu vào là để chi dụng không những cho tăng sĩ và phật sự của chùa Quỳnh Lâm mà còn cho các phật sự khác trong giáo hội. Ta không biết những canh phu này do nhà nước trả lương hay do chùa Quỳnh Lâm trả lương. Chỉ biết sau này các chùa lớn như Quỳnh Lâm trả lương. Chỉ biết rằng sau này các chùa lớn như Quỳnh Lâm đã áp dụng chế độ Tam Bảo nô được áp dụng ở Trung Hoa từ lâu trước đó, có lẽ cuối đời Đường. Chữ *nô* ở đây có nghĩa như là nô bộc; kỳ thực những người gọi là tam bảo nô lại có những quyền lợi mà người ngoài không có. Mỗi người tam bảo nô thường có một lô đất để canh tác. Đất này do cho chùa cấp phát. Để đền đáp lại, người tam bảo nô cày ruộng cho chùa. Tuy vậy liên hệ giữa chùa và tam bảo nô không phải là liên hệ giữa chủ điền và tá điền. Tam bảo nô được pháp luật bảo vệ. Mỗi khi tam bảo nô làm điều gì phạm pháp, nhà chùa không có quyền hành gì trong sự trừng phạt. Chính quyền địa phương chịu trách nhiệm xét xử sự phạm pháp này. Ai đánh đập một người tam bảo nô sẽ bị chính quyền phạt một trăm gậy tre. Những người tam bảo nô thường cưới hỏi nhau trong giới tam bảo nô; trong trường hợp một người tam bảo nô cưới một người ngoài, thì dù người này là chồng hay là vợ cũng sẽ được hưởng chế độ tam bảo nô, một lô đất để cất nhà và canh tác, và được hưởng sự che chở của pháp luật, không sợ bị đàn áp và bóc lột của chủ điền. Đây là một sự cộng tác giữa nhà chùa và nhà nước để bảo đảm cho sự sống và quyền tự do của những người cày ruộng cho chùa.

Tam bảo nô được chọn lựa trong những thành phần nào? Trước hết là những kẻ mồ côi do nhà chùa nuôi nấng từ hồi còn nhỏ. Lớn lên những cậu nào muốn xuất gia và có điều kiện xuất gia thì được nhận vào hàng ngũ tăng già, còn những cậu nào không muốn đi tu thì có thể gia nhập đoàn tam bảo nô, và sau đó, nếu muốn thì thành lập gia đình. Kế đó là những tá điền của những thửa ruộng được cúng cho chùa rồi. Những tá điền này có thể đi làm tá điền cho những chủ ruộng khác; nhưng họ cũng có thể gia nhập đoàn tam bảo nô để hưởng những quyền lợi về tài sản và về pháp luật mà những tá điền thường không có. Cuối cùng, còn có những người phạm pháp đang bị chính quyền giam giữ: nếu nhà chùa bảo đảm, nhà chùa có thể lãnh những người này ra khỏi nhà tù và giữ họ trong hàng ngũ tam bảo nô. Nhà nước tin rằng nhà chùa có thể giữ gìn cho những kẻ phạm pháp này trở thành lương thiện. Đây là một điểm thật đặc biệt trong chế độ tam bảo nô.

Trong những chùa có tịnh nhân, canh phu hay tam bảo nô, chư tăng được rỗi rảnh để lo những công việc khác: cầu an, cầu siêu, chẩn tế, giảng dạy Phật pháp, tổ chức giáo hội... Tuy vậy số lượng của những chùa này so với tổng số các chùa trong nước thì rất bé nhỏ. Nói về tự viện Trung Hoa vào thế kỷ thứ sáu, Thích Pháp Lâm đời Đường cho biết có 47 chùa quốc tự do chính quyền ủng hộ, 839 chùa lớn do các vương hầu và người giàu sang thành lập, và khoảng 30.000 chùa do quần chúng tạo lập. Vào thời Trần Anh Tông, ta thấy có khoảng 15 chùa được xem là quốc tự và được chính quyền ủng hộ trực tiếp. Nếu căn cứ vào tỷ số giữa các chùa thời phong kiến ở Trung Hoa, ta có thể định con số những chùa như sau:

1- Chùa quốc tự : 15 chùa

2- Chùa do vương hầu và người giàu có tạo dựng: 330 chùa

3- Chùa do quần chúng tạo dựng: 9.000 chùa

Như vậy vào đời Trần, ta có khoảng 9.500 ngôi chùa và 30.000 tăng sĩ, trung bình mỗi chùa có ba vị tăng sĩ. Có những tổ đình có hàng chục tăng sĩ tu học và có những ngôi chùa nhỏ trong đó chỉ có một vị tăng sĩ trụ trì (1).

SINH HOẠT TRONG TỰ VIỆN

Tổ chức tự viện đời Trần như thế nào? Cố nhiên là có các tự viện lớn đã được tổ chức theo thanh quy Bách Trượng. Về kiến trúc, cơ sở chính là Phật Đường trong đó được an trí tượng Phật Thích Ca và các Bồ Tát Văn Thù và Phổ Hiền. Có chùa lại thờ thêm tượng Phật A Di Đà và tượng các Bồ Tát Quán Thế Âm và Đại Thế Chí. Ngôi nhà quan trọng thứ hai là Tổ Đường, có tượng Bồ Đề Đạt Ma và linh vị các tổ sư bản phái. Ngoài ra còn có tăng đường để tập hợp đại chúng, Trai Đường để chư tăng thọ thực và liêu phòng cho chư tăng cư trú. Chức vị cao nhất của tự viện và Viện chủ, có khi gọi là Giám viện hay Trụ trì. Vị giảng sư quan trọng nhất trong các vị giáo thụ được gọi là Giảng chủ. Lo việc điều hành tổ chức là vị Tri sự, trong khi vị Tri viên phụ trách sắp đặt công việc về ruộng vườn. Vị Tri tạng chịu trách nhiệm về kinh sách và thư viện. Vị Thủ khố chịu trách nhiệm về các kho chứa sản vật và tài vật của tự viện. Vị Thư ký hay Thư trạng chịu trách nhiệm về các văn kiện thư tín và sớ điệp. Vị Tri liêu chịu trách nhiệm về phân phối và quản trị phòng ốc. Vị Tri điện chịu trách nhiệm về Phật điện, cùng với vị Hương đăng. Vị Tri chúng rất quan trọng, có khi gọi là Thủ chúng, chịu trách nhiệm điều hợp tăng chúng và về các vấn đề liên hệ đến tập thể đại chúng. Vị Duy na hướng dẫn các buổi lễ, điều khiển các nghi thức tụng niệm. Vị Duyệt chúng phụ tá Duy Na. Tăng chúng luân phiên làm những công tác hàng ngày được gọi là các Trị nhật. Những vị tuổi nhỏ mới gia nhập được giao cho trách vụ Thị giả để giúp đỡ các vị lớn tuổi trong

công việc trà nước và dọn dẹp. Hai hông Phật điện thường có lầu chuông và lầu trống. Chuông lớn gọi là Đại Hồng Chung, Trống lớn gọi là Đại Pháp Cổ. Những buổi tập hợp đại chúng được gọi là thượng đường được bắt đầu bằng những hồi chuông trống lớn được gọi là chuông trống Bát Nhã. Tại nhiều chùa, tăng chúng làm lễ sám sáu lần trong một ngày. Sách *Tam Tổ Thực Lục* cho biết tu viện của thiền sư Pháp Loa áp dụng nghi thức sáu thời một ngày (lục thời nghi). Có lẽ đây là nghi thức *Lục Thì Sám Hối Khoa Nghi* của vua Trần Thái Tông. Nhiều chùa chỉ có tụng niệm buổi sáng và buổi tối, gọi là bai buổi công phu, thêm vào nghi thức cúng Phật vào buổi trưa, đúng giờ ngọ.

Hai nghi thức tụng niệm buổi sáng và buổi tối gọi là hai buổi công phu (nhị thời công phu) cho ta thấy sự tổng hợp của ba tông phái chính: Thiền, Mật và Tịnh Độ giáo như ta đã thấy trong một chương trước. Pháp Loa và Huyền Quang, theo *Tam Tổ Thực Lục,* đều trì tụng thần chú và niệm Phật A Di Đà. Trì tụng thần chú và niệm Phật cũng là để nhất tâm bất loạn. Sau đây là những phần chính trong hai thời khóa tụng:

Thời khóa buổi sáng:

1. Thần chú Lăng Nghiêm
2. Thần chú Đại Bị Tâm
3. Thần chú Như Ý Bảo Luân Vương
4. Thần chú Tiêu Tai Cát Tường
5. Thần chú Công Đức Bảo Sơn
6. Thần chú Chuẩn Đề
7. Thần chú Dược Sư Quán Đỉnh
8. Thần chú Quan Âm Linh Cảm
9. Thần chú Thất Phật Diệt Tội
10. Thần chú Vãng Sinh Tịnh Độ
11. Thần chú Đại Cát Tường Thiên Nữ
12. Tâm kinh Bát Nhã
13. Niệm Phật Thích Ca
14. Đảnh lễ chư Phật
15. Hồi Hướng

Thời khóa buổi chiều:

1. Kinh A Di Đà
2. Thần chú Vãng Sinh Tịnh Độ
3. Sám Pháp Hồng Danh
4. Nghi thức Thí Thực Mông Sơn
5. Tâm kinh Bát Nhã
6. Niệm Phật A Di Đà
7. Đảnh lễ chư Phật
8. Hồi hướng Cực Lạc
9. Tam Quy

Ta thấy gì? Thời khóa buổi sáng từ Tâm kinh Bát Nhã, Niệm Phật, Hồi Hướng và Tam Quy, tất cả đều là thần chú. Ngay Tâm kinh Bát Nhã cũng đã được xem như một thần chú rồi (2). Trong thời khóa buổi chiều, nghi thức Thí Thực Mông Sơn cũng đầy những thần chú, và cũng bắt nguồn từ Mật giáo. Các mục kinh A Di Đà, Niệm Phật và Hồi hướng Cực Lạc thì thuộc về Tịnh Độ giáo. Ngoài Tâm kinh Bát Nhã không có một kinh bản nào thuần túy Thiền được đưa vào hai thời công phu. Mật giáo và Tịnh Độ giáo lấn áp Thiền được đưa vào hai thời công phu. Mật giáo và Tịnh Độ giáo đã được xem như đồng hóa với Thiền. Các kinh bản như Kim Cương, Lăng Già, Viên Giác và các bộ ngữ lục như *Lâm Tế Lục, Bích Nham Lục, Đại Tuệ Ngữ Lục, Khóa Hư Lục, Tuệ Trung Thượng Sĩ Ngữ Lục* v.v... chỉ được học tập ở ngoài mà không được đưa vào thời khóa tụng niệm.

Tại các Tổ đình và những tự viện lớn, tăng sĩ quy tụ đông đảo trong mùa kết hạ để an cư. Theo truyền thống, thời gian từ rằm tháng Tư đến rằm tháng Bảy là thời gian kết hạ, nghĩa là thời gian các chư tăng tập hợp trong tự viện để thực hành thiền quán và không bước chân ra khỏi tự viện. Vì vậy kết hạ cũng có nghĩa là an cư. Những vị tăng sĩ cư trú và hành đạo tại các địa phương đã được đào tạo trong các tự viện lớn, mỗi năm có tục lệ trở về tự viện trong ba tháng kết hạ. Những tăng sĩ có danh hiệu a xà lê (ācārya) là những tăng sĩ đã trải qua ít nhất là năm mùa kết hạ. Vị được thỉnh cầu làm hòa thượng trong một cuộc truyền giới phải là một vị đã trải qua ít nhất là mười mùa kết hạ. Mỗi mùa kết hạ được kể là một tuổi tu, tính từ năm thọ giới tỳ khưu. Có nhiều chùa tổ chức kết đông, cũng trong thời gian ba tháng, cho những vị tỳ khưu không thể về trong mùa hạ.

GIỚI PHÁP

Muốn xuất gia tu đạo, người ta phải trải qua thời gian làm sa di, gọi nôm na là chú tiểu, hoặc điệu, hoặc sư bác. Sa di được lấy từ danh từ srāmanera của Phạn ngữ và được dịch là tức từ, cần sách hoặc cầu tịch. *Tức từ* có nghĩa là ngưng ác làm lành; *cần sách* có nghĩa là siêng năng tịnh tiến; *cầu tịch* có nghĩa là tìm đời sống an tịnh. Tuổi thích hợp nhất của sa di là từ mười bốn đến mười chín. Tuổi sớm nhất để được thọ giới tỳ khưu là tuổi hai mươi. Một vị sa di cần chứng tỏ khả năng tu học của mình trước khi được thọ giới tỳ khưu. Sa di có mười luật cần giữ gìn trong khi tỳ khưu có 250 giới.

Vì vậy đến tuổi hai mươi mà sa di chưa có khả năng thọ giới tỳ khưu thì phải đợi thêm vài năm nữa. Những người xuất gia trên hai mươi tuổi cũng phải làm sa di; họ cũng phải chứng tỏ khả năng trước khi thọ giới tỳ khưu. Những em bé dưới mười bốn tuổi được nuôi ở chùa được gọi là sa di đuổi quạ (khụ ô sa di) bởi vì các em chỉ làm được việc đuổi quạ để chúng đừng làm náo động các khu vực chư tăng đang tọa thiền. Những người quá hai mươi tuổi mà không có khả năng thụ giới tỳ khưu được gọi là sa di danh tự. Còn những sa di từ 14 đến 19 được gọi là sa di hợp pháp (Ứng pháp sa di). Mười giới luật của sa di là:

1- Không sát sinh
2- Không trộm cắp
3- Không nói dối, nói thêu dệt, nói lưỡi hai chiều và chửi mắng
4- Không dâm dục
5- Không uống rượu
6- Không được dùng nước hoa và trang điểm bằng hoa
7- Không được dùng giường nệm cao lớn sang trọng.
8- Không được khiêu vũ hát xướng
9- Không được sử dụng vàng bạc
10-Không được ăn ngoài giờ ăn.

Những người nữ được thụ giới trên gọi là sa di ni (sārmanekirā). Những thiếu nữ đến tuổi mười tám, dù đã thụ giới sa di hay chưa cũng phải thụ giới thức xoa ma na trong hai năm trước khi được thụ giới tỳ khưu ni. Khác với tỳ khưu vốn có 250 giới điều, giới tỳ khưu ni có tới 348 điều. Giới thức xoa ma na là những giới điều chuẩn bị cho giới tỳ khưu ni. Thức Xoa ma na (Phạn ngữ: Siksamana) gồm có sáu giới:

1- Không dâm dục
2- Không trộm cắp
3- Không sát sinh
4- Không nói dối
5- Không uống rượu
6- Không ăn ngoài giờ ăn.

Sáu giới điều Thức Xoa Ma Na đều có sẵn trong số mười điều của Sa Di Ni, tại sao Sa Di Ni lại cần phải bỏ giới Sa Di Ni để thụ giới Thức Xoa Ma Na, người Sa Di Ni còn phải tập giữ giới luật và hạnh pháp tỳ khưu ni nữa. Sự học tập này phải kéo dài ít nhất trong hai năm. Những thiếu nữ nào chưa thụ giới Sa di mà đến tuổi mười tám có quyền xin thụ giới Thức Xoa Ma Na; và sau hai năm cũng có quyền xin thụ giới tỳ khưu ni. Những thiếu phụ trước kia đã từng lập gia đình hay sống độc thân (vì thôi chồng hoặc chồng chết) nếu muốn thụ giới Thức Xoa Ma Na phải đợi mười năm sau ngày ly thân hoặc ngày chồng chết mới được thụ giới Thức Xoa Ma Na.

Sau đây là nội dung giới luật Tỳ Khưu, tất cả là 250 giới, chia làm 8 mục, được gọi là Ba La Đề Mộc Xoa (Phạn ngữ: Prātimoksa). Prātimoksa có nghĩa là giải thoát, cởi mở mọi ràng buộc:

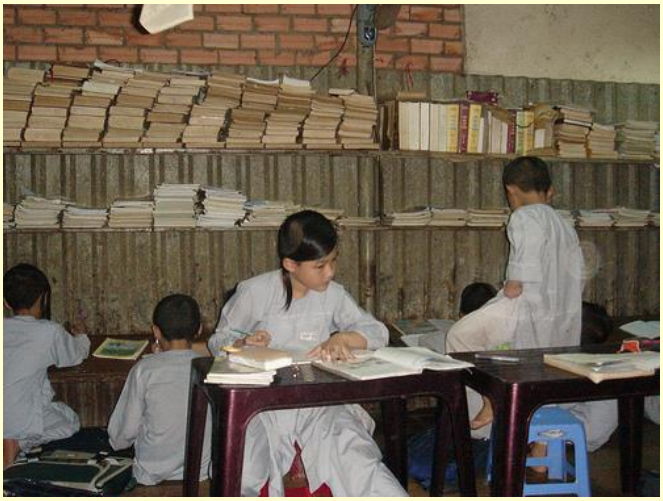

- 4 giới Ba la di (Pārājika): không dâm dục, không sát sinh, không trộm cướp, không nói dối là đã chứng ngộ. Phạm vào một trong bốn giới này thì bị trục xuất, bởi vì đây là một trong bốn giới căn bản (căn bản cực ác)
- 13 giới tăng tàn (Samghāvasesa)
- 2 giới bất định pháp (Aniyata)
- 30 giới xả đọa (Naihsargikāhpāyattikah)
- 90 giới ba dật đề (Prāyyascittikāh)
- 4 Giới đề xá ni (Pratidesaniya)
- 100 giới chúng học (Siksākaraniya)
- 7 giới diệt tránh

Giới luật của tỳ khưu ni lên tới 348 điều, phân ra làm bảy mục

- 8 giới ba la di
- 17 giới tăng tàn
- 30 giới xả đọa
- 178 giới đơn đọa
- 8 giới hối quá
- 100 giới chúng học
- 7 giới diệt tránh

Mỗi tháng hai lần tăng chúng tập hợp để thuyết giới, nghĩa là để tuyên đọc giới luật và kiểm điểm sự hành trì giới luật. Những hành động phát lộ (tự thú), sám hối, xử trị, cũng như các lễ thụ giới, kết hạ, đều được thực hiện trong nguyên tắc yết ma. Yết ma (karma) dịch là tác pháp biện sự, có ý nghĩa tính cách hợp pháp của những giải quyết căn cứ trên một nghi thức tuyên cáo đọc và quyết nghị trong tăng chúng. Bất cứ một quyết định hay một hành động nào liên hệ đến đời sống giới luật đều phải do sự thực hành yết ma mới được hợp pháp. Muốn thực hành yết ma phải có những điều kiện sau đây:

1/ Phải có đủ số người tối thiểu.

Trong trường hợp xử tội một tăng sĩ chẳng hạn, hội đồng tập hợp ít ra phải có hai mươi vị đã thụ giới tỳ khưu. Trong trường hợp truyền giới tỳ khưu, phải có một hội đồng truyền giới mười vị (3). Trong các trường hợp khác thì phải có ít nhất bốn vị.

2/ Quyết nghị phải được thực hiện trong sự hòa hợp hoàn toàn.

Nếu không có sự hòa hợp hoàn toàn thì yết ma không có hiệu lực. Người có trách vụ tuyên cáo yết ma được gọi là thầy yết ma (karmācārya) được đại chúng công cử hay thỉnh mời. Ví dụ trong trường hợp thụ giới tỳ khưu thì vị thầy yết ma được các giới tử (4) cung thỉnh vào trách nhiệm này. Các giới tử tới trước các vị tăng mà họ muốn cung thỉnh làm thầy yết ma, làm lễ, quỳ xuống đọc ba lần:

"Nay chúng con xin thỉnh Đại Đức làm thầy Yết Ma, xin Đại Đức vì chúng con mà nhận trách vụ: chúng con sẽ nhờ Đại Đức mà được thụ giới tỳ khưu."

Trong hội đồng truyền giới, để thành tựu nguyên tắc Yết Ma, thầy Yết Ma sẽ hỏi đại chúng:

- Chư tăng đã tập hợp chưa?

Vị điển lễ đáp: - Chư tăng đã tập hợp.

Thầy Yết ma: - Có sự hòa hợp không?

Thầy điển lễ: - Có sự hòa hợp.

Thầy Yết ma: - Chư tăng tập hợp hôm nay để làm gì?

Thầy điển lễ: - Để thực hiện yết ma truyền giới tỳ khưu.

Thầy Yết ma: - Xin chư Đại Đức nghe đây. Các vị có tên sâu đây... (tên), xin thụ giới cụ túc (5) dưới ngài... (tên), làm trách vụ Hòa Thượng. Các vị sa di đây đã tự nói rằng họ trong sạch, không phạm tội, đủ hai mươi tuổi, có đủ ba y và bình bát. Đại chúng chư tăng đến đúng giờ, đại chúng chư tăng nghe, đại chúng chư tăng trao giới cụ túc cho các sa di (tên) với ngài... (tên) làm trách vụ Hòa Thượng. Lời tác bạch như thế có đúng phép không?

Các thầy tôn chứng chắp tay:

- Đúng phép.

Thầy Yết ma lặp lại những lời trên (Xin chư Đại Đức nghe đây...) và thêm: "Các vị trưởng lão nào bằng lòng để đại chúng chư tăng cho các sa di... (tên) thụ cụ túc với ngài... (tên) làm trách vụ Hòa Thượng thì xin im lặng, vị nào không đồng ý thì xin nói lên (im lặng một chút). Đây là tác pháp Yết Ma thứ nhất. Xin chư tăng cho biết có thành không?"

Các vị tôn chứng đáp: - Thành.

Thầy Yết Ma lặp lại một lần nữa những lời trên và thêm: "Đây là tác pháp Yết Ma thứ hai, xin chư tăng cho biết có thành không?"

Các vị tôn chứng đáp: - Thành.

Thầy Yết Ma lại lặp lại một lần nữa những lời trên và thêm: "Đây là tác pháp Yết Ma thứ hai, xin chư tăng cho biết có thành không?"

Các vị tôn chứng đáp: - Thành.

Chỉ sau khi đó thì sự truyền giới mới được hợp pháp và mới có thể bắt đầu, bởi vì Yết Ma đã được thực hiện.

Như trên đã nói, bất cứ một sinh hoạt nào liên hệ tới giới luật đều phải thực hiện trên nền tảng yết ma. Mỗi tháng hai lần tụng giới cũng phải thực hiện yết ma. Khi trục xuất một vị tăng ra khỏi đoàn thể vì vị tăng này đã phạm tội mà không hối cải, không tuân phục lời khuyến thỉnh của chư tăng, thì phải thực hiện Yết Ma gọi là yết ma tẩn xuất. Khi có một vị tăng phạm tội mà chưa chịu sám hối, khuyên răn mà vẫn chưa sám hối thì đại chúng có thể thực hiện yết ma điều phục, không ai nói với vị tăng phạm tội kia lời nào, không ai sinh hoạt chung với vị tăng kia cho tới khi nào vị tăng chịu nhận sám hối.

Hội đồng truyền giới tỳ kheo phải có ít nhất là mười vị, gọi là thập sư. Trong số đó, ba vị quan trọng nhất là hòa thượng, yết ma và giáo thụ. Còn bảy vị kia là tôn chứng. Chúng ta đã biết trách vụ của vị yết ma, sau đây là trách vụ của các vị Hòa thượng, Giáo thụ và Tôn chứng.

Danh từ hòa thượng (Upādhyāya) từng được Cưu Ma La Thập dịch là *lực sinh* nghĩa là nhờ đời sống tâm linh của vị đó mà đạo lực của giới từ được phát sinh. Sau này có người dịch là *thân giáo sư* nghĩa là vị giáo sư gần gũi nhất của mình, hay là *y học,* nghĩa là người mình nương tựa để học đạo. Hòa thượng là vị chứng minh tối cao của hội đồng truyền giới. Vị giáo thụ là người dạy dỗ và trao truyền giáo pháp cho giới tử. Trong trường hợp số lượng giới tử đông thì phải có tới hai vị giáo thụ. Các vị giáo thụ dạy cho giới dạy cho giới tử tất cả những điều cần biết, cần hiểu, cần làm và cần nói trong lễ thụ giới. Bảy vị tôn chứng là sự quyết định sự thành tựu hay không thành tựu hay không thành tựu cả tác pháp yết ma.

Những lễ truyền giới được gọi là giới đàn. Vào đời Trần, có nhiều giới đàn được tổ chức rất lớn trong đó có hàng ngàn người thụ giới. Trong giới đàn không những có hội đồng truyền giới và giới tử, mà còn có nhiều vị tỳ kheo đến tham dự và góp sức hộ niệm cho sự thành tựu của giới đàn. Giới tử, khi đi làm lễ cầu thỉnh hòa thượng, yết ma, giáo thụ và tôn chứng, phải được sự hướng dẫn bởi một số tăng sĩ gọi là các thầy dẫn thỉnh. Các vị này hướng dẫn và giới thiệu giới tử với các vị được thỉnh cầu vào hội đồng truyền giới, tức là thập sư.

Sau khi được trao giới tỳ khưu, giới tử được trao y, bát, tọa cụ và dụng cụ lọc nước, tức là những vật tùy thân của một vị tỳ khưu. Y đây là áo ca sa, bát đây là dụng cụ để thụ trai mùa kết hạ hay để đi khất thực, tọa cụ là dụng cụ trải ngồi. Quần chúng thường hay gọi những giới đàn truyền giới là trường hương, bởi vì ở đó giới tử được lên cấp bực, và bởi vì những giới tử sau khi nhận giới thường đốt ba huyệt hương trên đầu, lớn bằng hạt đậu để phát nguyện giữ giới và cúng dường tam bảo.

Tại những giới đàn lớn, không những có truyền giới tỳ khưu mà còn có truyền giới ưu bà tắc, sa di và bồ tát nữa. Giới Ưu bà tắc do Phạn ngữ: Upāsika, dịch là cận sự là những người thân cận tam bảo. Năm giới là không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không say rượu. Giới bồ tát gồm có năm mươi tám điều khoản, trong đó có mười giới nặng và bốn mươi tám giới nhẹ. Đây là giới luật của Đại Thừa. Người nào đã thụ hoặc giới ưu bà tắc hoặc giới sa di, hoặc giới tỳ khưu đều có thể xin

thụ thêm bồ tát giới. Giới luật tỳ khưu chú trọng hơn về hình thức trong khi giới luật bồ tát chú trọng hơn về mặt tâm lý và nội dung. Ví dụ trong giới tỳ khưu, giới sát sinh được xem như đã được tôn trọng nếu người giữ giới không giết hại sát sinh mà mình không tìm cách ngăn cản hoặc mình đồng ý theo thì đó là phạm giới, không cần đợi tới lúc mình tự tay sát sinh.

Những vị tăng sĩ chỉ thụ giới tỳ kheo được gọi là thanh văn tăng. Giới luật của bồ tát giới, còn được gọi là tam tụ tịnh giới, nghĩa là giới luật quy tụ ba phương diện hành trì:

1- Nhiếp luật nghi giới: giữ gìn không để tự mình phạm vào những ác nghiệp.

2- Nhiếp thiện pháp giới: thực hiện những điều tốt đẹp trong đời sống của mình.

3- Nhiêu ích hữu tình giới: phụng sự cho mọi giới hữu tình, tức là nhân loại chúng sinh.

Ở Việt Nam, Phật giáo có khuynh hướng Đại Thừa từ đầu thế kỷ thứ ba, cho nên những người thụ giới tỳ khưu thường xin thụ luôn giới bồ tát. Giới bồ tát sẽ tổ chức cho giới tỳ khưu về nội dung tâm lý.

(còn tiếp)

---

(1) Các vua đời Lý đã dựng trên ba mươi ngôi chùa: vua Thái Tổ dựng lên các chùa Hưng Thiên Ngự, Thắng Nghiêm, Đại Giáo (1010), Vạn Thọ, Tứ Đại Thiên Vương, Cẩm Y, Long Hưng Thánh Thọ (1011), Thiên Quang, Thiên Đức (1016), Chân Giáo (1024), Diên Hựu (1049); vua Thánh Tông dựng các chùa Đông Lâm, Tịnh Lự (1055), Báo Thiên (1056), Thiên Phúc, Thiên Thọ (1057), Sùng Nghiêm Báo Đức (1059), Nhị Thiên Vương (1070), vua Nhân Tông dựng các chùa Lãm Sơn (1086), Vĩnh Phúc (1100), Sùng Phúc (1115), Quảng Giáo (1121), Hộ Thánh (1124); Vua Thần Tông dựng các chùa Quảng Nghiêm Tứ Thánh (1130), Thiên ninh, Thiên Thành (1133); Vua Anh Tông dựng các chùa Vĩnh Long, Phúc Thánh (1144); vua Cao Tông dựng các chùa Thánh Huân (1206). Vào khoảng mười ngôi chùa khác do các vua Lý dựng chưa kể được tên. Đến đời Trần một số trong các chùa kể trên đổ nát, không được xây dựng lại.
Các vua Trần cũng dựng thêm chùa, nhưng các quốc tự được chính quyền chu cấp có lẽ chỉ vào số 15 ngôi.

(2) Thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú", trích trong Tâm Kinh Bát Nhã.

(3) Nếu ở nơi xa xôi cách trở thì số người trong hội đồng có thể rút xuống 5 vị.

(4) Giới tử: những người sắp được thụ giới

(5) Giới Cụ Túc: giới tỳ khưu. Cụ túc có nghĩa là hoàn toàn đầy đủ.

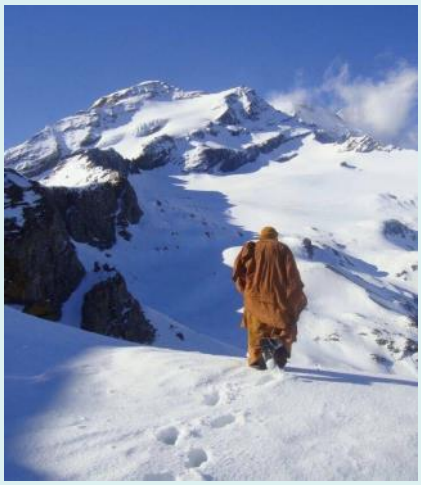

THIỀN ĐI

Trong khi thiền hành
Bình thản và an nhiên
Một đàn gà tây hoang dã theo sau
Tôi dừng lại và quan sát
Không nói một lời nào
Thêm sự yên tĩnh
Cuộc sống là tinh tế
Và sự thật là huyền diệu.

WALKING MEDITATION

In a walking meditation,
Calm and serenity.
A flock of wild turkeys followed.
I stopped and observed
Without saying a word.
More quietness.
Life is subtle
And the truth, truly is magical.
(Spirit Rock Center, 2016)

ĐI TRONG CÕI NÀY

Trời lạnh thiên hà xoắn ốc,
Sao ngàn muôn cõi lung linh.
Ngước mặt đời cơn gió lốc,
Mênh mông giữa cõi phù sinh.

thơ BẠCH X. KHOẺ
http://phebach.blogspot.com

ÚC CHÂU VÀ PHẬT GIÁO

Nguyên Giác

Đạo Phật đang phát triển nhanh chóng tại Úc Châu, nơi các Hội đồng Phật giáo không kịp đào tạo các giáo viên thiện nguyện cho các trường công để đáp ứng làn sóng học sinh muốn tìm học về tôn giáo hòa bình này. Nhiều trường công lập Úc châu có tiết học dài 30 phút về tôn giáo, trên nguyên tắc không phải là truyền giáo nhưng là giúp tìm hiểu về tín ngưỡng của nhân loại, và học sinh có quyền lựa chọn để học một hay nhiều tôn giáo, hoặc chỉ học thuần túy về đạo đức học. Do vậy, giáo viên về Phật giáo tại nhiều trường công ở Úc châu không phải là giảng sư của các giáo hội.

Sau đây là bản Việt dịch, dựa vào bài viết của phóng viên Samantha Turnbull trong bản tin Anh văn "Buddhism scripture teachers struggling to keep up with demand from state schools" (Không tìm đủ các giáo viên Phật giáo để đáp ứng nhu cầu của các trường công lập) trên thông tấn nhà nước Úc Châu ABC North Coast ngày 14/12/2016.

oOo

Các trường công lập tại bang New South Wales không đáp ứng đủ nhu cầu tìm các giáo viên Phật giáo.

Brian White, Chủ tịch Buddhist Council of New South Wales (Hội Đồng Phật Giáo ở New South Wales), nói rằng có hơn 3,000 học sinh trường công trong tiểu bang này đang học về Đạo Phật, và con số này đang tăng nhanh chóng.

Ông White nói, "Làn sóng tìm học Phật giáo được thúc đẩy bởi một số tình hình – trong xã hội ngày càng nhiều người biết về thiền tập và biết về lợi ích thiền tập, và đã nhận ra rằng ngay cả các em mới 6 tuổi và 7 tuổi cũng có thể tập thiền trong vài phút đồng hồ, và hưởng được lợi ích từ đó."

"Nhưng tự thân Phật giáo cũng có một hình ảnh khá tốt đẹp trong xã hội vì là một nếp sống hòa bình và thực dụng."

Ông White nói rằng hội đồng BCNSW, nơi đào tạo các giáo viên dạy về kinh điển Phật giáo, đã có 70 giáo viên đang tình nguyện trong các trường công ở New South Wales, nhưng đang cần thêm ít nhất 60 giáo viên nữa.

Ông nói, "Chúng tôi có một danh sách các trường khắp trong tiểu bang đang chờ có giáo viên, và chúng tôi đang được nhiều trường khác liên tục thông báo rằng họ cần các giáo viên Phật giáo cho các lớp của họ."

Một trong các trường đang có nhu cầu cao cho các lớp dạy về Phật giáo là trường Byron Bay Public ở phía bắc New South Wales.

Hơn 150 học sinh ghi danh học về Phật giáo ở trường này, như thế là hơn ¼ tổng số học sinh.

Emily Coleling, người điều hợp chương trình, đã đăng lời kêu gọi trong các thư gửi phụ huynh để tìm thêm các giáo viên thiện nguyện để đáp ứng nhu cầu học Phật.

Bà nói, "Tôi nghĩ rằng có lẽ chúng ta đang ở trong một khu vực có đầu óc cởi mở, vùng Northern Rivers, và Phật giáo là một tôn giáo lan rộng nhanh chóng."

"Tôi nghĩ rằng nhiều người bất như ý đang rời bỏ Thiên Chúa Giáo vì lý do nào đó, và Phật giáo như dường cung cấp những gì đó cho họ.

"Thực tế, nhiều trẻ em đã học luân chuyển về các tôn giáo khác nhau, do vậy Phật giáo là một trong các tôn giáo các em học, rồi các em có thể học về đạo Ba'hai hay về Thiên Chúa Giáo hay về đạo đức học, và rồi các em có thể tự lựa chọn – như thế đã cho thấy chính các phụ huynh trong khu vực này cũng có đầu óc cởi mở."

Anna Halafoff, giáo sư về xã hội học về tôn giáo tại đại học Deakin University, nói rằng những con số từ thống kê năm 2011 cho thấy Phật giáo là tôn giáo lớn thứ nhì tại Úc châu, chỉ sau Thiên Chúa Giáo.

Tiến sĩ Halafoff nói, "Có nhiều người đã xin quy y vào Phật giáo, hay là những người thực

Photo: *About 150 students at Byron Bay Public School study Buddhism. (ABC North Coast: Samantha Turnbull)*

tập điều mà một số học giả gọi là 'Đạo Phật kệ sách', tức là bạn có thể không nói rằng bạn là Phật tử nhưng bạn có thể ưa thích thiền tập, hay bạn có thể ưa thích đọc sách của Đức Đạt Lai Lạt Ma."

"Tôi nghĩ rằng Phật giáo được ưa thích nhiều tại Úc châu, và tôi nghĩ một phần là do hình ảnh của Đức Đạt Lai Lạt Ma được nhìn tích cực tại Úc châu."

Tiến sĩ Halafoff cũng nói rằng nỗi thất vọng với tôn giáo dòng chính Tây Phương đã làm nhiều người ưa thích Phật giáo.

Bà nói, "Chúng ta biết rằng tôn giáo dòng chính đang bị chỉ trích bởi các cá nhân và cả các tổ chức – chúng ta đã có những chuyện xảy ra như Royal Commission [ám chỉ cuộc điều tra của ủy ban này về lạm dụng trẻ em]."

"Chúng ta biết rằng người ta bây giờ được thu hút tới theo cách riêng của họ về tôn giáo, người ta ưa thích lựa ra và chọn lấy và kết hợp những yếu tố khác nhau.

"Có nhiều yếu tố giải thích về lý do tại sao người ta có thể rời Thiên Chúa Giáo dòng chính, và cũng có thể được thu hút tới các tôn giáo khác, nhưng cũng có thể sẽ không theo tôn giáo nào cả."

Quy định về giảng dạy tôn giáo trong các trường công khác nhau tùy các tiểu bang ở Úc châu, như trường hợp Victoria đã gỡ bỏ tiết học về tôn giáo ra khỏi học trình đầu năm nay.

Tuy nhiên, Cecilia Mitra, Chủ tịch Federation of Australian Buddhist Councils (Liên đoàn Các Hội đồng Phật giáo Úc châu), nói rằng nhu cầu giáo viên tại New South Wales có thể sẽ thấy tương tự khắp Úc châu nếu Phật giáo được dạy ở tất cả các trường công.

Bà Mitra nói, "Có nhiều sự ưa thích tìm học về Phật giáo, tuy nhiên môn học Special Religious Education, chỉ có 30 phút mỗi tuần và còn tùy quyết định của Hiệu trưởng, như tại Tây Úc chẳng hạn, không có bao nhiêu tiết học Phật giáo trong các trường."

"Các hiệu trưởng không liên lạc tới các trung tâm Phật giáo, và đối với tôi, học các tôn giáo khác nhau sẽ rất là quan trọng trong các trường học."

Tiến sĩ Halafoff nói rằng nhu cầu học Phật giáo có thể thực sự dẫn tới lý luận nghịch lại việc giữ các tiết học tôn giáo trong trường.

Bà nói, "Trong một hệ thống lý tưởng, với chương trình học về các tôn giáo, bạn có thể muốn cung cấp 8 hay 9 lựa chọn cho tất cả các trường ở Úc châu để người ta thực sự có thể lựa chọn. Nhưng lại không thể làm như thế ở mọi nơi. Vấn đề chính là, và chúng ta đang thấy nơi đây rằng, đối với các tổ chức tôn giáo thiểu số, họ không đủ lực đào tạo nhân sự cho nhiều chương trình này."

"Thế là bạn gặp một lý luận vòng tròn, dẫn tới điểm ban đầu là, có thể sẽ tốt hơn cho tất cả học sinh Úc châu có một cơ hội để học về tất cả các tín ngưỡng đa dạng và các quan điểm không-tôn-giáo.

"Trong một ý nghĩa, nơi đó phải là việc giáo dục các em về các tín ngưỡng, chớ không phải là dẫn dắt truyền giáo – và ý nghĩa này thực sự gắn vào học trình các trường và được dạy bởi các giáo viên có năng lực."

Bản tin gốc ở đây:
http://www.abc.net.au/news/2016-12-15/buddhism-scripture-teachers-struggling-to-keep-up-with-demand/8122980

LẬP XUÂN

Lạp hướng đồ trung tận
Xuân tùng dạ bán lai
Ngâm ông tiên đắc cú
Di khách độc hàm bôi
Phong vũ sanh cơ chuyển
Giang sơn tích mộng hồi
Liễu mai tùy xứ hữu
Chánh hậu tế quang khai.

Cao Chu Thần

thơ

XUÂN ĐẾN

Giữa đường tháng chạp hết
Xuân lại nửa đêm rày...
Ngâm ông gieo vận khéo
Lỡ khách mỗi mình say
Cơ trời mưa gió chuyển
Mộng cũ núi sông bày
Liễu mai...đầy sẵn có
Đầu năm khoe nắng lay

TRẦN BÁCH LINH
cảm dịch

THÔNG BÁO

GIẢI THƯỞNG VĂN HỌC **ANANDA VIỆT AWARDS** VIẾT VỀ ĐẠO PHẬT

Hội Phật Học Đuốc Tuệ, Thư Viện Hoa Sen, và Ananda Việt Foundation đồng tổ chức cuộc thi viết về đạo Phật

1. Mục đích

Mục đích của giải thưởng là khuyến khích việc sáng tác cá nhân, xuất phát từ nguồn cảm xúc đối với các hiện tượng thiên nhiên và đời sống xã hội, được miêu tả, bằng nhận thức, lý giải và thái độ sống động qua những lời dạy của Đức Phật. Bài tham dự có thể trình bày dưới nhiều hình thức như tác phẩm nghệ thuật, truyện ký, truyện ngắn, tạp bút, thơ… Người viết hoàn toàn tự do chọn đề tài, miễn có liên quan đến tư tưởng Đạo Phật và nội dung có thể chuyển tải được giáo lý thâm sâu, vi diệu mà rất gần gũi, giản dị của đức Phật trong đời sống hàng ngày.

2. Đối tượng dự thi

Các bài viết chưa từng được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng. Các luận văn tốt nghiệp đại học và học viện chuyên môn không thuộc đối tượng của cuộc thi. Không giới hạn số lượng bài viết của một tác giả và không giới hạn tuổi cũng như thành phần tham dự.

3. Giải thưởng

Hội đồng giám khảo sẽ lựa chọn và quyết định trao giải cho tối đa 08 người có sáng tác xuất sắc nhất. Giải thưởng sẽ bao gồm bằng khen và tiền thưởng tượng trưng với giá trị khoảng 7.000 USD, được phân bổ thành 8 giải như sau: một giải nhất $3000, một giải nhì $2.000, một giải ba $1.000, và năm giải khuyến khích, mỗi giải $200.

4. Hội đồng Giám khảo

Hàng năm, Ban Tổ chức sẽ mời một số nhà văn và nhà phê bình văn học Phật giáo tham dự vào một *Hội đồng Tuyển chọn Chung kết* để chọn ra các tác phẩm trúng giải.

Hội đồng Tuyển chọn Chung kết cho năm 2017 - 2018 gồm quý học giả, nhà văn, thi sĩ: Cư sĩ Chân Hiền Tâm (Việt Nam), Hoang Phong (Pháp), Mật Nghiêm, Nguyên Giác, Nguyễn Minh Tiến (Việt Nam), Nguyễn Lương Vỵ, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Tâm Huy Huỳnh Kim Quang, Tâm Thường Định, và Vĩnh Hảo.

5. Hướng dẫn nộp bài

a. Bản thảo viết bằng tiếng Việt sử dụng loại chữ unicode, giới hạn từ 3.000 đến 10.000 từ, kèm sơ lược tiểu sử của tác giả và địa chỉ liên lạc, xin gởi file attachment về địa chỉ e-mail của Thư Viện Hoa Sen: info@thuvienhoasen.org. Dưới tên bài, tác giả cần đề rõ "Bài viết tham dự Ananda Viet Awards".

b. Thời hạn gửi bài từ nay cho đến hết ngày 30-10-2017. Bài gửi sau ngày 30-10-2017 sẽ được để dành cho năm kế tiếp và lễ trao giải thưởng đầu tiên sẽ được tổ chức vào dịp cuối năm 2017 hay đầu năm 2018 tại Orange County, Nam California, Mỹ. Các tác giả trúng giải ở xa sẽ được gửi đến tận nhà.

c. Mỗi cá nhân sẽ được tham gia với một hay nhiều sáng tác. Những sáng tác với nhiều tác giả sẽ được xem như là bài viết của một cá nhân đứng tên, với sự đồng ý của tất cả các đồng tác giả.

d. Chúng tôi không nhận những bài tham dự đánh máy hay bản viết tay gửi qua đường bưu chính. Vui lòng gởi bản vi tính .DOC qua file attachment về địa chỉ e-mail của Thư Viện Hoa Sen: info@thuvienhoasen.org

e. Những bài phù hợp được tuyển chọn bởi *Ủy ban Sơ tuyển* sẽ được phổ biến trên website *Thư Viện Hoa Sen* và *Ananda Viet Foundation*. Bài được chọn để phổ biến sẽ tự động nằm trong danh sách chuyển lên *Hội đồng Tuyển chọn Chung kết* để Hội đồng chọn ra các tác phẩm trúng giải.

f. *Hội đồng Tuyển chọn Chung kết* có toàn quyền chọn hoặc không chọn theo các tiêu chuẩn mà hội đồng đề ra và dành mọi quyền biên tập, sửa chữa, phổ biến các bài tham dự trên báo chí, phát thanh, phim ảnh, hoặc in thành sách.

Chúng tôi hoan hỷ đón nhận mọi bảo trợ từ tinh thần đến vật chất. Hiện nay, đã có 8 tổ chức bảo trợ Giải thưởng Ananda Viet Awards là Hội Phật Học Đuốc Tuệ, Thư Viện Hoa Sen, Trang nhà Quảng Đức, Tu viện Huyền Không Sơn Thượng, Rộng Mở Tâm Hồn, Liên Phật Hội, Việt Nalanda, và Nguyệt san Chánh Pháp. Danh sách nầy sẽ được mở rộng khi chúng tôi nhận thêm được sự bảo trợ của các tổ chức hay cá nhân khác.

Về bảo trợ tài chánh, chúng tôi không nhận tiền mặt, chỉ nhận chi phiếu cá nhân hay tổ chức. Chi phiếu xin đề *"Ananda Viet Foundation,"* hay chuyển ngân khoản qua Pay Pal. Toàn bộ số tiền nhận được từ các nhà bảo trợ sẽ được chuyển vào quỹ giải thưởng.

Với tư cách pháp nhân là một Hội đoàn bất vụ lợi theo quy chế 501(c)(3) của Tiểu bang California, chúng tôi sẽ cung cấp Mã số Thuế (Tax Exemp ID) để quý vị có thể sử dụng khi khai thuế. Mọi thông tin liên lạc bảo trợ xin gửi thư về:

Ananda Viet Foundation
14902 Moran Street, Suite B
Westminster, CA 92683
Tel. 714-988-5388
Email: info@thuvienhoasen.org

Ban tổ chức giải thưởng dành mọi quyền ngưng chương trình mà không cần báo trước. Trong trường hợp nầy, hiện kim của các nhà bảo trợ sẽ được hoàn trả lại. Mọi thắc mắc, xin email hay liên lạc về địa chỉ trên.

Ban Tổ Chức Giải Thưởng kính mời.

- Hội Phật Học Đuốc Tuệ
- Thư Viện Hoa Sen
- Ananda Viet Foundation

TRỞ VỀ MỤC LỤC

ƯỚC VỌNG & TÂM XUÂN

Tuệ Như

Với đà vận tốc phát triển mọi mặt của xã hội hôm nay, con người luôn lao vào bao ước muốn, tìm cầu những nhu cầu phục vụ để thỏa mãn bao ước vọng v.v... Thế nhưng, những khát vọng phù phiếm ấy, nó luôn vỗ lên từng điệp khúc quay cuồng không lối ra, không điểm dừng lại ấy... tuồng như bị cuốn rối theo dòng thời gian bất tận muôn trùng, hay đã bị đốt cháy dần theo bao nỗi tàn phai của những thất vọng, chán chường, buồn vui, hờn giận, để rồi quên lãng sau những ngậm ngùi của cuộc bể dâu.

Từ bến bờ nhân ảnh ấy, không phải đột nhiên mà con người dễ nhận ra từng khúc đoạn đường trần, nên có một thi nhân đã buông lời than thở:

"Rồi một ngày kia hương sắc tàn
Tuổi đời chôn lấp bụi thời gian
Tới lui mấy độ quan san ấy...
Thầm gởi cho đời một tiếng than!"

Bao hạnh phúc, bình yên, những sắc màu, ý tưởng mùa Xuân của đất trời nay đã qua đi trong từng chập quãng đời của chúng ta, có những điều vừa lòng thích ý ngay trong hiện tại, thế nhưng lại có những ước vọng xa xôi... đeo đẳng bao hoài niệm, rồi đợi đến bao giờ! Vẫn không ít con người đã phải bao phen nhọc nhằn ước mơ, tìm kiếm để lao vào hố thẳm bất an, bởi những lo toan, thù hận và sợ hãi, v.v... Cuối cùng đưa đến cạnh tranh, đấu tranh, làm nên bao tàn hại nhiệt não, cuồng nộ, khổ đau cho mình cho người và triền miên trong cuộc sống từ muôn trùng ngàn xưa những đến muôn trùng ngàn sau trong dòng tử sinh vô tận.

Cứ mong cầu, vái nguyện van xin đến Phật, Trời, Thánh, Thần, v.v... tuồng như bao nhiêu hướng vọng thiết tha thành khẩn hơn bao giờ hết. Thế rồi, nếu có chút phước mọn nào đó chăng, chỉ để thoả mãn chút vị ngọt dục cảm, dục tầm cầu bọt bèo của tâm hồn ích kỷ tư riêng, để rồi có còn lại được những gì sau cuộc truy hoan lạc thú bởi những ảo giác giả dối, thường tình thấp kém nơi cuộc sống phàm trần.

Sự ẩn hiện trong ánh mắt chở chuyên bao nỗi sầu đau, những u uất trầm tư trên nét mặt tuôn gầy cơn gió bấc, thể như có bao vết xước trầy trụa từ trái tim, những hoang mang mơ hồ, những hốt hoảng tìm cầu vô vọng đâu đâu. Bởi đường đời có muôn ngả, song cũng có muôn nỗi lòng buồn vui, hạnh phúc và khổ đau, được thua, còn mất, nhục vinh, v.v... Và cũng chính vì thế, nên có một thi nhân lại phải bật lên tiếng thở than trong đêm giao thừa:

"Lòng tôi đã bạc theo màu áo
Phong pháo giao thừa cũng tả tơi
Chén rượu mừng xuân tôi chẳng uống
Chỉ uống đêm nay những ngậm ngùi!"

Trong khi phước nghiệp để đưa đến sự an lành quá mỏng manh, hay không hề có được, thì trái lại gây tạo những ác nghiệp không ít điều tội lỗi, sai lầm từ nơi lời nói, việc làm, và những ý niệm bất thiện luôn chất chồng, mỗi lúc càng thêm nhiều cho gánh nặng đọa đày, để rồi kéo lê kiếp người giữa cõi tử sinh vô thường tạm bợ nầy.

Phải đâu chỉ có lời cầu nguyện suôn đuột, hay một khi ngang qua sự nắn nót mấp máy ở bờ môi để cho chúng ta được những gì...? Thế nhưng, những điều ước vọng ấy, nó phải được thể hiện qua hành động đích thực của chính mỗi bản thân con người và do con người. Ở đây, Đức Phật luôn giúp cho chúng ta có được sự nhận thức ấy qua giáo pháp mà Ngài đã chứng ngộ. Một khi người đệ tử muốn có được 5 pháp khả lạc, khả ý, khả hỷ khó tìm được ở đời, như: **Tuổi thọ, Dung sắc, Tiếng đồn tốt đẹp, Sự An lạc,** và **Thọ sanh cõi Trời...** Với 5 điều trên đây, Đức Phật tuyên bố:

"Không phải do nhân cầu xin, không phải do nhân ước vọng mà có được. Nếu do nhân cầu xin, do nhân ước vọng mà có được, thời ai ở đời nầy lại héo mòn vì một lẽ gì?" Đến đây, Đức Phật chỉ thẳng vào trọng tâm của lời dạy trên như sau: "... *Vị Thánh đệ tử muốn có Thọ mạng, cần phải được thực hành con đường dẫn đến Thọ mạng, sự thực hành ấy, đưa vị ấy nhận lãnh Thọ mạng... Dung sắc... Tiếng đồn tốt đẹp, Sự An lạc, Thọ sanh cõi Trời cũng như*

TRỞ VỀ MỤC LỤC

vậy." (Kinh Tăng Chi II, *43, 379)*

Từ ý nghĩa thiết thực qua lời dạy trên của bậc Đạo sư, chúng ta sẽ phải thấy những gì, nghĩ gì và làm những gì nơi chính mỗi chúng ta ngay trong cuộc sống hiện tại? Bao nhiêu điều ấy, tưởng chừng như chúng ta không đối diện, hay đang ẩn khuất nơi đâu. Nhưng không, chúng ta đang có mặt trong thế gian, đang thọ dụng và duy trì cuộc sống nơi thế gian cho đến tận bây giờ. Có điều khi phàm tâm vẫn còn dong ruổi, thì biết bao giờ với lấy, nắm bắt, an trú được hạnh phúc thật sự?

Đến đây, bậc Đạo sư khai phóng cho chúng ta một sinh lộ cuộc đời, mà ngàn đời không dễ gì có được. Trong khi đó, lại có rất nhiều con đường dẫn vào đời, nhưng không ít bao nỗi gập ghềnh, không ít sự hiểm nguy, bất an... Bởi do con người vô tình hay cố ý đã tạo ra nhiều khổ pháp, để phải nhiều sầu ưu, và nhiều não hại.

Có một sinh lộ XUÂN quang ấy, nơi đó chính là mỗi ngày chúng ta có một buổi sáng thật tốt đẹp, có một buổi trưa thật tốt đẹp, và có một buổi chiều thật tốt đẹp, điều nầy được Đức Phật giới thiệu một ý nghĩa thâm thuý như sau:

"Các loài hữu tình nào, nầy các tỷ kheo, vào buổi sáng, Thân làm việc Thiện, Nói lời nói Thiện, Ý nghĩ đến điều Thiện. Các loài hữu tình ấy, nầy các tỷ kheo, có một buổi sáng, trưa, chiều thật tốt đẹp..." (Kinh Tăng Chi I, 150, 540)

Đối với buổi sáng, buổi trưa, và đối với buổi chiều, hay đối với mọi thời khắc trong mỗi ngày cũng đều là như thế... Thời như vậy, chúng ta có cần tìm cầu sự bình an, hạnh phúc ở nơi đâu?

Một khi chúng ta đến các Pháp tháp, Tôn tượng Phật, Bồ tát, các bậc chấp trì Thánh giới, thành tựu Thánh đức, các Tôn miếu, những nơi lễ lạy, cầu nguyện chiêm bái v.v... là để nhắc nhớ tâm mình luôn hướng đến và thực hành những lời dạy của Phật, biết lắng nghe và tu tập pháp các bậc Thánh để trở nên lành tốt, hiền thiện, tăng trưởng thêm nhiều công đức phước lạc, an tịnh, thì mùa Xuân có đến đi bao giờ? Và bao giờ chúng ta có trải lòng chân thật, an hoà đến mọi người trong cuộc sống, đến muôn hoa cỏ, thì chính nơi ấy Xuân đã về, Xuân đã đến.

Mặc dầu trong khoảnh khắc thời gian gần đến nầy, đối với cộng đồng người Việt chúng ta đang ở trong nước, hay lưu lạc khắp trời châu lục xa xôi, đang chuẩn bị lễ đón Giao Thừa "Tống Cựu Nghinh Tân" một lễ hội cổ truyền Tết Nguyên Đán của dân tộc, một thời khắc thiêng liêng, một tập tục lành mạnh của người Việt trước đây, với bao ước vọng cầu xin, với mong muốn có được những Điềm Lành trong năm mới.

Thì đây, cũng chính là cơ hội đến với những ai có lòng kính tin, biết hướng thiện, và hướng thượng qua lời kệ pháp mà Đức Phật đã nói về Điềm Lành:

"Vắng sao lành, điều lành
Rạng đong lành, dậy lành
Sát na lành, thời lành
Cúng dường bậc phạm hạnh..."
(Kinh Tăng Chi I, 150, 540)

Và cuối cùng, chúng ta cùng có một dòng cảm nhận tuyệt vời từ lời dạy của Đức Phật từ ngàn xưa và miên viễn đến ngàn sau, để mang lại nguồn an vui, phước lạc cho chúng sanh, chư thiên và loài người qua một bài kệ pháp khuyến tấn như sau:

"Bố thí, hành đúng pháp
... Làm nghiệp không lỗi lầm
...Chấm dứt từ bỏ ác
Là Điềm Lành tối thượng"
(Kinh Tiểu Bộ I)

Thiết nghĩ, chừng ấy điều, chừng ấy ý niệm, để chúng ta luôn có mãi một mùa Xuân hạnh phúc, an tịnh ngay trong cuộc sống bể dâu nầy.

CHÙA KỲ VIÊN, South Dakota, cuối đông 2016
TUỆ NHƯ

KHÔNG ĐỀ

Người về bên xóm vắng
Khất chút tình viễn phương
Bát cơm chan lệ mặn
Ơn ba cõi cúng dường.

thơ MẶC KHÔNG TỬ

17 LỜI KHUYÊN CỦA THIỀN SƯ SỐ MỘT NHẬT BẢN

Diệu Liên Lý Thu Linh

Kodo Sawaki (1880-1965) hay "Kodo-Kẻ không nhà", là một trong những vị thiền sư phái Tào Động (Nhật Bản) có ảnh hưởng nhất của thế kỷ XX. Là trẻ mồ côi, 16 tuổi xuất gia, sau bị gọi nhập ngũ, chiến tranh kết thúc Sawaki quay về tiếp tục tu học thiền. Kodo Sawaki lập hạnh không trụ mà đi khắp nơi để dạy thiền.

Thiền sư Sawaki luôn nhấn mạnh đến tầm quan trọng của việc hành thiền hơn là học kinh sách hay tham công án. Một số lời khuyên dạy của Kodo Sawaki được môn sinh tập hợp thành "Gửi bạn," xin chia sẻ đến bạn đọc suy ngẫm.

1. Gửi người bắt đầu biết suy ngẫm về cuộc đời

Ở một số nơi tại Mãn Châu, các cỗ xe thường do các chú chó to lớn kéo. Bác xà ích treo một miếng thịt trước mũi chó, và chú chó chạy như điên theo miếng thịt. Nhưng dĩ nhiên là chú không bao giờ với tới. Chú chỉ được vứt cho miếng thịt khi cỗ xe đã về tới đích. Rồi chỉ trong một cái ngốn, chú nuốt chửng miếng thịt xuống cổ họng.

Người đi làm với đồng lương cũng y hệt như thế. Từ đầu tháng cho đến cuối tháng, họ cũng chạy theo đồng lương treo trước mũi. Một khi đã lãnh lương, họ cũng ngốn nó, và lại sẵn sàng chạy tiếp theo kỳ lương tới. Không ai có thể thấy xa hơn đầu mũi của mình.

Câu hỏi là: Tại sao bạn phải khốn khổ như thế?

Nếu không cẩn thận, bạn sẽ phí hết cuộc đời mình không làm gì ngoài việc chờ đợi những hy vọng tầm thường nhất của mình có thể thành tựu.

2. Gửi người không thể nào dừng lo lắng người khác nghĩ về mình như thế nào

Bạn không thể nào đổi bất cứ thứ gì với người khác. Mỗi và mọi người phải sống cuộc đời riêng của mình.

Đừng phí thời gian suy xét xem ai là người tài giỏi nhất.

Mắt không nói, "Chúng tôi thấp hơn, nhưng thấy nhiều hơn." Chân mày không trả lời, "Đúng, chúng tôi không thấy gì, nhưng chúng tôi ở cao hơn."

Mũi không thể thay mắt, và miệng không thể thay cho tai.

Mọi thứ đều có nhiệm vụ riêng của mình, mà không gì trong vũ trụ có thể thay thế.

3. Gửi người đã hoàn toàn mệt mỏi trong việc đấu tranh với người phối ngẫu

Vấn đề không phải ai là người đúng. Đơn giản là các bạn nhìn sự việc theo quan niệm khác nhau. Khi bạn bắt đầu nói "Tôi", mọi thứ theo sau đều là ảo tưởng.

Hãy thôi cố gắng làm một người đặc biệt - hãy cứ là chính mình. Hãy kiềm chế. Ngồi xuống!

4. Gửi người nghĩ làm giống người khác là có lợi

Bạn luôn bám theo người khác. Nếu họ ăn khoai chiên, bạn cũng đòi ăn khoai chiên. Nếu ai đó ăn kẹo, bạn cũng muốn ngậm kẹo. Nếu ai đó thổi còi, bạn cũng kêu đòi: "Mẹ ơi, mua cho con cái còi." Và điều đó không chỉ xảy ra đối với con trẻ.

Khi mùa xuân tới, bạn quay cuồng theo mùa xuân. Khi thu đến, bạn chạy theo mùa thu. Ai cũng chờ đợi thứ gì đó để chạy đuổi theo. Có người còn kiếm sống được nhờ sự chạy đuổi theo đó - họ làm nghề quảng cáo.

Với từng cá nhân, chúng ta còn chịu đựng nổi, nhưng khi họ lập thành nhóm, họ bắt đầu trở nên quái dị. Họ bị rơi vào sự ngu ngốc của nhóm, của bầy đàn.

Khi sống trong sự ngu ngốc của nhóm, chúng ta lẫn lộn giữa sự cuồng điên và kinh nghiệm thực sự. Nên điều quan trọng là bạn phải rõ ràng về bản thân, và thức tỉnh khỏi cơn điên đó. Thiền có nghĩa là rời bỏ bầy đàn và tự đi trên đôi chân của mình.

5. Gửi người mà suốt đời chỉ biết có tiền và tiền

Hạnh phúc và bất hạnh của con người không chỉ tùy thuộc vào tiền. Nếu con số trong tài khoản tín dụng của bạn là thước đo lường hạnh phúc, thì sự việc sẽ đơn giản xiết bao. Tuy nhiên thực sự nó không phải như thế.

Đừng quá tiêu cực khi bạn bắt đầu nói là bạn cần tiền để sống. Trong thế giới này, bạn có thể hoàn toàn sống tốt mà không cần đến sổ tiết kiệm.

Một số người nghĩ rằng họ quan trọng bởi vì họ có tiền. Người khác thì cho mình quan trọng vì đã đạt được giác ngộ (satori). Nhưng cho dầu bạn thổi phồng tấm da thịt này bao nhiêu, bạn cũng không thể biến mình thành gì cả - ngoài việc trở thành ma.

Những gì không thuộc về bạn chiếm đầy vũ trụ. Khi nào những suy tưởng của cá nhân bạn chấm dứt, thì Phật pháp có mặt.

6. Gửi người thích có nhiều tiền, tình yêu, chức vị và danh vọng

Si mê có nghĩa là chỉ biết chăm lo cho bản thân mình. Còn kẻ trí nói, "Dầu có gì xảy ra, tôi vẫn là tôi."

Một lần tôi viếng thăm một mỏ than. Có lúc khi đang đi xuống, tôi có cảm giác như thình lình chúng tôi lại trở lên cao. Cũng giống như thế, khi suy nghiệm về cuộc đời mình, hình như chúng ta luôn sai lầm khi lầm tưởng rằng những con số luôn thay đổi là tổng số.

Thua là định. Thắng là ảo tưởng.

Không thèm muốn bất cứ thứ gì là món quà lớn nhất mà bạn có thể ban tặng cho vũ trụ.

7. Gửi người muốn thấy kẻ thù bị điêu đứng

Chúng ta thường nghĩ không biết ở đây ai thực sự là kẻ hay hơn. Nhưng chẳng phải là tất cả chúng ta đều tượng hình từ cùng nắm đất đó sao?

Mọi người cần ngồi chôn chặt xuống chỗ không có tốt hơn hay xấu hơn.

Suốt đời bạn đã là kẻ điên rồ khi nghĩ rằng thực sự có "tôi" và "người khác". Bạn làm đủ trò để nổi bật trong đám đông, nhưng trong thực tế thì không có "bạn" hay "người khác".

Phật pháp có nghĩa là liền một mảnh. Vậy thì đường biên nào chạy giữa bạn và tôi? Dần dần tất cả chúng ta đều hành xử như thể có đường biên chia tách bạn và thù. Chúng ta đã quen quá với cách suy nghĩ đó, ta tin rằng đường biên đó thực sự hiện hữu.

Nghèo hay giàu, quan trọng hay không quan trọng - không có gì hiện hữu. Chúng chỉ là ánh sáng lấp lánh trên các làn sóng.

8. Gửi người đang đau khổ vì bị lường gạt

Tất cả chúng sanh đều lầm lạc: xem là hạnh phúc cái đưa đến bất hạnh, và than khóc vì một bất hạnh hoàn toàn không phải là bất hạnh. Tất cả chúng ta đều biết là một đứa trẻ đang khóc có thể biến nước mắt thành tiếng cười khi bạn cho nó cái bánh. Cái mà những kẻ phàm phu như chúng ta gọi là hạnh phúc cũng không hơn thế bao nhiêu. Đôi lúc bạn cần tát vào mặt mình để tự hỏi một cách nghiêm túc: Những điều bạn được hay mất có thực sự đáng được bạn reo hò hay than khóc như thế không?

Sớm muộn gì mọi người cũng bắt đầu chỉ nghĩ cho riêng mình. Bạn nói, "Tốt quá!"

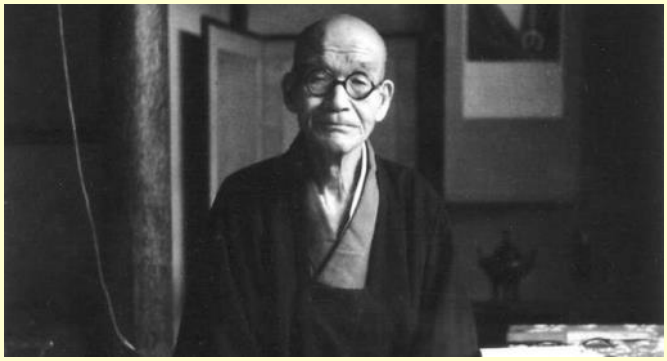

Nhưng cái gì tốt? Nó chỉ tốt cho bản thân bạn, thế thôi.

Người có nhiều ham muốn rất dễ bị lường gạt. Ngay cả những kẻ lừa phỉnh đại tài nhất cũng không mong được gì từ người không có lòng tham muốn.

Phật giáo có nghĩa là vô ngã, không có gì để đạt được.

9. Gửi người lận đận trên đường công danh

Khi đã chết và bạn nhìn lại cuộc đời mình, bạn sẽ thấy những thứ này không đáng chi.

May mắn hay rủi ro, tốt hay xấu - không phải tất cả đều như bạn nhìn thấy. Cũng không phải giống như bạn nghĩ đâu. Bạn cần phải vượt lên trên may mắn hay bất hạnh, tốt hay xấu.

Đau khổ không là gì hơn là cái khổ ta tự tạo ra cho bản thân.

10. Gửi người luôn than thở rằng mình không có thời gian

Mọi người đều than phiền là họ quá bận rộn đến không có thời gian. Nhưng tại sao họ lại bận rộn đến thế? Chính là ảo vọng khiến họ bận rộn. Người hành thiền luôn có thời gian. Khi bạn hành thiền, bạn có nhiều thời gian hơn bất cứ ai ở trên thế gian này.

Nếu không cẩn thận, bạn đang làm ầm ĩ cái việc kiếm sống của mình. Bạn luôn bận rộn, nhưng tại sao? Chỉ là để kiếm miếng ăn. Đàn gà cũng tíu tít khi mổ thức ăn. Nhưng tại sao? Chỉ để bị người ta ăn thịt.

Người ta có thể tạo ra bao nhiêu ảo vọng trong một cuộc đời? Khó thể tính toán. Ngày này qua ngày khác, lúc nào cũng "Tôi muốn cái này, tôi muốn cái kia..." Chỉ dạo một vòng trong công viên cũng đã có bao vọng tưởng hiện ra trong đầu. Vậy đó là ý nghĩa của 'bận rộn," "Tôi muốn được bên em, tôi muốn về nhà, tôi muốn gặp em..."

Con người luôn thở không ra hơi vì chạy quá nhanh theo ảo vọng của họ.

11. Gửi người đang mong muốn có một cuộc sống hạnh phúc hơn

Hãy tịnh lắng và mọi thứ rồi sẽ tốt thôi. Ta chỉ cần một sự gián đoạn ngắn. Làm Phật có nghĩa là một sự gián đoạn ngắn từ làm chúng

sanh. Làm Phật không có nghĩa là phải đi từ chúng sanh lên.

"Loài nào đứng trên mặt đất mà không đi tới cũng chẳng đi lui?" Kyuho trả lời, "Là con cừu đá với con cọp đá: trước sau gì chúng cũng mệt mỏi khi phải kình chống nhau." Con cừu đá không nhúc nhích. Con cọp đá cũng không nhảy chồm lên vì đói. Điểm mấu chốt là đó - hãy đối mặt với sự việc vượt lên cả suy tư.

Chúng ta được gì khi thực sự nắm bắt sự vật như chúng đang là? Vượt trên sự suy tư. Vượt lên trên suy tư không cho phép nó tự suy tư. Dầu bạn có nghĩ thế hay không: sự vật cũng đơn giản như chúng là.

"Tất cả mọi pháp đều trống không" có nghĩa là không có gì để chúng ta can dự vào, vì không có gì thực sự xảy ra.

Chưa từng có gì xảy ra, bất chấp những gì như đang xảy ra - đó là trạng thái tự nhiên. Ảo tưởng là đánh mất trạng thái tự nhiên này. Thông thường chúng ta không nhận ra được trạng thái tự nhiên này. Chúng ta che giấu nó với một điều gì khác, nên nó không còn tự nhiên nữa.

Phật pháp có nghĩa là trạng thái tự nhiên này. Thực hành theo Phật có nghĩa là hoàn toàn sống trong giây phút hiện tại này - là cả cuộc sống của ta - ngay đây và bây giờ.

12. Gửi người muốn học Phật pháp để hoàn thiện bản thân

"Lý thuyết rỗng tuếch" là cách ta gọi những kẻ sính dùng thuật ngữ. Kiểu đó thì không ích lợi gì. Hãy đắm cả hồn và xác vào đó!

Bạn phải hoàn toàn chết để có thể quán tưởng về Phật pháp. Chỉ tự hành xác và chết nửa vời thì không đủ.

13. Gửi người cho rằng Phật giáo không có nghĩa lý gì đối với họ

Khi nói về Phật, bạn đang nghĩ đến một điều gì xa vời, không liên quan đến bạn, đó là lý do tại sao bạn chỉ chạy loanh quanh trong vòng tròn.

Chúng sanh và Phật đều có cùng hình tướng. Tỉnh giác và si mê cũng có cùng hình tướng. Khi ta thực hành theo Phật pháp, chúng ta là Phật. Hay đúng hơn, chính vì ta đã là Phật nên ta có thể thực hành theo Phật pháp.

Bạn nghĩ rằng Phật giáo thì hơi khác với mọi thứ. Nhưng không phải như thế chút nào: Phật giáo chính là mỗi và tất cả mọi thứ.

14. Gửi người không biết việc hành thiền của mình có ích lợi gì không

Thiền có ích gì? Hoàn toàn không! Nhưng cái "chẳng ích lợi gì" này phải thấm vào xương thịt bạn cho đến khi bạn thực sự thực hành cái "chẳng ích lợi gì." Chỉ đến khi đó, thì việc hành thiền của bạn mới thực sự chẳng ích lợi gì.

Bạn nói rằng bạn muốn trở thành người tốt hơn bằng cách hành thiền. Nhưng thiền không phải là về việc học làm thế nào để thành một con người. Thiền là dừng lại việc làm người.

Bạn nói, "Khi thiền, tôi bị ảo tưởng!" Điên rồ! Sự thật là chỉ khi hành thiền bạn mới ý thức đến các ảo tưởng của mình. Khi bạn quay cuồng với ảo tưởng của mình, bạn đâu hề để ý tới chúng. Lúc bạn hành thiền, một con muỗi chích, bạn cũng biết ngay. Nhưng khi bạn đang quay cuồng, thì con vắt có cắn, bạn cũng không hề hay.

Đừng càu nhàu. Đừng có trao tráo mắt nhìn khoảng không. Chỉ ngồi!

15. Gửi người với tâm bấn loạn đang cố hết sức để được tâm an

Tâm bạn không an vì bạn đang chạy đuổi theo lý tưởng của một tâm hoàn toàn thanh tịnh. Đó là đi thụt lùi. Hãy theo dõi tâm trong từng giây phút, dầu nó có loạn động đến thế nào. Ta chỉ có thể đạt được tâm an lạc rộng lớn khi thực hành với tâm loạn động này.

Khi sân cuối cùng được chấp nhận là tâm sân, thì tâm sẽ an lạc.

16. Gửi người cho rằng mình đạt được trạng thái tâm tốt đẹp hơn nhờ thiền định

Khi nào bạn còn cho rằng thiền là việc tốt, thì có điều gì đó không bình thường. Hoàn toàn không có gì đặc biệt về thiền không vết nhơ. Không cần phải hàm ân về điều đó. Đừng làm ô uế việc hành thiền của bạn bằng cách nói là bạn đã tiến bộ, cảm thấy tốt hơn, hay trở nên tự tin hơn trong việc hành thiền.

Chúng ta chỉ nói, "Mọi việc tốt đẹp!" khi chúng xảy ra theo ý ta.

Lý ra chúng ta phải để dòng nước của trạng thái ban đầu của ta như nó là. Nhưng thay vào đó, ta cứ liên tục vọc tay vào đó để xem nước lạnh hay ấm. Đó là lý do nó bị vẩn đục.

Thiền không phải là máy đo khi nhiệt độ từ từ tăng lên: "Thêm chút nữa..., đúng rồi! Giờ tôi đã đạt được giác ngộ!" Thiền không bao giờ trở thành một điều gì đó đặc biệt, dầu bạn có thực hành nó trong bao lâu. Nếu nó trở thành đặc biệt, chắc chắn là bạn đã lơi lỏng chỗ nào rồi.

17. Gửi người kỳ vọng một cách sống tuyệt đối

Phật pháp là gì? Đó là để mọi khía cạnh trong đời sống hàng ngày của bạn đều nương tựa theo Phật.

Cốt lõi của tất cả mọi hành động là đi đến chỗ tận cùng. Nếu tâm bạn vắng mặt dù chỉ một giây, bạn không khác gì cái xác chết. Thực hành là luôn tự hỏi mình "Ngay bây giờ tôi có thể làm gì theo như Phật?"

Đạt được đích chỉ một lần thôi chưa đủ. Điểm tối đa của năm ngoái chẳng ích lợi gì. Bạn cần phải đạt được đích ngay bây giờ.

Nguyên tác: **Thiền sư Kodo Sawaki**
Diệu Liên Lý Thu Linh *chuyển ngữ*

XUÂN - THÂN PHẬN

Xuân này nữa đã là bao xuân nhỉ
Với trời đông tuyết trắng phủ ngàn xa
Người tha hương thấm lạnh nỗi xa nhà
Mây bàng bạc lững lờ trôi viễn xứ
Đường phiêu bạt cuối cuộc đời lữ thứ
Gió muôn phương chưa lặng bước sông hồ
Thân bọt bèo bão tố mãi cuốn xô
Trôi dạt đâu những bến bờ vô định
Ngày tháng rớt đưa bàn tay nhẩm tính
Bóng xế rồi còn lại mấy ngày xanh
Bao lo toan bao mộng ước tan tành
Bầu nhiệt huyết sợ biến thành mây khói
Nợ nước thù nhà quá tầm tay với
Xót một đời lận đận kiếp phù sinh
Quê hương lầm than trăn trở bên mình
Lòng uất hận mình tài sơ trí thiển
Xây mộng lớn mong dời non lấp biển
Sao chí còn quanh quẩn với thê nhi
Tấm nhiệt tình hăm hở lúc ra đi
Lòng thẩm nhủ dựng lại gì đổ nát
[Quốc gia hưng vong thất phu hữu trách]
Tự thấy mình có tội với tiền nhân
Non sông thịnh suy thay đổi bao lần
Ai đã tỏ hết tình yêu đất nước
Vì cơm áo đành lòng xa Tổ Quốc
Tủi thân già và thẹn với đời sau
Ngày xuân về nhớ nước quặn lòng đau
Thân tàn tạ cuối đời vô nghĩa sống
Mơ cứu quê hương đành tan theo mộng
Quê hương ơi; xin tạ lỗi với người.

THÌ THẦM VỚI CÕI VÔ THƯỜNG

Thì thầm với lá vàng rơi
Lìa cành rồi biết cuộc đời về đâu
Trời bày chi chuyện bể dâu
Lá xanh mấy chốc vàng mau thu tàn

Thì thầm với mảnh trăng vàng
Một vầng sáng bạc hồng hoang bao đời
Tròn rồi lại khuyết chơi vơi
Hẹn thề in đậm trong đời chờ ai

Thì thầm với giọt sương mai
Long lanh dáng ngọc đời dài là bao
Đành thôi nào trách trời cao
Nhẹ đưa cơn gió đã vào xa xưa

Thì thầm với những hạt mưa
Hạt rơi xuống đất hạt vừa trên cây
Trôi theo sông suối nào đây
Tiếc chăng một thuở là mây bồng bềnh

Thì thầm với cõi mông mênh
Những vì sao lạc nương mình nơi nao
Nào đêm vắng vặc trên cao
Giờ thì cát bụi trở vào u minh

Thì thầm với trái tim mình
Chữ yêu mang nặng chữ tình vấn vương
Tình dân tình nước đoạn trường
Còn đâu dư lệ để thương thân mình

Chiến tranh bằm nát tuổi xanh
Tha hương hồn lạc đã đành muôn phương
Giật mình chợt thấy vô thường
Đời là ảo mộng miên trường cõi không.

XUÂN HOÀI VỌNG

Miền đông bắc xuân về theo gió lạnh
Áng mây chùng ngưng đọng chẳng buồn bay
Dường thông cảm nỗi lòng người phiêu bạt
Chờ mong gì ngơ ngác giữa trời tây

Đêm trừ tịch nghe hồn mình trăn trở
Đón giao thừa đối ẩm một mình ta
Nhìn khói hương trên bàn thờ nhẹ tỏa
Ta ngậm ngùi nuối tiếc một thời qua

Xuân hồn nhiên trong những ngày thơ ấu
Xuân lớn khôn trên đất mẹ đạn cày
Và bao xuân trên quê hương lận đận
Ta và xuân vẫn nở một trời hoa

Từ chân bước xa lìa miền quê mẹ
Mỗi xuân về thêm đậm nỗi xót xa
Đời lữ thứ mơ một ngày trở lại
Xuân Quê Hương tình non nước chan hòa.

thơ HUỲNH SƠN

Y KHOA PHỔ THÔNG

TỰ KỶ AUTISM—SINH TỐ A

Bác Sĩ Nguyễn Ý-ĐỨC

Tự kỷ autism là bệnh gì?

Tự Kỷ (Autism) là một rối loạn thần kinh với các đặc điểm là kém khả năng diễn tả bằng lời nói, kém trí tưởng tượng, giới hạn và lập lại cách cư xử và chống đối lại các thay đổi nhỏ nhặt trong môi trường quen thuộc.

Bệnh thường kéo dài suốt đời và thường xuất hiện trong ba năm đầu của đời sống.

Trẻ em nam bị bệnh nhiều hơn nữ.

Triệu chứng

Bệnh nhân có một số rối loạn về:

a- Diễn đạt ý tưởng

Các em thường bị chậm trễ hoặc không có khả năng diễn đạt bằng lời nói. Khi muốn một điều gì, các em ra dấu tay thay cho ngôn từ và thường dùng các chữ không có ý nghĩa hoặc nhắc đi nhắc lại một câu nói.

Đa số các em có bộ mặt thông minh, có trí nhớ tốt. Một số em hay cười hoặc khóc mà không có lý do rõ rệt.

b- Quan hệ xã hội

Bệnh nhân thường thơ thẩn một mình, không muốn kết bạn, không hòa đồng, không nhìn mặt và ít cười nói với người khác.

Các em hay ngồi một chỗ, làm đi làm lại một công việc như gấp tờ giấy thành nhiều hình rồi lại mở ra, gấp lại.

Trong một số trường hợp, có em rất hiếu động, không những không hợp tác mà đôi khi còn chống đối, bướng bỉnh.

c- Rối loạn cảm giác

Bệnh nhân có những phản ứng bất thường về ngũ giác như nghe, nhìn, nếm, ngửi, sờ mó, không đáp ứng với gợi ý, hành động như người điếc, không sợ nguy hiểm.

Nhiều em ngửi thấy một mùi thức ăn là nghẹn họng, đau đớn khi nghe một âm thanh.

d- Hành vi:

Bệnh nhân có phản ứng thái quá hoặc tiêu cực: cho ăn thì ăn, không thì thôi, không đòi hỏi, đặt đâu ngồi đó.

Các em hay có thái độ giận dữ mà không có lý do hoặc ám ảnh với một vật dụng, ý nghĩ hoặc cá nhân.

Thường thường bệnh nhân không chấp nhận thay đổi trong thói quen hàng ngày, vật để đâu mà ai dời đi là bực mình.

Có khi các em ngồi hàng giờ xếp thành hàng một số đồ vật hoặc quyến luyến vuốt ve ôm một món đồ chơi, đắm mình trong một thế giới tưởng tượng.

Nhiều em không có ý niệm chung, thiếu tinh thần tự phát nhưng cũng có thể có hành vi thô bạo hung dữ.

Các em không có những hoang tưởng, ảo giác hoặc mất phối hợp suy tư như bệnh nhân tâm thần phân liệt.

Mỗi bệnh nhân có những đặc tính riêng biệt cũng như không biết sợ những hoàn cảnh hiểm nghèo.

Nguyên nhân chính đưa tới Tự Kỷ chưa được biết rõ.

Nhiều ý kiến cho rằng bệnh gây ra do một bất thường trong cấu trúc và chức năng của não bộ. Các rủi ro gây tổn thương não bộ có thể là gen di truyền, nhiễm độc môi trường, rối loạn chuyển hóa, nhiễm virus hoặc biến chứng trong thời gian mang thai, sanh đẻ.

Không có thuốc đặc trị cho tự kỷ trẻ thơ. Một số thuốc chống trầm cảm, kiểm soát quá năng động đã được dùng và cần được sự hướng dẫn của bác sĩ chuyên khoa.

Việc điều trị tập trung ở giáo dục đặc biệt để thay đổi hành vi, cách đối xử và sự học hiểu của bệnh nhân.

SINH TỐ A

Thiếu sinh tố A có thể gây ra những bệnh gì?

Vitamin A thuộc nhóm các sinh tố hòa tan trong chất béo với các nhiệm vụ như giúp nhìn rõ hơn vào ban đêm, giúp kiến tạo và bảo trì răng, da, xương, giúp sự sinh sản bình thường.

Thiếu sinh tố A sẽ đưa tới giảm thị lực, đục giác mạc, còi cọc cơ thể, xương chậm phát triển, da khô có vẩy, sỏi thận, giảm khả năng thụ thai, thai nhi kém tăng trưởng.

Vitamin A có nhiều trong dầu gan cá, gan, thận, sữa và các sản phẩm chế biến từ sữa như sữa chua, pho mát. Hiện nay, nhiều loại thức ăn điểm tâm như các loại ngũ cốc khô đều được tăng cường với sinh tố A, cho nên ít khi ta bị thiếu.

Ngược lại khi tiêu thụ quá nhiều sinh tố A có thể gây ra ăn mất ngon, nhức đầu, rụng tóc, mờ mắt, da khô, tính tình nóng nẩy.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức
www.bsnguyenyduc.com

Truyện ngắn trăm chữ

STEVEN N.

TÂM PHÂN BIỆT

Thầy xuống trai đường tình cờ nghe:

- Tôi tu Tịnh Độ, cầu sanh Cực lạc nên chỉ thờ duy nhất tượng Phật A Di Đà.

Người kia liền đáp:

- Tôi tu thiền, theo đúng đường lối chánh tông nên chỉ thờ mỗi đức Bổn Sư Thích ca.

Họ đưa ra nhiều lý lẽ tranh luận hầu mong cho mình là đúng. Thầy khẽ tằng hắng:

- Hư không bên Tây có khác gì hư không bên Đông chăng?

Hai vị bèn thưa:

- Bạch thầy, cũng là một thôi!

Bấy giờ thầy nghiêm nghị:

- Tranh tượng chỉ là biểu trưng. Hai vị hiểu lệch nên sanh tâm phân biệt!

NỢ PHẢI TRẢ

Trong tiệc cuối năm mọi người ăn uống, trò chuyện rôm rả, bỗng có người hỏi:

- Sao bây giờ càng sinh nhiều thứ bệnh quái dị, tai họa dồn dập?

Tiếng bàn cãi xôn xao, tựu trung cho rằng: ô nhiễm, lạm dụng hóa chất... Riêng chú Tư ngồi im, chờ lắng xuống rồi chú mới nói:

- Anh em thấy cái ngọn mà không thấy cái gốc! riêng ngày lễ này đã có mấy mươi triệu con gà Tây chết thảm... Thử hỏi chúng bằng lòng dâng máu thịt cho ta sao? Oán kết càng lâu thì càng thâm trọng. Cái quả hôm nay do cái nhân quá khứ, nhân hôm nay sẽ có quả ngày mai!

Mọi người im lặng, dường như có làn sóng vô hình lan tỏa.

NHÂN HỌA

Thuở trước mỗi năm lũ đổ về một lần, kể cũng nhiều tai họa nhưng không bất ngờ vả lại nó đem về phù sa và bao nhiêu nguồn lợi to lớn khác. Năm nào lũ không về dân lại trông đứng trông ngồi:

- Trời, năm nay lũ không về thì mùa màng thất bát hết.

Thế rồi đùng một cái bây giờ mỗi năm lũ năm bảy bận, mà toàn lũ bất ngờ quét sạch mùa màng, tài sản và sinh mạng người. Dân kêu trời như bộng! Ngọc Hoàng quở trách thần mưa:

- Sao khanh gây lũ quá nhiều làm hại dân vậy?

Thần mưa bẩm báo:

- Oan cho thần, người ta xây hồ bừa bãi, khi dân cần nước thì họ giữ lại, khi mưa về thì họ bất ngờ xả ra.

Ngọc Hoàng buồn bã:

- Xưa giờ thiên tai đã khổ, nay lại thêm nhân tai thì dân chịu sao thấu?

MỴ Ê

Chế chủ bội ước, bỏ triều cống lại còn cho quân quấy phá biên thùy. Vương cả giận, cất quân thảo phạt. Sau khi hạ thành bắt toàn gia Chế chủ đem về kinh. Vương chia tù binh làm gia nô, riêng Mỵ Ê ban cho vị quan có công to nhất. Mỵ Ê nói với thị tỳ:

- Quốc phá gia vong nỡ nào nhận giặc làm chồng?

Nói xong nhảy sông trầm mình. Vương hay cảm thương bèn sắc phong: "Trinh Liệt Phu Nhân" cho lập đền thờ cúng. Dân quanh vùng bảo nhau những đêm trăng họ thường nghe ma Hời khóc:

Chẳng cam nhận giặc làm chồng
Sắc hương đành gởi theo dòng nước trôi
Mưu đồ vương bá chưa thôi
Hận loang lở tháp đỉnh đồi phế phong.

CHƠI TRÊN SỰ SỐNG

Bọn giàu xổi kết hợp quan quyền bày ra những trò ăn chơi vô độ, học đòi nhà giàu bên Tây chơi golf để tỏ ra mình sang. Thế là hàng ngàn cánh rừng, mẫu ruộng, nương rẫy... bị lấy để làm sân golf. Dân kêu trời như bộng, có người liều mình, có kẻ hoại thân... nhưng xem ra chẳng ăn thua gì. Báo chí noi bóng gió thì quan dập liền:

- Ta có tiền thì ta chơi!

Dân càng thêm phẫn nộ nhưng không biết làm sao bèn viết khắp nơi:

- Chơi trên sự sống còn của dân là tội ác!

STEVEN N

CHÚC XUÂN

January 3, 2017

Nhạc: VÕ TÁ HÂN

Thơ: Thích HƯƠNG ĐÀM

Nhịp nhàng

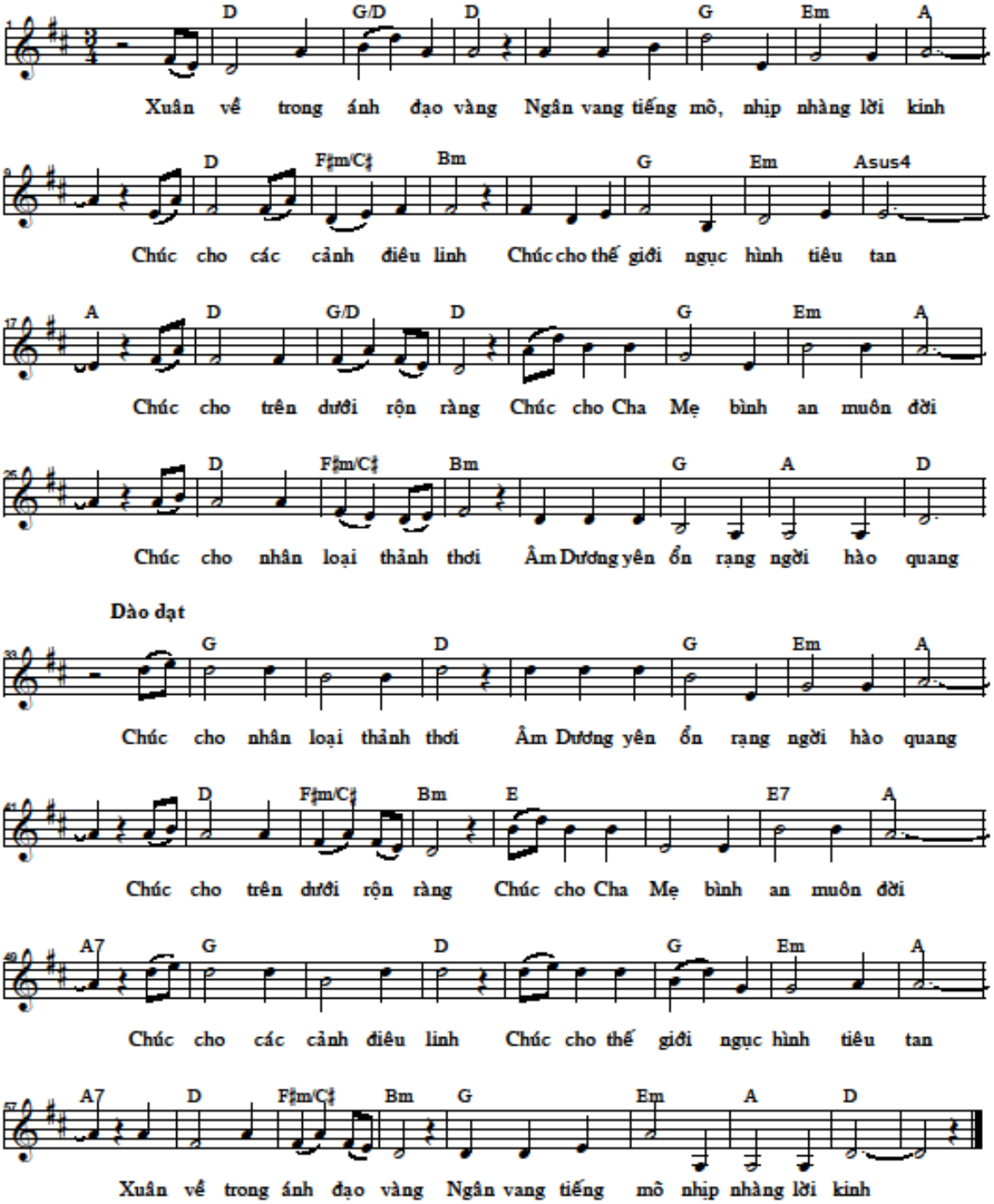

TRỞ VỀ MỤC LỤC

MỖI KỲ MỘT MÓN CHAY

GỎI CUỐN CHAY
(Vietnamese vegan salad roll)

Nguyên liệu:

- Bún
- Rau xà-lách (diếp)
- Các loại rau thơm (húng cây, ngò, quế, v.v...)
- Giá sống
- Đạm thực vật (hoặc đậu hủ chiên)
- Bánh tráng
- Xốt: bơ đậu phộng (hoặc đậu phộng giã nhuyễn), mật thùa (hoặc đường), tương ớt

Thực hiện:

- Mua bún tươi, hoặc luộc bún khô, sợi nhỏ, để ráo.
- Rau xà-lách rửa sạch, để ráo nước.
- Các loại rau thơm (rau sống) mà bạn thích, rửa sạch.
- Giá rửa sạch.
- Chất đạm thực vật hoặc đậu hủ chiên vàng, thái lát mỏng.
- Bánh tráng mỏng thấm nước. Để lên đĩa lớn. Cho rau xà-lách, rau sống, giá, bún, chất đạm thực vật vào.
- Cuốn thành gỏi cuốn. Sau đó cắt làm đôi, để khi dọn ra và cầm lên ăn nhìn thấy đẹp và thanh.
- Xốt tương nấu với vài muỗng nước và bơ đậu phộng (hoặc đậu phộng giã nhuyễn). Thêm vài giọt mật thùa, hoặc 1/4 muỗng đường vàng. Nêm cho vừa khẩu vị. Bắc khỏi bếp.
- Múc xốt tương vào chén nhỏ. Cho tí tương ớt đỏ, thêm màu sắc vui mắt.

Gỏi cuốn chay chấm với xốt tương đậu phộng, ăn rất nhẹ.

HY VỌNG
(VietnamAnChay.com)

Gỏi cuốn chay - Vietnamese vegan salad roll *(Photo: VietnamAnChay.com)*

Chú thích: Tbsp: tablespoon (muỗng canh), khoảng 15ml; Tsp: teaspoon (muỗng cà-phê), khoảng 5ml.

Chu Văn An — Thơ ngát hương Thiền

TÂM MINH NGÔ TẰNG GIAO

Ngay từ hồi còn trẻ cụ Chu Văn An (1292-1370) đã nổi tiếng là một người cương trực, giữ tiết tháo, không cầu danh lợi, chỉ ở nhà đọc sách. Sau khi thi đậu Thái học sinh (Tiến sĩ) cụ không ra làm quan, chỉ ở nhà mở trường dạy học. Học trò theo học rất đông. Trong số môn đệ cụ có nhiều người thành đạt, thi đỗ ra làm quan to trong triều.

Năm Khai Thái đời vua Trần Minh Tông (1314-1329) cụ mới nhận chức Quốc tử giám tư nghiệp, dạy cho thái tử học. Đến đời Trần Dụ Tông (1341-1369), vì nhà vua mải mê chơi bời, tình cảnh xã hội nhiễu nhương, chính sự thối nát, dân tình đói khổ, cụ đã dũng cảm dâng *"Thất trảm sớ"* xin chém bảy tên nịnh thần nhưng vua không nghe. Cụ bèn treo mũ, cởi áo từ quan lui về ở ẩn. Cụ tính ưa đọc sách nên dựng một ngôi nhà ở sườn đồi, cạnh bờ đầm tại núi Phượng Hoàng (Chí Linh), vừa làm thư viện, vừa làm trường và là nơi soạn sách. Cụ lấy hiệu là Tiều Ẩn (có nghĩa là người đi hái củi ẩn dật). Cụ dạy học và viết sách cho tới khi qua đời tại đây. Khi cụ mất, vua Trần đã dành cho cụ một vinh dự lớn bậc nhất đối với một trí thức là được thờ ở Văn Miếu. Sự nghiệp của cụ được ghi lại trong văn bia ở Văn Miếu - Quốc Tử Giám. Cụ được tôn kính là người Thầy vĩ đại, được coi là "Vạn thế sư biểu". Các tác phẩm của cụ phần lớn đã bị giặc Minh thâu góp và tiêu hủy. Hiện chỉ còn lưu truyền lại mười hai bài thơ.

Cụ Chu Văn An tìm về với cuộc sống ẩn dật để di dưỡng tâm thần, để xa lánh cõi đời trần tục thoát khỏi trò đua chen chốn quan quyền và nêu cao khí tiết của bậc chính nhân quân tử. Bài thơ "*Xuân Đán*" (Sáng mùa Xuân) cụ làm khi về ở ẩn:

春 旦

寂 寞 山 家 鎮 日 閉，
竹 扉 斜 擁 護 輕 寒。
碧 迷 草 色 天 如 醉，
紅 濕 花 梢 露 未 乾。
身 與 孤 雲 長 戀 岫，
心 同 古 井 不 生 瀾。
柏 薰 半 冷 茶 煙 歇，
溪 鳥 一 聲 春 夢 殘

XUÂN ĐÁN

Tịch mịch sơn gia trấn nhật nhàn.
Trúc phi tà ủng hộ khinh hàn
Bích mê thảo sắc thiên như túy,
Hồng thấp hoa sao lộ vị can.
Thân dữ cô vân trường luyến tụ,
Tâm đồng cổ tỉnh bất sinh lan.
Bách huân bán lãnh trà yên yết,
Khê điểu nhất thanh xuân mộng tàn.

(Nhà trên núi vắng vẻ, suốt ngày thảnh thơi. Cánh cửa phên che nghiêng ngăn cái rét nhẹ. Màu biếc át cả sắc cỏ, trời như say. Ánh hồng thấm nhành hoa sương sớm chưa khô. Thân ta cùng đám mây cô đơn mãi mãi lưu luyến hốc núi. Lòng giống như mặt giếng cổ, chẳng hề gợn sóng. Mùi khói thông sắp hết, khói trà đã tắt. Một tiếng chim bên suối làm tỉnh mộng xuân).

SÁNG MÙA XUÂN

Nhà trên núi vắng cảnh an nhàn
Phên cửa nghiêng che tiết lạnh sang
Cỏ biếc trời cao say chất ngất,
Hoa hồng sương sớm đượm miên man.
Thân như mây lẻ vương non thẳm
Lòng tựa giếng xưa lặng sóng vàng
Hương gỗ thông tan, trà cạn khói,
Chim bên suối hót mộng xuân tàn.

(Tâm Minh dịch thơ)

Đây là ngôi nhà tranh cửa trúc nhỏ bé hoang lặng nơi cụ Chu Văn An ở ẩn tại làng Kiệt Đặc, huyện Chí Linh, một vùng sơn thủy hữu tình với núi Côn Sơn, ngọn Phượng Hoàng, sông Thanh Lương và ao Miết Trì...

Cánh cửa phên chỉ che nghiêng ngăn cái rét nhè nhẹ, có lẽ vì cụ vẫn còn muốn đón nhận cái khí lành lạnh của trời đất ban cho. Cụ không tâm niệm là với một thời thế nhiễu nhương như thế, kẻ sĩ không còn cách gì để cống hiến cho đời. Về ở ẩn không phải là một sự thất bại, một nỗi khổ đau. Ẩn dật chính là môi trường sống lý tưởng. Dạy học cũng là một cách phục vụ nước nhà một cách hữu ích.

Cụ sống giản dị và thư thái an nhàn, xa lánh cõi đời trần tục hòa đồng với cảnh thiên nhiên đơn sơ, đạm bạc thinh lặng, vắng vẻ. Cụ thích ngắm hoa thơm cỏ lạ. Đất trời đang vào Xuân, cụ cảm nhận thấy vạn vật phô sắc với các loại kỳ hoa dị thảo, trong đó có làn cỏ xanh biếc tốt tươi. Màu biếc át cả sắc cỏ. Trời trên cao như say chất ngất. Những ánh hồng thấm vào các nhành hoa đượm miên man trong sương sớm.

Cảnh giới thanh u như gột sạch hết phiền não, thoát vòng tục lụy chẳng còn vương vấn chút bụi trần thời khác chi Phật giới. Và chỉ có một tâm hồn đã đạt đạo được trọn vẹn mới có thể cảm nhận thiên nhiên được như thế.

Thân như đám mây lẻ loi cô đơn mãi mãi lưu luyến hốc núi, vấn vương với non thẳm. Non thẳm tượng trưng cho đạo lý hay lẽ phải muôn đời mà sĩ phu yêu nước không thể nào ly khai. Khi trong đời trần tục bao kẻ tiểu nhân đắc chí lộng hành, thời người quân tử thường bị thất thế, tự ví thân mình như cụm mây gần núi, thoái lui, ẩn khuất, tránh đời, xa lánh tiểu nhân, cứ giữ vẻ uy nghiêm mà lui về ở ẩn, ứng với quẻ "Thiên Sơn Độn", còn gọi là quẻ Độn là quẻ thứ 33 trong Kinh Dịch.

Lòng tựa giếng xưa, giếng như mặt giếng cổ, chẳng hề gợn sóng, luôn dâng hiến dòng nước tươi mát, không hề pha lẫn với các dòng đời ô tạp rác rưởi khác, luôn làm ích lợi cho đời, cho muôn người đang khát khao đạo lý và kiến giải nhưng vẫn lặng sóng vàng. Tương tự như ý trong quẻ "Thủy Phong Tỉnh" (còn gọi là quẻ Tỉnh) là quẻ thứ 48 trong Kinh Dịch. Theo đó thì làng xóm có khi thay đổi, còn giếng nước vốn cố định, không dời chỗ. Đổi làng xóm, đổi ấp chứ không đổi giếng. Nước giếng không kiệt mà cũng không thêm, ở chỗ nào cứ ở yên chỗ đó. Người có tài, muốn giúp đời, nhưng không được dùng, ví như cái giếng nước trong mà không ai múc. Nếu được ông vua sáng suốt dùng, thì người đó sẽ giúp cho mọi người được nhờ.

Cụ muốn bộc lộ tấm lòng mình là dù cho phải dời chỗ ở về núi Phượng Hoàng nhưng tấm lòng son của người quân tử vẫn chẳng hề phai. Hình ảnh này đã nói lên cái tâm như nhất đầy ắp chính khí của kẻ sĩ hết lòng phù dân giúp nước. Cụ nhàn thân nhưng không nhàn tâm. Làm ích lợi cho đời nhưng lòng tĩnh lặng không sinh ra sóng. Nơi đây gợi ra hình ảnh của cái tâm được đề cập tới trong Thiền Tông đó là "chân tâm", "diệu tâm".

Mùi khói thông thoạt tiên hình thành, rồi hương gỗ tồn tại tỏa rộng ra, sau biến dần đi và cuối cùng là tan hết. Làn khói trà tỏa ra rồi cũng tương tự theo những giai đoạn như trên mà tan biến. Một tiếng chim bên suối hót vang lên làm tỉnh giấc mộng trong buổi sáng mùa Xuân. Phải chăng cụ thấy được sự vận hành của Đạo cùng với lẽ "vô thường", đặc tính chung của mọi sự sinh ra có điều kiện, qua các giai đoạn "*thành, trụ, hoại, không*" hay "*sinh, trụ, dị, diệt*" là bốn quy luật chi phối mọi hiện tượng giới. Đạo Phật gọi Thế gian là vô thường nghĩa là "không chắc chắn", "không trường tồn".

Từ giữa đời Trần về sau, Nho giáo thịnh dần, Phật giáo suy yếu. Tuy thế nhiều nhà Nho trước đây đã từng lên án chỉ trích Phật giáo gay gắt vậy mà cuối đời lại vào chùa sống cuộc đời thanh đạm và viết những vần thơ ca ngợi cảnh đẹp già lam như Trương Hán Siêu, Phạm Sư Mạnh...

Cụ Chu Văn An cũng không trực tiếp bài bác Phật giáo mà trái lại cụ còn sáng tác những vần thơ ca ngợi thiên nhiên, bộc lộ tâm tình tiêu dao, phóng khoáng tự tại, mang cốt cách của thiền sư, của đạo sĩ với một tâm hồn đạt đạo. Thơ của cụ được Phan Huy Chú nhận xét là: "*lời thơ trong sáng u nhàn*". Thơ cụ chịu ảnh hưởng của đạo Phật trong giai đoạn về ở ẩn này như nhiều nhà thơ thời ấy. Nói chung thơ các ẩn sỹ thường có phong vị u nhàn, nhưng với cụ u nhàn chỉ là ở cái giọng thơ

Sự ngưỡng mộ Phật giới thanh u (trong sạch và tĩnh lặng), thoát vòng tục lụy của cụ Chu Văn An cũng tỏ lộ ra vào một lần cụ dừng chân tạm nghỉ ở núi thôn Nam. Cảm thấy thân nhàn nhã như đám mây lẻ loi trên bầu trời, tự do phân tán, nhẹ bay khắp Nam, Bắc. Gió mát thổi bên gối, tâm tình để ngoài cuộc đời, xúc cảnh sinh tình cụ làm bài thơ "*Thôn Nam Sơn Tiểu Khê*" (Tạm nghỉ núi thôn nam):

村 南 山 小 憩

閑 身 南 北 片 雲 輕，
半 枕 清 風 世 外 情。
佛 界 清 幽 塵 界 遠，
庭 前 噴 血 一 鶯 鳴。

THÔN NAM SƠN TIỂU KHÊ

Nhàn thân nam bắc phiến vân khinh,
Bán chẩm thanh phong thế ngoại tình.
Phật giới thanh u, trần giới viễn,
Đình tiền phún huyết nhất oanh minh.

(Thân nhàn như đám mây nhẹ bay khắp Nam, Bắc. Gió mát thổi bên gối, tâm tình để

TRỞ VỀ MỤC LỤC

ngoài cuộc đời. Cõi Phật thanh u, cõi trần xa vời. Trước sân, hoa đỏ như máu, một chiếc oanh kêu).

TẠM NGHỈ NÚI THÔN NAM

Thân nhàn Nam Bắc áng mây trôi,
Bên gối gió qua, nhẹ việc đời.
Cõi Phật thanh u, xa cõi tục
Trước sân hoa đỏ, tiếng oanh vui.
(Tâm Minh dịch thơ)

Một lần vân du cụ dừng chân bên sông đứng một mình đếm thuyền về bến. Trước ghềnh, gió gấp, một tiếng sáo gợi cảnh thu. Thơ đã tàn, mặt trời xế bóng, ánh hồng nhàn nhạt. Màu biếc mênh mông. Cụ làm bài thơ "*Giang Đình Tác*" (Làm thơ ở Giang Đình). Trong thơ cụ có sự cô độc nhưng vẳng bặt hẳn sự tiếc nuối thở than. Quả thật đây vẫn là Phật giới thanh u, xa lánh cõi trần tục. Bốn câu cuối bài thơ:

功 名 已 落 荒 唐 夢，
湖 海 聊 為 汗 漫 遊。
自 去 自 來 渾 不 管，
滄 波 萬 頃 羨 飛 鷗

Công danh dĩ lạc hoang đường mộng,
Hồ hải liêu vi hãn mạn du.
Tự khứ tự lai hồn bất quản,
Thương ba vạn khoảnh tiện phi âu.
(Công danh đã rơi vào giấc mộng hoang đường. Tạm dạo chơi miền hồ hải. Đi lại tự mình, chẳng gì trói buộc. Thèm cảnh chim âu bay liệng trên muôn khoảnh sóng xanh).

Công danh chót lạc vùng mơ ảo
Hồ biển tạm chơi thú nẻo xa
Đây đó lang thang đời tự tại,
Ước như chim lướt sóng bao la.
(Tâm Minh dịch thơ)

Trong một bài thơ khác cụ lại đã ca ngợi một vị sư đạo cao đức trọng. Cụ tán dương tư cách thanh cao của các nhà sư như tư cách của một nhà Nho quân tử sống ẩn dật chịu ảnh hưởng Lão–Trang trong bài *"Đề Dương công Thuỷ Hoa đình"*.

Như vậy ta thấy ý thơ của cụ Chu Văn An luôn ngát hương thiền. Chính vì đã chịu nhiều ảnh hưởng của đạo Phật mà khi về ở ẩn tiên sinh bình tĩnh dạy học, viết sách và sống yên vui đến cuối đời.

TÂM MINH NGÔ TẰNG GIAO
(Virginia, đón Xuân Đinh Dậu, 1-2017)

THÂN CÒ

Em đến nơi đây một buổi chiều
Thu vàng xác lá rụng tả tơi
Chim kêu gọi đàn bay về tổ
Thân lặn phương trời dạ ngẩn ngơ

Mỗi bước chân đi qua phố thị
Bao người xa lạ nhìn em chạy
Đắng cay buồn tủi ai chia xẻ
Cha mẹ đâu rồi bé bơ vơ

Xin một bàn tay người nâng đở
Chén cơm bát nước đoạn ngày qua
Cho em sống trọn niềm vui lạ
Thân cò lặn lội mãi lang thang

Thành phố lên đèn hồng đỏ tím
Nhà hàng khách sạn người qua lại
Ông này bà nọ ôi sang quá
Ai thấy em hoài đứng co ro?

Em bước lang thang trên phố chợ
Về đâu em hỡi mái nhà xưa
Cha ơi mẹ hỡi đâu xa thẳm
Giòng lệ chan hòa tủi phận em.

THÍCH NỮ GIỚI ĐỊNH

MÓN QUÀ CỦA SỰ CHỜ ĐỢI

Nguyễn Duy Nhiên

Có câu chuyện vui về một người cưỡi một con ngựa đang phi như bay trên đường. Khi anh và con ngựa chạy ngang qua một khu phố, có vài người quen đứng bên đường thấy vậy gọi với theo, "Anh có việc gì phải đi đâu mà vội vã thế?" Anh ta ngoái đầu lại và nói lớn, "Tôi cũng không biết nữa, hỏi con ngựa kìa!"

Trong thời đại của kỷ nguyên thông tin ngày nay, information age, mọi việc xảy ra rất nhanh lẹ và dồn dập, cuộc sống chúng ta dường như cũng bị lôi cuốn theo cùng với một nhịp độ ấy. Mỗi sáng sớm thức dậy, cái mà ta nhìn đầu tiên là chiếc đồng hồ ở bên cạnh, một ngày của ta cũng được bắt đầu dưới sự chỉ huy của thời giờ. Tốc độ và sự bận rộn trong cuộc sống đôi lúc cũng khiến ta cảm thấy mình cũng giống như anh chàng trong câu truyện ấy.

Có lần tôi đi nghe nhạc với một người bạn. Trong phần giao lưu với khán giả, có người hỏi anh ca sĩ nổi tiếng ấy rằng anh có dự định gì cho tương lai của mình không? Anh đáp, bây giờ sự nghiệp anh vẫn còn "đang lên" nên chưa muốn bị ràng buộc hay nghĩ gì đến tương lai xa xôi hết. Anh chỉ muốn tận hưởng những cơ hội mà anh hiện đang có, dù rằng anh phải tạm gác lại một số công việc quan trọng khác, ngay cả cuộc sống riêng của mình… Mà những gì anh chia sẻ cũng rất thật phải không bạn? Đôi khi chúng ta cũng như người đang cưỡi con ngựa chạy như bay, ta không thể dừng lại được.

Có lẽ cái cảm giác rằng khi ta hoàn tất được một số việc nào đó, đạt được những gì mình muốn, chúng mang lại cho ta một cảm nhận rằng cuộc sống mình có phẩm chất và có hướng đi rõ ràng hơn. Vì vậy cho nên chúng ta lúc nào cũng phải làm một việc gì, theo đuổi một cái gì đó, và khi không làm gì hết ta lại cảm thấy như là mình đang hoang phí thời giờ.

Nhưng nếu như trong cuộc sống, có những lúc ta dừng lại không làm gì, thì đó có là một sự vô ích chăng?

Trong cuộc sống chắc chắn sẽ có những giây phút chờ đợi, bắt ta phải dừng lại, không làm gì hết. Nhưng chúng không phải là những thời gian vô ích đâu bạn! Thật ra đó có thể là món quà quý giá mà cuộc sống thỉnh thoảng dâng tặng cho mình, nếu như ta biết cách tiếp nhận chúng.

Bà Jan Chozen Bays, một giáo thọ của dòng thiền Nhật bản, có chia sẻ về một món quà quý giá mà sự dừng lại trong cuộc sống vội vã này có thể dâng tặng cho chúng ta.

"Trong đời sống, mỗi khi chúng ta bị bắt buộc phải dừng lại và chờ đợi, ví dụ như khi bị kẹt xe trên đường, ta thường có khuynh hướng muốn làm một cái gì đó để lảng tránh cái cảm giác chờ đợi khó chịu ấy. Ta mở radio lên, gọi điện thoại, xem email, hay ngồi đó bực dọc. Nhưng nếu như ta có một ý thức sáng tỏ về những giây phút chờ đợi ấy, chúng sẽ trở thành những cơ hội thực tập giúp mang lại sự tỉnh thức cho mình trong cuộc sống hằng ngày."

Chờ đợi là một sự kiện rất bình thường của đời sống nhưng lại thường gây cho chúng ta một cảm xúc khó chịu. Nhưng ta có thể biến đó trở thành một món quà tặng đặc biệt cho chính mình, một cơ hội, một thời gian để thiền tập. Và sự lợi lạc của nó cũng gấp đôi: trước hết, ta chuyển hóa được cảm giác khó chịu, tiêu cực của mình, và thêm nữa, bất cứ một giây phút nào của cuộc sống cũng có thể là một cơ hội thiền tập của ta.

Và sự thực tập này cũng rất là đơn giản. Mỗi khi phải chờ đợi một việc gì, trước hết bạn hãy chú ý đến những cảm thọ nào đang có mặt trong thân mình, chúng là biểu hiện của những ý nghĩ và cảm xúc vội vã trong ta như là sự nôn nóng, bất an. Và mỗi lần ta không để cho những ý nghĩ và cảm xúc ấy biến trở thành quả trái, ví dụ như sự bực tức khi bị kẹt xe, hay nôn nóng vì người xếp hàng phía trước quá chậm, là ta đang làm giảm bớt đi năng lượng tiêu cực của những tập quán, thói quen xưa cũ trong tâm mình.

Nếu như ta đừng để bánh xe tâm của mình tiếp tục lăn theo cùng một vết lún sâu trên con đường mòn dẫn ta đi xuống một con đầm lầy, thì rồi một ngày vết lún ấy cũng sẽ được phủ lấp lại bằng phẳng như xưa. Cuối cùng rồi thì những thói quen bực tức, những phản ứng bức xúc của ta sẽ dần dần phai nhạt đi. Thật ra tiến trình này cũng chỉ là đơn

giản như vậy thôi. Nó cần thời gian, nhưng rất có hiệu quả.

Đa số chúng ta thường hay đo lường giá trị ta bằng những năng suất của mình. Nếu như hôm nay tôi không hoàn tất một việc gì, nếu như tôi không viết được trang sách nào, gặp một người nào, nấu được chiếc bánh nào, kiếm thêm đồng nào, bán được một món hàng nào, mua được một món hàng nào, ký được hợp đồng nào… thì tôi đã hoang phí một ngày, tôi là người vô dụng. Chúng ta không bao giờ cho rằng mình có một giá trị nào hết, nếu như ta chỉ tiếp xúc với sự sống, và đơn sơ có mặt trọn vẹn trong giờ phút hiện tại mà thôi. Và cũng vì nhận thức sai lầm ấy mà "chờ đợi" đã trở thành nguyên nhân của sự bất an, khi ta chỉ nghĩ đến những gì đáng lẽ mình có thể hoàn tất được trong giờ phút này.

Và nếu như bạn hỏi những người thân của mình xem họ thật sự cần gì nhất nơi bạn, chắc chắn phần lớn câu trả lời sẽ là họ cần "sự có mặt" hay là "thời giờ" của bạn. Sự có mặt của ta có một giá trị không thể nào đo lường được, vì đó là hạnh phúc, an vui, là sự mật thiết. Khi chúng ta biết buông bỏ những bận rộn và bớt đi những lao tác, trở về với với một sự tĩnh lặng, trong sáng tự nhiên, mình sẽ cảm thấy hạnh phúc, an vui và biết bao dung hơn, cho dù chung quanh ta không có gì xảy ra.

Đó là một món quà tặng quý giá mà không ai có thể mua được. Chúng là kết quả tự nhiên của một sự có mặt trọn vẹn trong giờ phút hiện tại. Và đó cũng là quyền bẩm sinh của mỗi người chúng ta, mà trong cuộc sống vì quá bận rộn mình đã vô tình đánh mất đi"

Sự sống vẫn đang có mặt

Nhà văn Allen Sauder viết, "Sự sống là những gì xảy đến với chúng ta, trong khi mình đang bận rộn với những toan tính về các kế hoạch khác." (*Life is what happens to us while we are making other plans*). Cuộc sống vẫn đang diễn ra trong khi ta bận rộn với một dự án nào đó của tương lai: một chuyến đi, một cuộc gặp gỡ, một hợp đồng, hay một cấp bằng nào đó.

Mà tôi nghĩ chúng ta cũng đừng nên chờ đợi ở tương lai làm gì, vì những gì mình vừa mới nắm bắt được là nó cũng vừa bắt đầu đang phai nhạt đi… Chúng ta chỉ có mỗi giây phút này thôi, dầu có vội vã đến đâu bạn cũng không thể nào sống trong hai giây phút cùng một lần được.

Trong những giây phút dừng lại, và có mặt với hiện tại, những dự án tương lai của ta có thể bị chậm bớt hay trì hoãn đi, nhưng bạn biết không, điều mà ta có thể sẽ tìm lại được trong giây phút ấy là cuộc đời của chính mình. Và dù ta có hoàn tất được gì hay không, sự sống nhiệm mầu, con đường hạnh phúc, vẫn đang hiện hữu ở bất cứ nơi nào mình thật sự trọn vẹn có mặt.

NGƯỠNG VỌNG NI TRƯỞNG THÍCH NỮ NHƯ NGUYỆN

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Nam Mô A Di Đà Phật.

Ngưỡng bái bạch: Chư tôn Hòa thượng cùng chư tôn Thiền Đức chứng minh.

Kính bạch Chư tôn đức ni và chư vị trong môn đồ Pháp quyến chùa Xá Lợi tại Rosemead, California, Hoa Kỳ.

Chúng con , Ni chúng và Phật tử trong đạo tràng Viên Thông Tự tại Houston, TX xin được đảnh lễ giác linh Ni trưởng thượng Như hạ Nguyện, vị Ni trưởng của chúng con tại hải ngoại từ thuở ban sơ của người Việt ly hương. Ni trưởng đã vươn lên vững chãi như cây tùng cây bách để che chở và hướng dẫn cho hàng hậu học chúng con. Hôm nay, Ni trưởng đã thuận thế vô thường nhưng giáo hạnh và đức từ dung của Ni trưởng vẫn luôn là tấm gương sáng để chúng con noi theo trên bước đường tu học và phụng sự.

Ngưỡng bái bạch Giác Linh Ni trưởng thùy từ chứng giám :

Trước linh đài, khói trầm hương nhẹ tỏa
Nén tâm hương, hòa quyện kiết tường vân
Thuận vô thường, thầy xả bỏ huyễn thân
Lòng chẳng bận, Thong dong về với Phật.

Chúng con hàng Ni chúng và Phật tử Viên Thông Tự, Houston, Texas xin thành kính đảnh lễ giác linh một bậc thầy quý kính mà lúc bình thời có nếp sống bình dị và thanh thản trước những thăng trầm sinh diệt. Chúng con xin kính nguyện Giác linh thầy cao đăng Phật quốc.

Nhất tâm đảnh lễ: Giác linh Hòa Thượng Ni Tân viên tịch thượng Như hạ Nguyện chi giác linh tam bái.

TKN. Thích Nữ Thanh Lương
và Ni Chúng
VIÊN THÔNG PAGODA
17355 Groeschke Road, Houston, TX 77084
Tel: (281) 829-0816

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

TANG LỄ SƯ BÀ THÍCH NỮ NHƯ NGUYỆN

Nguyễn Thanh Huy

Westminster, Nam California (VB) -- Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ đã long trọng tổ chức Tang Lễ Sư Bà Thích Nữ Như Nguyện là thành viên Hội Đồng Giáo Phẩm, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Ni Bộ Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK, Trú Trì Chùa Xá Lợi, Thành Phố Rosemead, California, đã viên tịch vào lúc 5 giờ chiều ngày 15 tháng 01 năm 2017 (nhằm ngày 18 tháng Chạp năm Bính Thân) tại Bệnh Viện Beverly Hospital, Thành Phố Montebello, Miền Nam California, Hoa Kỳ, thế thọ 70, lạp thọ 48.

Lễ Nhập Kim Quan đã diễn ra vào lúc 9 giờ sáng, Chủ Nhật, ngày 22 tháng 01 năm 2017 (nhằm ngày 25 tháng Chạp năm Bính Thân); Lễ Trà Tỳ được cử hành vào lúc 3 giờ chiều Thứ Hai, ngày 23 tháng 01 năm 2017 (nhằm ngày 26 tháng Chạp năm Bính Thân), tại Peek Feneral Home, (Phòng số 3) Thành Phố Westminster, California.

Trong hai buổi lễ đã có hàng trăm Chư Tôn Giáo Phẩm, Chư Tôn Đức Tăng Ni và đồng hương Phật tử tham dự. Chư Tôn Giáo Phẩm có Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Thắng Hoan, Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ (GHPGVNTN/HK, sẽ viết tắt là GH trong bài này), Trưởng Lão HT. Thích Chơn Thành, Phó Thượng Thủ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Trên Thế Giới; HT. Thích Phước Thuận, Thành Viên Hội Đồng Giáo Phẩm, GH; HT. Thích Nguyên Trí, Phó Chủ Tịch Nội Vụ Hội Đồng Điều Hành (HĐĐH) GH; HT. Thích Minh Tuyên, Phó Chủ Tịch HĐĐH/GH, HT. Thích Thông Hải, Phó Chủ Tịch Ngoại Vụ HĐĐH/GH, HT. Thích Nhật Quang, Phó Chủ Tịch HĐĐH/GH, HT. Thích Nguyên Siêu, Tổng Thư Ký HĐĐH/GH, cùng Chư HT. Thích Nguyên Hạnh, Thích Huệ Minh, Thích Giác Sỹ, Thích Minh Hồi, Thích Giác Pháp, Thích Minh Dung, Thích Nhật Huệ... Quý chư Thượng Tọa, Đại Đức; Ni Trưởng Thích Nữ Như Hòa, Ni Trưởng Thích Nữ Như Tịnh cùng các Ni Sư, Sư Cô đến từ các chùa và Tự Viện Nam California. Trong hai buổi lễ đều do HT. Thích Nhật Quang làm Sám Chủ.

Vào ngày thứ Hai, ngày 23 tháng 1 năm 2017, 11h:00 sáng: Lễ cúng ngọ và Tiến Giác Linh.

Mở đầu buổi lễ HT. Thích Nguyên Trí, Trưởng Ban Tổ Chức Tang Lễ lên ngỏ lời cảm ơn Chư Tôn Giáo Phẩm, Chư Tôn Đức Tăng Ni đã quang lâm tham dự tang lễ, HT. cũng nói qua về những công tác Phật Sự mà Sư Bà Thích Nữ Như Nguyện đã trải qua, HT. kêu gọi chư Tăng Ni hãy đoàn kết để tiếp tục con đường hoằng dương chánh pháp.

Tiếp theo Ni Sư Nguyên Bổn lên cung đọc Tiểu sử của Sư Bà. (xem tiểu sử do Ni Sư Thích Nữ Tiến Liên phụng soạn ở trang 24, số báo nầy).

Sau đó, Trưởng Lão HT. Thích Thắng Hoan, Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm lên Truy Tán Công Hạnh Sư Bà Thích Nữ Như Nguyện (xem bài Truy Tán ở trang 23, số báo nầy).

Tiếp đến, Ni Sư Thích Nữ Tiến Liên, Tổng Vụ Phó Tổng Vụ Ni Bộ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ lên đọc lời tiễn biệt. Trong bài có đoạn rất cảm động: *"Hôm nay ngày tiễn đưa người, chứng nghiệm giây phút vô thường giữa lòng người bất diệt, Ni giới chúng con hiểu được sự mất mát lớn lao nầy. Kể từ đây, chúng con không còn diện kiến dung nhan của người, không còn được lắng nghe pháp âm của Ni Trưởng. Để tỏ lòng tôn kính một bậc thạch trụ của Ni giới hải ngoại, chúng con nguyện noi gương của Ni Trưởng, tích cực, kiên trì tuyên dương chánh pháp, nổ lực thành tựu lý tưởng giải thoát của Phật và hướng dẫn mọi người đồng tiến bước trên lộ trình giác ngộ. Giờ đây trước kim quan của người, chúng con thành tâm đốt nén tâm hương dâng lên cúng dường mười phương chư Phật, kính nguyện Giác linh Ni Trưởng cao đăng Phật quốc, bất từ bi nguyện, hội nhập Ta bà hóa độ chúng sinh viên thành Phật đạo. Ngưỡng nguyện Giác Linh Ni Trưởng thùy từ chứng giám."*

Tiếp theo HT. Thích Nguyên Siêu, thay mặt môn đồ pháp quyến lên có lời cảm niệm.

Sau đó phần cúng dường Đại Tăng.

Sau cùng Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu, thay mặt Ban tổ chức tang lễ lên cảm tạ Chư Tôn Giáo Phẩm, Chư Tôn Đức Tăng Ni cùng đồng hương Phật tử đã tham dự trong hai ngày tang lễ vừa qua.

Lễ di quan bắt đầu, sau khi trà tỳ Di Ảnh của Sư Bà sẽ được đưa về an vị tại Chùa Xá Lợi.

Đặc biệt, hôm Chủ Nhật 22/1/2017, Luật sư Nguyễn Quốc Lân đã nói lời tiễn biệt trong Lễ Nhập Kim Quan Sư Bà, rằng Luật Sư Lân từ nhiều năm đã có cơ duyên làm một số giấy tờ hồ sơ cho Sư Bà, biết rằng Sư Bà hiền lành, đạo đức, sống đạm bạc, lúc nào cũng chỉ chú tâm một lòng tu hành và giúp đỡ cư dân.

(mời xem hình ảnh trang 64 & 65) —>

HÌNH ẢNH TANG LỄ NI TRƯỞNG THÍCH NỮ NHƯ NGUYỆN
TẠI CHÙA XÁ LỢI, ROSEMEAD, CALIFORNIA, HOA KỲ
22 & 23 THÁNG 01.2017

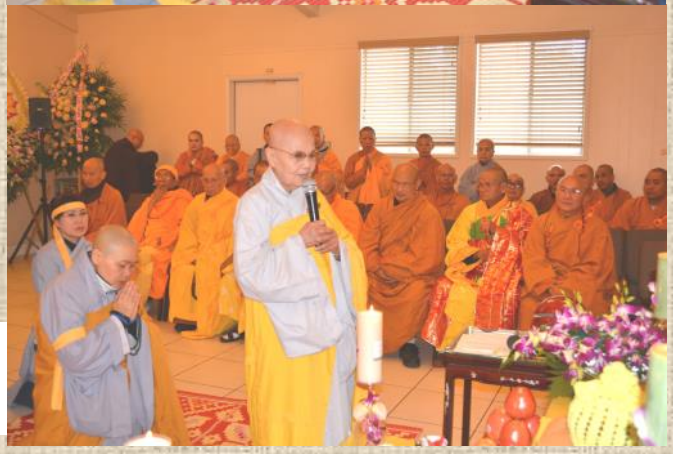

Photos: Nguyen Thanh Huy

TRỞ VỀ MỤC LỤC

HÌNH ẢNH TANG LỄ NI TRƯỞNG THÍCH NỮ NHƯ NGUYỆN
TẠI CHÙA XÁ LỢI, ROSEMEAD, CALIFORNIA, HOA KỲ
22 & 23 THÁNG 01.2017

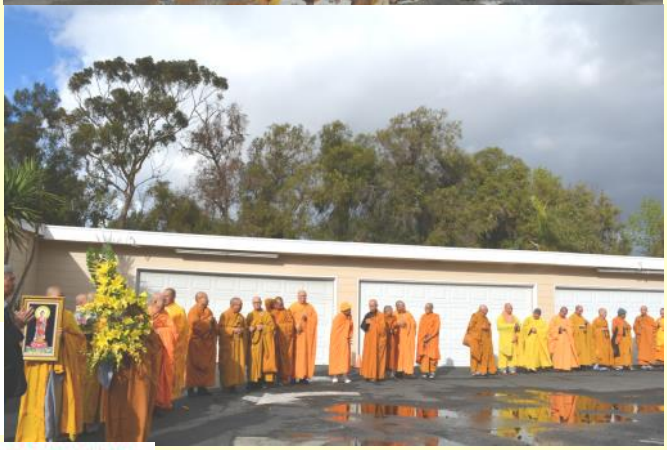

Photos: Nguyen Thanh Huy

TRỞ VỀ MỤC LỤC

CUNG TIẾN GIÁC LINH
NI TRƯỞNG
THÍCH NỮ NHƯ NGUYỆN

Nguyên Thành viên Hội Đồng Giáo Phẩm,
Tổng vụ trưởng Tổng vụ Ni bộ Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK
Viện chủ Chùa Xá Lợi
Viên Tịch 18 tháng 12 năm Bính Thân (15/1/2017)

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật,
Nam Mô Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật,

Kính bạch chư Tôn Hòa Thượng, chư Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni trong Tang Lễ cùng Môn đồ pháp quyến.

Ngưỡng bạch Giác Linh Ni Trưởng,

Trong giờ phút trang nghiêm tiễn đưa Ni Trưởng cao đăng Phật Quốc, toàn thể Ni giới tại Hoa Kỳ chúng con kính cẩn nghiêng mình trước kim quan cố Ni Trưởng và vô cùng bùi ngùi xúc động. Sau cơn bạo bịnh Ni Trưởng đã ra đi một cách an nhiên tự tại. Dẫu biết rõ rằng sanh, lão, bịnh, tử là lẽ thường của nhân thế, nhưng cũng không làm sao tránh khỏi những bàng hoàng, thương tiếc trong tâm khảm.

Nỗi bùi ngùi xúc động trong tâm tư người Phật tử và Ni giới chúng con vì thương tiếc một bậc Ni Trưởng đạo cao, chí nguyện kiên trì, trọn đời phụng sự cho Đạo Pháp. Tu học và hành đạo nơi xứ lạ quê người, chúng con phần nào cảm nhận được những gian khó, thử thách mà Ni Trưởng cũng như chư Tôn đức tiền bối đã trải qua, từ ngoại cảnh đến tinh thần, thật là:

"Thân ngoại cảnh gội nhuần ân Phật đức,
Áo cà sa tỏ rạng nghĩa tâm thành."

Hôm nay ngày tiễn đưa người, chứng nghiệm giây phút vô thường giữa lòng người bất diệt, Ni giới chúng con hiểu được sự mất mát lớn lao nầy. Kể từ đây, chúng con không còn diện kiến dung nhan của người, không còn được lắng nghe pháp âm của Ni Trưởng. Để tỏ lòng tôn kính một bậc thạch trụ của Ni giới hải ngoại, chúng con nguyện noi gương của Ni Trưởng, tích cực, kiên trì tuyên dương chánh pháp, nỗ lực thành tựu lý tưởng giải thoát của Phật và hướng dẫn mọi người đồng tiến bước trên lộ trình giác ngộ. Giờ đây trước kim quan của người, chúng con thành tâm đốt nén tâm hương dâng lên cúng dường mười phương chư Phật, kính nguyện Giác linh Ni Trưởng cao đăng Phật quốc, bất từ bi nguyện, hội nhập Ta bà hóa độ chúng sinh viên thành Phật đạo. Ngưỡng nguyện Giác Linh Ni Trưởng thùy từ chứng giám.

Chúng con cũng không quên mạn phép thay mặt chư Tôn đức Ni tại các Tự Viện thuộc tổng vụ Ni Bộ, thành kính chia xẻ nỗi ưu bi cùng môn đồ, pháp quyến.

Kính nguyện chư Tôn Giáo Phẩm, chư Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni và phật tử pháp thể an lạc, Phật đạo viên thành.

Nam Mô Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật Tác Đại Chứng Minh

Cẩn bái,

Con **Tỳ Kheo Ni Tiến Liên**
Tổng Vụ Phó kiêm thư ký Tổng vụ Ni Bộ GHPGVNTNHK
Viện Chủ Tịnh Xá Ngọc Hòa, San Jose, CA

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

Nhân nào quả nấy

Thuật giả: ***Trường Lạc***
Soạn giả: THÍCH MINH CHIẾU
(trích Truyện Cổ Phật Giáo)

"Trước khi làm một việc gì
Phải nghĩ đến kết quả của nó."

Thuở nước Vua Lưu Ly vì thù hiềm dòng họ Thích Ca mới cử binh mà sang đánh nước Ca Tỳ La Vệ. Bắt được một nhóm thiếu nữ quyến thuộc của Phật, quân lính vua Lưu Ly toan hãm hiếp. Các người này cương quyết thà chịu chết chớ không để mất trinh tiết. Không được thỏa mãn thú tánh của mình, quân giặc liền đuổi xua tất cả thiếu nữ ra đồng đánh đập một cách tàn ác, đến khi các người ấy ngã gục mới chịu bỏ đi. Sau khi tỉnh hồn lại, các cô thiếu nữ đồng nhau một chí hướng tìm chỗ ẩn tu. Trong lúc đi lang thang giữa đồng hoang, bỗng đâu các cô gặp bà Hoa Sắc Tỳ kheo ni đi khất thực về. Các cô mừng rỡ đón chào bà và kể hết nỗi khổ đau để cầu xin theo bà xuất gia học đạo.

Động lòng từ bi, bà Hoa Sắc Tỳ kheo ni thâu nhận các cô làm đệ tử. Từ ấy các cô tuy được nơi tu tập mà người nào cũng thường than thân tủi phận. Sự bà thương tình khuyên dỗ: Các con mới gặp bao nhiêu tai nạn, vừa qua đã cho là khổ. Nếu các con biết rõ đời ta, thì các con phiền não đến bậc nào! Các con ôi! Khi ta còn ngoài đời, thì ta cũng có đôi bạn như ai. Theo phong tục nước ta, hễ mỗi khi gần sanh thì các cô gái có chồng được đưa về nhà cha mẹ ruột. Cũng như hai lần trước lần thứ ba, lúc cận ngày khai hoa nở nhụy, cả gia đình ta: Chồng vợ con cái cùng kẻ ăn người ở trong nhà đều kéo nhau về mái hiên cha mẹ ta cả. Trong khi đi đường xa vất vả, bữa nọ, vừa băng ngang cánh đồng vắng cách xa làng mạc, đến con sông thì trời sắp tối. Rủi gặp con nước ròng lại không thuyền, chẳng biết làm sao qua sông, gia quyến ta phải tìm gò nổng tạm nghỉ một đêm, đợi sáng ngày nước cạn sẽ đi qua, mới gặp chỗ cao ráo sạch sẽ thì bụng ta quặn đau. Một chặp sau ta sanh một đứa con trai thứ ba giống hệt hai anh nó. Chồng ta và kẻ tùy tùng lập tức kiếm cây lá làm tạm cái sàn gác cho mẹ con ta nằm đó.

Khi lo xong cho bốn mẹ con ta có chỗ nằm kín đáo, ấm áp, chồng ta với bạn bè mới lên một cái nổng gần bên nghỉ ngơi, một sự bất ngờ rùng rợn đã xảy ra trong giữa đêm trường canh vắng là: nhiều con rắn độc to tướng đánh hơi người bèn bò đến nuốt cả chồng ta với các tôi tớ, mẹ con ta nhờ nằm trên sàn cao, dưới có bếp lửa đỏ, loài mảng xà không dám lại gần, sáng ngày thừa dịp nước ròng sát, ta định lội qua sông về quê quán chớ không còn phương nào hay hơn nữa. Ta bèn cõng con đầu lòng đưa sang qua bờ sông bên kia trước. Ta lội trở lại bên này,

đai đứa con thứ hai trên lưng, còn đứa mới sanh thì để vào cái đãy vải ngậm ở miệng và đi từng bước dưới dòng nước. Đến giữa sông ta nghe bên kia bờ tiếng con ta rú lên bài hãi. Thì khốn thay! một con hổ vồ lấy đứa con đầu lòng, rồi tha tuốt vào rừng, trước cảnh đau thương bất ngờ ta không còn tỉnh trí, hả miệng kêu to, đứa bé trong đãy rơi ngay xuống nước. Bấm loạn tâm thần tay chân run rẩy, ta cứ lặn hụp dưới đáy sông, mò đứa bé mới nở, quên lửng đứa con thứ hai đai trên lưng mà ta đã vô tình giết nó chết ngộp. Thảm thiết thay! Chỉ trong một ngày đêm, tới sáng mà cả gia quyến ta: chồng, con, tôi, bạn đều chết không kịp trối. Ta đành rơi lệ, nuốt sầu gắng gượng lội tới mé lên bờ, kiệt sức quá, ta ngã xỉu ngất đi, không còn biết sự gì nữa.

Trong lúc đó có một lũ ăn cướp đi qua gặp ta bắt đem về nhà nuôi rồi ép ta làm vợ. Chẳng bao lâu tên tướng cướp làm chồng sau của ta bị bắt và lãnh án tử hình. Ta cũng bị chôn sống theo chồng do phong tục. Sau mấy tiếng đồng hồ bị lấp đất, có bọn cướp khác đến đào mả định lấy của quý. Thấy ta còn thoi thóp, chúng bèn cứu ta đem về săn sóc lành mạnh rồi cũng bắt buộc ta lấy tên chánh đảng làm chồng.

Ăn ở với nhau được ít lâu, ta có thai. Tối nào, trước khi đi làm việc bất lương, chồng ta cũng dặn phải chực chờ mở cửa cho ông ta vào mau mau khi có tai nạn xảy đến. Một hôm, ông ta vừa ra khỏi nhà thì ta đau bụng, cách một chập sau, ta sanh một đứa con

TRỞ VỀ MỤC LỤC

gái. Đồng thời chồng ta bị người đánh đuổi chạy về rất gấp. Ta mắc bận bịu vì đứa con nên không kịp mở cửa. Ông giận dữ tung cửa vào định giết ta? Ta chỉ đứa con mới nở hy vọng nó nghĩ tình máu thịt mà bớt cơn thịnh nộ đi chăng. Sau ta thất vọng: ông gắt gỏng, chỉ mặt đứa nhỏ bảo rằng: nó là nghịch tử báo đời. Rồi ông liền giết ngay; còn kề gươm vào cổ ta, bắt buộc ta phải ăn thịt đứa nhỏ ấy thì mới tha.

Cách ít hôm sau, tướng cướp này bị sa vào lưới pháp luật chịu án tử hình. Ta cũng bị chôn sống một phen nữa gần bên mé rừng. Ít phút sau có một con cọp đến moi mả tha xác người chết ăn thịt. Thân ta chôn ở dưới thây chồng ta khỏi bị cọp ăn. Được thoát nạn này, ta ngẫm nghĩ cuộc đời của ta vào sanh ra tử, khốn khổ vô cùng, nên ta không còn tiếc những ngày sống thừa nữa, ta mới quyết chí xuất gia đầu Phật.

Các cô thiếu nữ nghe nói hết sức kinh nghi mới bạch rằng: "Nay sư bà đã tu hành đắc đạo, sư bà có thể cho chúng con rõ nguyên nhân nào sư bà gặp lắm nỗi gian nan rùng rợn như thế không?"

Bà Hoa Sắc Tỳ kheo ni thong thả đáp: "Các con ơi! Có chi lạ đâu, đó là quả báo như muôn ngàn quả báo khác của tiền nhân kiếp trước mà thôi. Đây các con hãy nghe: Nguyên kiếp trước của ta, một thuở nọ, ta có chồng có con. Chồng ta có vợ lẻ cũng có con như ta. Vì ghen tương mà nhất là tham của, ta sợ gia tài của chồng ta phải chia cho con vợ bé thì mẹ con ta chẳng được phần nhiều, nên thừa dịp chồng ta với người thiếp đi vắng, ở nhà ta giết con chúng nó hết. Chuyện sát nhân đem đến cửa quan, tra khảo cách nào ta cũng chối mãi và ta lại thề dối rằng: "Nếu tôi có giết con chồng tôi, thì tôi sẽ bị khổ sở vô cùng, cả nhà tôi tan nát, các con tôi sẽ bị cọp tha, chết chìm, tôi sẽ bị chôn sống, chết ngộp v.v... Nếu tôi có ác tâm giết con vợ lẻ chồng tôi, thì ngày kia tôi sẽ bị người ta bắt buộc tôi phải ăn thịt người con tôi."

Đó các con có thấy không, một lời nói ra thì va lấy, một tiếng thề dối mà mắc ngay, một hành động ác thì bị quả báo dữ không sai. Biết được lý nhân quả như bóng theo hình, tợ vang theo tiếng, thì các con không còn thắc mắc gì với những tai nạn của các con ngày nay cũng như của bà ngày xưa. Cho hay nhân nào quả nấy, chớ khá than van; vì không bao giờ một việc xảy ra mà không có duyên cớ. Vậy khuyên các con phải tin nhân quả mà lo tu hành.

Thuật giả: **Trường Lạc**

ĐÂY ĐÓ MÙA XUÂN

PHẢI ĐÂU!
Giữa bộn bề cuộc sống
Đời vùi giấc ngủ xuân
Ta đi giữa Thực-Mộng
Mắt nhìn không phân vân.

ĐỜI SỬA SOẠN
Bao sắc màu diễm lệ
Đoạn trường cuộc rong chơi
Đất trời Xuân... như thế!
Tình nguyên sơ đất trời.

ĐỜI KHUYA
Ký ức bộn bề đã tắt
Chợt ra, dừng cuộc chiêm bao
Nẻo về từ trong tầm mắt
Gặp ta từ buổi xuân nào.

TRONG ĐẦM
Con trâu trầm dưới nước
Quẩy đuôi hạnh phúc đời
Thong thả mồm nhai cỏ
Mùa xuân nào qua tôi

CON ONG
Ruổi dong tìm hương mật
Xây tổ kết mùa hương
Đi giữa đời bản chất
Kết ngàn hoa xuân phương.

CUỐI TRỜI HOÀNG HÔN
Xuân về bên bờ cỏ
Sương qua bãi rêu cồn
Đời qua bao hỷ lạc
Về cuối trời hoàng hôn.

XUÂN VỀ
Phong trần say mấy độ
Bạc phếch áo vai đời
Thu về xanh tiếng nhạn
Xuân về hoa cỏ tươi.

MẶT ĐẤT
Trời mùa xuân chim gọi
Mở đường sinh loại đi
Chở chuyên đời muôn lối
Thơm ý đạo Từ Bi.

PHẬT TỌA
Yên bình đỉnh non cao vút
Mây chở mùa xuân hào quang
Cho cả tâm hồn cát bụi
Đâu đâu cũng Phật, Niết Bàn.

MẶC PHƯƠNG TỬ
Chùa Kỳ Viên, South Dakota,
Xuân 2017

TRỞ VỀ MỤC LỤC

Tiếng thở của những cơn mưa

NGUYỄN PHAN THÙY CHI

Trong màn mưa trắng xóa, ba tôi bước ra sừng sững. Ông đứng giữa sân mặc cái áo mưa ống màu xanh chai cũ nát. Nước theo cái áo mưa chảy ròng ròng xuống đôi chân gân guốc của ông... Mặt ba tôi đẫm nước, xâu cá trên tay ông cũng đẫm nước... Ông chẳng nói chẳng rằng, chỉ đứng thở, tiếng thở của ông hòa vào âm thanh của những cơn mưa…

Ba tôi có thói quen đi bắt cá đồng mùa lũ. Người miền Trung nào ở đồng cũng có nỗi đam mê ấy bởi đất nghèo chỉ cho con người chút ân huệ cuối cùng khi trời đất trút hận vào những cơn mưa.

Mỗi khi mưa về, ba tôi thường ra đồng từ sáng sớm. Ông săm soi từng gốc mạ, từng chỗ tháo nước… cứ như thế gần trưa ông mới về. Ông ít nói, mà có nói thì cũng chỉ thì thầm với má tôi để lây qua bà cái nhìn lo lắng và những tiếng thở dài héo queo…

Cũng có lúc ba tôi vui, mặt mày ông tươi tỉnh, xâu cá đồng xách trên tay uốn éo theo nhịp bước, ông cười hể hả nói oang oang, xối nước ào ào ngoài giếng. Đó là lúc ông đem về dăm ba con cá trào đen trũi quẫy cái bụng đầy trứng, chục con cá rô vàng ngậy, vài con lươn to tướng thấy đã mắt. Bữa cơm nóng với món cá đồng nướng thơm chấm mắm gừng, tô lươn vàng sả ớt um chuối hường bẻ ngoài vườn, đĩa rau luộc mắm nêm cay điếng lưỡi luôn kéo cả gia đình ngồi lại bên nhau. Sau này đi làm rồi tôi tìm mãi nhưng chưa thấy món ăn nào ngon bằng những món ấy. Tôi xa ba má, xa quê, tôi tìm mãi hương vị của ngày thơ ấu nhưng "cái ngày ấy" đã lẩn trốn trong kí ức xa xăm chỉ để lại trong tôi nỗi nhớ duy nhất: hơi thở của những cơn mưa buồn bã…

Từ khi chúng tôi đứa đi làm đứa đi học xa, ba má tôi sống lần hồi với những cơn mưa miền Trung trắng đất tối trời… những cơn mưa làm ông bà héo dần theo năm tháng... Ba má tôi đi theo chúng vội vã... Má tôi mất đầu mùa mưa. Ba tôi cứ mỗi lần thắp nhang cho má lại đứng cạnh bàn thờ thì thầm rất lâu, có lẽ ông nói với bà về những cơn lũ, những cánh đồng mất mùa, những năm tháng túng thiếu của vùng đất nghèo nàn bậc nhất này… Ông thở dài… tiếng thở lại hòa vào nhịp mưa…

Khi nhớ má tôi không thể cầm lòng được nữa, ba ra đi giữa mùa mưa... Ông đi vội vã, khi tôi hay tin về đến nhà thì ba tôi không còn nói được lời nào. Ông lặng lẽ nằm đó, mặt mũi vẫn hồng hào, chỉ có đôi tay ướt nước mưa lạnh cóng. Tôi cầm tay ba, nước mưa từ lúc nào đã lặng lẽ ướt đẫm mắt tôi….

Tôi ngồi cạnh ba tôi thay các chị. Ông vẫn thở đều đều, mắt nhắm nghiền như chìm vào giấc ngủ say... Tôi mơ hồ nghe tiếng thở của ba tôi rền rĩ như bước chân lang thang của cơn mưa sắp bước đi xa... Sau này tiếng thở khò khè ấy ám ảnh tôi mãi…

Bây giờ, mỗi khi ngồi lặng dưới mưa, tôi lại mơ về ngôi nhà cũ, thấy ba tôi đứng giữa sân, trong màn mưa tháng mười trắng xóa... Và tiếng thở của Người vẫn còn đó... tiếng thở đều đều nhưng rền rĩ như tiếng bước chân của cơn mưa xa xôi...

ĐAU TÌNH LỠ

Ta lặng lẽ lui về nơi chốn cũ
Vết thương nào còn ấp ủ tâm tư
Ngày đang lên rong chơi trời viễn xứ
Trăng tàn canh ngôi đợi nữ liêu trai
Tứ đại giai không còn mê mải hình hài
Tình thủ thỉ những đêm dài nguyệt tận
Hồn thổn thức niềm ái ân dang dở
Ôm tương tư cho đến tận bao giờ
Say trăng ngà ma trỗi giọng ngâm thơ
Chợt thống khoái nghe trào dâng máu lệ
Bạch lạp thư phòng run rẩy giữa cơn mê
Cũng nòi tình cùng sưởi ấm nỗi bơ vơ
Đêm cô đơn, đêm thương nhớ đợi chờ
Kiếp trăm năm dài nỗi đau tình lỡ
Phương trời nào vàng một cõi ban sơ.

MẮT EM BUỒN MÊNH MÔNG

Mắt em buồn mênh mông
Như sông dài biển rộng
Chiều mây trời lồng lộng
Đi về cùng hư không

Mắt em buồn mênh mông
Cho hồn ta xao động
Tuyệt tình đầy hoa mộng
Đau còn mãi trong lòng

Mắt em buồn mênh mông
Chiều cô đơn phố đông
Dù năm tháng chất chồng
Còn khắc khoải hoài mong

Mắt em buồn mênh mông
Thao thức ngọn nến hồng
Những đêm dài mộng mị
Trông trăng vàng bên song.

thơ

NGẪN NGƠ DU TỬ

Một trăm con nhạn ngang trời
Một thân du tử giữa đời ngẩn ngơ
Gặp em như thể tình cờ
Tháng ngày lần lữa còn mê mộng nhiều
Sương trắng sớm
Ráng đỏ chiều
Đi về lận đận còn yêu lấy người
Hồn lên ngút ngát chân trời
Em sầu man mác lại ngời dáng hoa
Âm ba lay động giang hà
Tàn đêm mộng mị lại là thanh tân
Từ em đồng vọng tương lân
Tử sanh muôn một dễ gần được sao
Một lần thôi
Thuở hôm nào
Mùi hương tình hãy còn nao nao lòng
Một ngày mây trắng hư không
...

LỜI THIẾT THA

Quá đà đã nửa cuộc chơi
Tình trong lữ thứ vẫn lời thiết tha
Mới hay nguồn cội Sa-bà
Đời đau đến độ... ngỡ là cơn mê
Tháng năm qua vẫn vụng về
Nắng mưa mấy cuộc chăng hề hư hao
Vì em phong vận má đào
Thanh thanh vóc hạc nói chào người dưng
Tình ơi như thể chưa từng
Giá không gặp gỡ ta đừng thương chi…

DU TÂM LÃNG TỬ

Phương trời cao rộng

Truyện dài của VĨNH HẢO

Chương mười ba

(kỳ 2, tiếp theo)

Có lần vui miệng, chú Tửu nói tôi nghe rằng các chú bên chúng A Nan (tập trung trên hai mươi chú trong một phòng lớn, chung dãy với phòng học) đa phần nghịch ngợm, lười biếng. Chú Tửu đã từng làm chúng phó, rồi làm chúng trưởng của chúng A Nan trước đây nên nắm vững chuyện ấy. Tôi không tin cũng không được. Mà không cần chú Tửu nói, tôi cũng đoán được phần nào nếp sinh hoạt của chúng A Nam qua mỗi kỳ họp chúng (nửa tháng một lần, họp toàn bộ nhân sự của viện, cả ban giám đốc lẫn học tăng). Thầy quản chúng cứ báo cáo hết chuyện vi phạm này đến chuyện phá phách kia, mà chuyện nào cũng có người của chúng A Nan dự vào. Chúng Ca Diếp thì hiền hòa chững chạc hơn, nhưng tôi nghĩ có lẽ cũng do một phần vì vị trí các phòng: phòng của chúng Ca Diếp sát phòng thầy quản chúng, gần phòng thầy giám sự và chung một dãy với phòng của Thượng tọa giám viện; còn phòng của chúng A Nan thì cách biệt với các dãy tăng phòng bên trong bởi chánh điện và hai khoảng sân bên hông khu chánh điện. Chúng A Nan ở xa quá thì đâm ra ồn ào, nghịch ngợm vậy thôi. Nghịch ngợm cỡ nào tôi chẳng biết, chỉ thấy mấy chú nhỏ hơn tôi một hai tuổi như chú Hòa, chú Khôi, chú Hưng, chú Sâm... chú nào cũng dễ thương. Gặp tôi, các chú cười chào lịch sự, hiền khô.

Một buổi tối cuối tuần, tôi qua thăm chúng A Nan. Ngồi chơi với chú Tánh khá lâu mà tôi chẳng thấy có dấu hiệu gì là có sự ồn ào nghịch ngợm nơi chúng A Nan này cả. Hầu hết các chú lớn lo học bài cho tuần tới, hoặc nằm đọc sách; các chú nhỏ thì tụm năm tụm ba nói chuyện vui vẻ với nhau, không khí chẳng khác gì với không khí bên chúng Ca Diếp. Nhưng đang ngồi trò chuyện, bỗng nghe có tiếng la lớn: "Rắn, rắn!" Tôi liền nghĩ ngay trong đầu rằng, có lẽ đây là dấu hiệu để bắt đầu một trò chơi nghịch ngợm nào đó của chúng A Nan. Nhưng không phải. Cả phòng ai cũng quay nhìn về hướng chú Tịnh, người vừa lớn tiếng báo động về con rắn. Chú Tịnh đang đứng hẳn trên giường, khoảng giữa phòng; mặt chú tái mét, chỉ tay vào một con rắn nhỏ, dài cỡ hai gang tay, màu đen có khoanh trắng, vừa rớt từ mái nhà xuống. Đây là loại rắn cạp nong cực độc miền nhiệt đới. Cả phòng nhốn nháo hẳn lên, kẻ xô ghế, người quăng sách, kẻ tung chăn, người bỏ chạy, trông thật buồn cười. Tôi đã ở viện Hải Đức và chùa Linh Phong, thấy rắn không còn là chuyện lạ nên không thấy sợ hãi gì. Rắn trên đồi Trại Thủy không hiếm, hầu như ngày nào tôi cũng bắt gặp. Nào là rắn roi, rắn học trò, rắn lục, rắn cạp nong, rắn rung chuông... Tôi còn nhớ chuyện chú Sung, chú Kính bắt rắn chơi ở viện Hải Đức, và trận đòn phạt mà chính tôi cũng bị lây. Lúc đó, chúng tôi không bị con rắn học trò ấy đe dọa. Bây giờ thì khác, con rắn cạp nong với cái đầu tam giác trông dữ tợn làm sao. Hơn nữa, con rắn này lại xuất hiện ban đêm (là giờ giấc mà nó có thể trông thấy rõ nhất), ở một nơi chỉ có những ngọn đèn dầu leo lét mà lại nằm trong một căn phòng chật chội những bàn ghế, giường nằm, áo quần... nếu không bắt được nó ngay thì nguy hiểm hết sức. Nghĩ vậy, tự dưng tôi lớn tiếng la lên:

"Bắt nó liền kẻo nó chui xuống bàn ghế!..."

Chưa ai kịp phản ứng gì, con rắn đã thoắt cái, bò khỏi giường, rớt xuống nền đất, trườn đi thật nhanh vào góc phòng. Cả phòng nhẩy nhổm,

phóng lên các giường. Chẳng ai có thể ở yên được. Nỗi nguy hiểm đem đến từ một con rắn độc dù gì cũng làm cho không khí trong phòng trở nên nhộn nhịp, linh động hơn. Các chú nhỏ trông có vẻ lăng xăng, rộn ràng nhất. Tôi thấy rõ ràng là các chú sợ thì ít, thích thú thì nhiều. Hình như các chú không muốn đời sống cứ bình yên lặng lẽ mãi. Trong khi các chú lớn chưa biết làm sao, các chú nhỏ đã rút mấy cây trụ mùng để lùng bắt con rắn. Chú chúng trưởng chúng A Nan la lên:

"Đừng có sát sanh nghe!"

Chú khôi vừa quơ cây trụ mùng xua con rắn, vừa nói:

"Đâu có sát sanh, nhưng phải đuổi nó ra chớ!"

Chú thì chặn đầu này, chút thì chặn đầu kia, để lùa con rắn quay ra hướng cửa chính, nhưng rồi con rắn lại chui khuất vào sau kẹt tủ ở góc phòng. Thật là phiền! Mấy chú lấy cây trụ khoèo, thọc, gõ vang trên nền đất và chân bàn, chân ghế, vẫn chẳng thấy con rắn chường mặt ra. Nó đã thu mình nấp sau kẹt tủ nào chẳng ai đoán được. Chú chúng trưởng chúng A Nan chỉ huy cả phòng kéo các giường nằm sang một bên, rồi xê dịch các tủ đứng cũng như bàn ghế ra, không cho dựa sát vách nữa. Các ngọn đèn dầu lớn cũng được thắp lên để tập trung ánh sáng vào việc tìm bắt con rắn. Tủ, bàn xê dịch tới đâu, đèn rọi đến đó. Đang rọi tìm con rắn bỗng nghe kẻng báo trước giờ niệm Phật buổi tối (kẻng này được gõ ba tiếng trưởng kẻng hô canh niệm Phật chừng mười đến mười lăm phút. Khi nghe kẻng này, mọi người trong chùa viện phải tự động bỏ hết mọi việc, lo làm vệ sinh cá nhân để lên giường niệm Phật, vì sau giờ niệm Phật là giờ ngủ, không ai được phép nói chuyện ồn ào hay đi qua đi lại nữa). Vậy mà con rắn vẫn chưa tìm ra được. Tôi vừa lo lắng cho các chú ở đây mà cũng muốn được chia sẻ với các chú về chuyện con rắn thực nguy hiểm này nên không màng chuyện quay trở về phòng của chúng Ca Diếp. Tôi cũng lăng xăng sục sạo tìm kiếm con rắn, phụ giúp các chú khiêng giường khiêng tủ. Khi kẻng hô canh gióng lên ở hồi thứ nhất, chúng tôi vẫn chưa tìm được con rắn. Đến hồi thứ hai, con rắn đã được phát hiện. Một chú lấy cây lùa nó bò đi, chú khác đón sẵn ở trước lấy cây đè chặn lên khoảng đầu nó, rồi tìm thế hất nó vào cái bao cát, túm miệng bao lại, mang chạy tuốt ngoài bờ rào, thả cho nó đi. Trong khi ấy, các chú còn lại trong phòng lo kéo bàn ghế, tủ giường lại vị trí cũ để ngồi niệm Phật. Hồi kẻng thứ ba đã dứt rồi mà giường nằm chưa sắp đặt lại xong. Đến khi ba câu niệm Phật cho cả viện cùng hô vang lên, chuyển dọn dẹp mới xong xuôi. Chúng tôi vừa hô câu niệm Phật, vừa vội vàng nhảy phóc lên giường nằm của mình để ngồi niệm Phật. Nhưng tội làm gì có chỗ để ngồi! Mỗi người một giường, tôi là người của chúng Ca Diếp sang chơi lấy giường đâu mà ngồi thiền hay niệm Phật. Chỉ một chốc nữa, vị thầy hô canh sẽ đi tuần sang đây, kiểm tra từng giường. Giường nào trống, chủ nhân chiếc giường sẽ bị phạt. Nhưng trường hợp này không phải là sợ giường trống, mà sợ giường dư người mà thôi. Giường nào cũng một người, tự dưng có một giường hai người thì đáng lưu ý lắm chứ. Ai vào đây? Tôi đang luýnh quýnh chưa nghĩ ra được cách nào để khỏi bị thầy tuần chúng phạt thì chú Đồng bảo tôi cứ ngồi lên giường của chú. Tôi hỏi nhỏ bằng hơi gió trong miệng:

"Vậy chú ngồi đâu?"

Chú không trả lời mà chỉ "xuỵt" một tiếng. Té ra thầy tuần chúng đã đến hành lang, đi ngang cửa sổ. Tôi im luôn. Còn chú Đồng thì chui tọt xuống dưới giường. Tôi thực tức cười mà cũng vừa ái ngại khi để chú chui xuống giường trong khi mình ngồi ở trên. Tất nhiên chú ấy nhường chỗ

cho tôi và chui xuống giường là để tôi khỏi bị phạt mà thôi. Nằm dưới giường thì chắc là không phải để niệm Phật rồi. Còn tôi ngồi trên giường cũng niệm Phật hay thiền định gì đâu! Lòng tôi bất an, chẳng sao định tâm nổi. Tôi ngồi đó mà cứ nghĩ đến người bạn dưới gầm giường. Tuy học chung lớp, sống chung dưới một mái viện, tôi và chú Đồng ít có dịp trò chuyện hoặc có cơ hội nào để kết thân. Nhưng gặp cảnh ngộ đặc biệt này, chú ấy đã tỏ ra là người bạn tốt, sẵn sàng bao che cho một "người khách" từ chúng khác đến thăm. Điều làm tôi suy nghĩ là tại sao các bạn tôi có những phản ứng rất bén nhạy mà tôi không tài nào có được. Cách phản ứng của chú Đồng thật buồn cười nhưng nhanh lẹ và hữu hiệu làm sao. Chẳng biết bao giờ tôi mới có được sự nhanh nhẹn, mau mắn ấy.

Đang ngồi suy nghĩ về chú Đồng, bỗng nghe "xoảng" một cái, rồi tiếng lon sắt, lon nhôm ở đâu rơi xuống nền xi măng kêu lổn cổn loảng xoảng. Có tiếng thầy tuần chúng bước nhanh ra khỏi phòng, đứng ngoài hành lang nói lớn trước khi bỏ đi:

"Cái chúng A Nan này quá sức đó nghe! Ngày mai tôi trình thầy giám viện phạt hết cả chúng cho xem!"

Đáp lại lời thầy tuần chúng là những tiếng cười

khúc khích từ nhiều giường. Tôi chẳng cười nổi chuyện ấy, mà cũng chẳng hiểu chuyện gì vừa xảy ra. Khi hồi kẻng báo giờ chỉ tịnh gióng lên, tiếng cười trong phòng như được nước, vỡ òa ra. Chú Đồng từ dưới giường chui lên cũng cười lớn. Tôi cám ơn chú để quay trở về chúng Ca Diếp. Lúc ấy tôi mới nghe các chú trong chúng A Nan nói với nhau về chuyện thầy tuần chúng khi nãy. Đầu tiên là chú chúng trưởng, chú hỏi:

"Hồi nãy chú nào làm gì để thầy tuần chúng đòi phạt cả chúng vậy?"

"Có gì đâu. Tại thầy tuần chúng bị vấp mấy cái lon làm ồn, không cho chúng mình định tâm niệm Phật đó mà!"

"Nói bậy. Chú nào giăng giây cho thầy ấy vấp chứ gì?"

"Ai mà biết!"

"Lon của ai vậy? Lon đâu rồi, đưa coi thử?"

"Có thấy lon liếc gì đâu! Ai dẹp hết rồi."

"Thiệt tình mấy chú này, dám chọc luôn cả thầy tuần chúng nữa. Rồi ngày mai bị phạt hết cả bọn, có vui gì chứ. Chú nào làm dám đứng ra chịu không vậy? Để cả chúng mang tiếng sao được chớ!"

Chẳng biết chú chúng trưởng chúng A Nan có tìm ra thủ phạm không, và chẳng biết có ai chịu đứng ra nhận tội không. Tối len lén trở về phòng mình vì đang giờ chỉ tịnh, nội qui của viện không cho phép học tăng qua lại ngoại trừ trường hợp phải đến nhà vệ sinh. Lần đầu tiên từ ngày đến Phật học viện Quảng Nam, tôi đã vi phạm nội quy theo kiểu này. Cũng may là chẳng ai phát giác. Vào phòng, trong bóng đêm mờ mờ, tôi thấy các chú trong chúng Ca Diếp đã nằm yên trên giường cả rồi. Không khí im vắng, chẳng một tiếng động. Chúng Ca Diếp là vậy: nề nếp, quy củ. Tôi định lên giường nằm của mình thì thấy có dáng một người đang ngồi im xếp bằng trên đó. Tôi thắc mắc trong bụng: "Ai lại ngồi thiền trên giường của mình vậy kìa?" Và vì tôn trọng một người đang tọa thiền, tôi chẳng dám lay gọi người ấy để lấy lại chỗ nằm. Tôi đứng im bên giường, nhìn quanh phòng xem còn giường nào trống không. Chẳng giường nào trống cả. Điều này chứng tỏ rằng người ngồi trên giường không thuộc chúng Ca Diếp, có thể là một người khách mới tới mà tôi chẳng biết. Tôi đang ngập ngừng đứng im trong bóng tối bỗng nghe tiếng chú Tửu ở giường kế bên "suỵt, suỵt," ngoắc tôi đến giường của chú. Tôi bước nhẹ đến. Chú Tửu hỏi nhỏ:

"Cha! Chú đi đâu nãy giờ không chịu về niệm Phật?"

"Tôi qua chúng A Nan chơi, về không kịp. Ai ngồi trên giường tôi vậy?"

"Có ai đâu. Tôi sợ chú bị phạt nên lấy mền gối của chú dựng đứng lên giả như có người ngồi đó."

"Vậy hả! Nãy giờ cứ tưởng có khách tăng! Thôi, cám ơn chú nghe. Mình đi ngủ kẻo bị phạt đó."

Tôi dẹp "thằng tôi giả" trên giường để "thằng tôi thật" nằm xuống ngủ. Quảng Nam trời rét vào mùa đông. Mỗi khi ngồi thiền, chúng tôi thường trùm mền kín như đang ngồi với nồi nước lá xông khi bị cảm vậy. Cho nên chú Tửu lấy mền gối giả làm người ngồi thiền cũng không bị phát giác. Vả lại, thầy tuần chúng không bao giờ ngờ rằng một chú có hạnh kiểm tốt như tôi lại có thể vắng mặt khi ngồi thiền cả. Người ta thường bất công với những người có hạnh kiểm xấu. Nếu lỡ xấu thì cứ xấu mãi, cứ bị phạt mãi. Còn người có hạnh kiểm tốt thì lỡ có phạm lỗi, cũng có thể được tha thứ, bỏ qua. Tôi biết thầy tuần chúng có phát giác được tôi vắng mặt cũng hỏi tôi một vài câu rồi cười thôi chứ chẳng phạt vạ gì. Tôi nhắm mắt dỗ giấc ngủ nhưng không ngủ được. Thường thường tôi ngủ rất dễ, hôm nay cứ nằm lăn qua lăn lại mãi.

Tôi nhớ lại cảnh đuổi bắt rắn khi nãy bên phòng chúng A Nan. Trong cảnh xôn xao nhộn nhịp, vừa sợ vừa vui đó, có mang một ý nghĩa độc đáo mà tôi từng đọc thấy trong kinh *Di Giáo*. Trong kinh ấy, có một đoạn đức Phật dạy các đệ tử xuất gia của ngài với ý rằng: *"Này các thầy tỳ kheo, phải nghĩ đến ngọn lửa vô thường đốt cháy thế gian mà sớm cầu giải thoát, chớ nên ngủ nghỉ nhiều... Con rắn độc phiền não còn ngủ ở trong tâm các thầy, chẳng khác nào con rắn cực độc đang ở ngay trong tịnh thất của các ông mà các ông lại lo ngủ nghỉ vậy. Phải mau mau dùng móc sắt trì giới để xua đuổi nó ra khỏi nhà rồi mới có thể yên tâm mà ngủ nghỉ!"* Lời dạy và hình ảnh ví dụ ấy trở nên rõ ràng hơn qua chuyện con rắn chui trốn trong phòng chúng A Nan khi nãy. Quả nhiên là chưa đuổi nó ra thì chẳng làm sao mà yên tâm ngồi thiền hay ngủ nghỉ được.

Tôi cũng nhớ lại trò chơi nghịch ngợm của một chú nào đó, cột mấy cái lon vào sợi dây, giăng ngang giữa phòng để thầy tuần chúng đi vào bị vấp phải. Rõ ràng là trò chơi này nhắm vào thầy tuần chúng chứ chẳng ai khác. *Tuần chúng* là chức vụ tạm thời giao cho một vị thầy nào đó đi *"tuần"* tra, kiểm soát sinh hoạt của tăng *"chúng".* Nhưng trường hợp đã có vị quản chúng rồi thì vị tuần chúng ở đây chỉ có bổn phận đi tuần tra vào giờ tọa thiền niệm Phật. Vị tuần chúng có quyền

bắt phạt những học tăng ồn ào, đi lại hoặc không có mặt trên giường nằm của mình để tọa thiền vào giờ quy định. Học tăng mà dám *"chơi khăm"* thầy tuần chúng thì quả là hết chỗ nói, đã nghịch tới mức tột đỉnh rồi vậy. Nhưng tại sao lại có chuyện đó xảy ra? Tại sao trước đây thầy quản chúng, thầy giám sự, cũng đã từng có trách nhiệm đi tuần tra trong giờ niệm Phật mà chẳng thầy nào bị *"hổn"* như thầy tuần chúng hôm nay? Tôi đoán hiểu một phần nguyên do đó. Là như vầy, năm ngoái trong giờ tọa thiền niệm Phật, thầy quản chúng và thầy giám sự thay nhau đảm trách việc tuần tra, nhưng hai thầy này chỉ đi tuần cho có lệ: vài tháng mới có một lần đi tuần mà có đi thì cũng chỉ đứng ngoài cửa sổ nhìn vào, hoặc chỉ đi ngang hành lang của các tăng phòng, chứ không bước vào phòng, nhìn kỹ từng giường, từng mặt người (như thầy tuần chúng năm nay). Vậy mà với sự tuần tra lấy lệ của hai người trước, các chúng vẫn tự động khép mình vào nội qui của thời khóa chung này. Năm nay, trong viện có thêm một thầy đến an kiết hạ rồi sau đó ở lại viện luôn. Thầy ấy pháp danh Như Khán. Thầy không có chức vụ gì trong ban giám đốc Phật học viện. Thượng tọa giám viện cắt thầy công tác hô canh vào mỗi tối và mỗi khuya. Hình như thấy công tác đó hãy còn nhẹ quá, thầy Như Khán tự động đặt mình vào trách nhiệm "tuần chúng". Như vậy, thay vì tìm chỗ ngồi thiền hay niệm Phật nửa giờ rồi đánh kẻng báo chỉ tịnh như hai vị thầy kia, thầy Như Khán lại đi vòng vòng, kiểm tra các phòng. Từ đó, có chú gọi đùa thầy là *"thầy tuần chúng"* (đây là một chức vụ, nhưng trường hợp thầy ấy thì chẳng phải, vì thầy giám viện chưa hề tuyên bố với đại chúng là cắt đặt chức ấy, cũng chưa tuyên bố là giao chức ấy cho ai). Nghe gọi vậy, thầy ấy càng thích, và càng sốt sắng đi tuần tra thường xuyên và gắt gao hơn. Chúng tôi đang tọa thiền, thầy bước vào phát tiếng sột soạt từ chiếc áo tràng rộng thầy đang mặc, lại nghe tiếng đôi dép nhựt của thầy búng lên gót chân nghe "póc, póc." Nhiều chú không thích chuyện đó, cho rằng thầy làm động chúng. Có lẽ vì vậy mà xảy ra chuyện giăng giấy cho thầy vấp, rung ngã mấy cái lon kêu rổn rảng.

Niệm Phật và tọa thiền nửa giờ đồng hồ trước khi ngủ và nửa giờ khi mới thức giấc vào buổi khuya, là sinh hoạt tập thể truyền thống của các tự viện Việt Nam. Không phải chỉ một giờ đồng hồ đó là đủ, cho nên mỗi cá nhân còn tự tìm thêm giờ khác trong ngày để thực tập công phu của mình. Chính cái giờ mà mỗi người tự động tìm thêm ấy mới thực sự là thời khóa quan trọng của mỗi cá nhân, vì có khi cần khung cảnh khác hơn là khung cảnh ngồi chung với mọi người trong một căn phòng với những giường chõng hay bồ đoàn gần sát nhau. Ngồi tọa thiền hay niệm Phật chung với nhau trong một thời khóa thực ra chỉ là sinh hoạt tập thể mang tính chất hình thức nhằm nâng cao tinh thần hòa hợp cho số đông mà thôi (*chúng hòa đồng tu* trong lục hòa, sáu nguyên tắc để tạo sự hòa hợp cho tập thể). Tu tập là vấn đề tự giác mà tâm lý người Việt Nam (không giống người Trung Hoa hay Nhật Bản) cũng thích sự tự giác hơn là những sinh hoạt có sự bó buộc, kiểm soát của người khác. Cho nên, thả lỏng thì họ tự động khép vào kỷ luật mà xiết chặt thì họ lại ương ngạnh, chống đối, muốn phá nội quy.

Nghĩ lại chuyện mấy cái lon, tôi thấy tức cười, thấy tội nghiệp thầy tuần chúng, mà mặt khác, cũng thấy một phần thích thú lạ kỳ trong lòng nữa. Có lẽ ai cũng có một lúc nào trong đời, thích chống phá hay đùa cợt với những kỷ luật. Nói thì nói vậy chứ tôi chưa dám vi phạm kỷ luật một cách trắng trợn ở mái viện này. Tôi chỉ thấy thích thú về chuyện mấy cái lon, bởi vì ở viện vốn có kỷ luật của thời khóa tọa thiền nhưng không có cái *"màn"* cứ một người đi quanh, cầm cây gậy nhịp nhịp, ngó mặt từng người để kiểm soát hay thị uy. Cái màn đó không thích hợp để áp dụng cho những tăng sĩ Việt Nam, không thích hợp chút nào cho không khí tự giác tự nguyện của những kẻ xuất trần. Tôi thường hãnh diện về vấn đề hạnh kiểm của chính mình. Từ lúc chưa xuất gia, tôi đã có hạnh kiểm tốt trong các lớp tiểu học; xuất gia rồi, dù có những trò hoang ngầm trước đây, tôi cũng đã ngoan ngoãn sửa đổi để có được hạnh kiểm tốt nơi viện Hải Đức, và nhất là ở viện này, tôi hoàn toàn là một chú sa di giới hạnh nghiêm ngặt, chững chạc như một người lớn (cho nên hồi tôi còn để chỏm, Thượng tọa giám viện mỗi lần đi hoằng pháp đều dẫn tôi đi theo dù tôi

không phải là thị giả chính thức của Thượng tọa). Do đó ở chỗ tự hào với hạnh kiểm, tôi đâm coi thường những chú cứ vi phạm nội quy, hết chuyện này đến chuyện nọ. Nhưng ngay bây giờ, qua chuyện giăng bẫy thầy tuần chúng, tự dưng tôi không thấy bực bội hay khinh thường về sự phá kỷ luật của các chú thuộc chúng A Nan nữa. Ở một khía cạnh nào đó, tôi thấy các chú ở chúng A Nan mới thực sự là những kẻ hồn nhiên, sống gần với lứa tuổi thiếu niên của họ nhất. Phải thừa nhận rằng trong vấn đề kỷ luật, không phải tất cả mọi điều đều tốt đẹp và hợp lý để tuân hành nghiêm nhặt. Có những cái rất lỗi thời, cũng như có những cái rất buồn cười. Nếu cần thì phải đạp đổ bớt cho đời sống nhẹ nhàng, thoải mái hơn. Chúng A Nan dám làm chuyện đó. Còn chúng tôi, những người của chúng Ca Diếp, chỉ là những ông cụ non, những con cừu chỉ biết ngoan ngoãn tuân theo các qui tắc và nề nếp chứ chưa một lần đủ can đảm để đùa giỡn với chúng.

Sáng hôm sau, vào giờ điểm tâm, thầy tuần chúng đứng dậy trình bày cùng đại chúng sự việc xảy ra đêm qua, yêu cầu ban giám đốc xử phạt nặng cả chúng A Nan. Chuyện kéo bàn ghế, giường tủ ồn ào để bắt con rắn dĩ nhiên là được bỏ qua; còn chuyện giăng bẫy cho thầy tuần chúng vấp thì phải phạt. Chẳng ai đứng ra nhận trách nhiệm chuyện giăng bẫy nên cả chúng đồng lòng chịu phạt– chắc là cả chúng A Nan muốn bao che cho vài cá nhân nào đó về chuyện ấy; vì nếu để cho một cá nhân nhận lỗi thì sự trừng phạt biết đâu là trục xuất khỏi Phật học viện, cái đó ai mà đoán trước được! Cho nên, để cho cả chúng chịu lỗi thì sự trừng phạt sẽ nhẹ hơn (không lẽ trục xuất luôn cả một chúng trên hai mươi học tăng?). Thượng tọa giám viện lắng nghe, im lặng chẳng nói gì, cuối cùng, giao cho thầy quản chúng tùy nghi xử lý. Thầy quản chúng đưa ra một hình phạt chẳng khó khăn gì: cả chúng A Nan phải tụng một thời kinh sám hối vào ngày cuối tuần, bất cứ giờ nào thấy rảnh.

Khi các chú của chúng A Nan tập trung trên chánh điện làm lễ sám hối, tôi cũng đi theo. Các chú trong chúng Ca Diếp hỏi:

"Chú có dính gì bên đó đâu mà phải sám hối?"

"Tôi thích sám hối, không được sao? Thấy tôi tự động sám hối, các chú phải mừng chứ!"

Các chú A Nan thấy tôi, cũng hỏi:

"Chú chỉ qua chơi thôi, đâu có tội tình gì mà sám hối?"

"Tôi muốn sám hối. Không có tội này cũng có tội khác chứ, phải không?"

Một chú nói:

"Biết rồi, biết chú có tội gì rồi."

Cái tội mà chú kia nói là *"biết rồi"* đó, chắc là nói cái tội đi *"lộn chuồng"* của tôi đêm qua, báo hại chú Đồng phải chui xuống giường để khỏi dư nhân số của phòng. Cái tội đó cũng đáng xử phạt lắm, nhưng trong thâm tâm, tôi thích sám hối để chia sẻ với các chú ấy hơn là sám hối để chừa bỏ cái tội *"đi hoang"* của đêm trước. Tôi muốn được chia sớt một chút nghịch ngợm của tuổi trẻ. Làm ông cụ non lâu ngày tôi mệt lắm rồi.

Vào niên học thứ hai, viện chúng tôi có thêm một giáo sư mới từ viện Đại học Vạn Hạnh trong Sài Gòn ra. Đó là thầy Thiện Phước. Kiến thức nội và ngoại điển của thầy đều quảng bác. Thầy giảng bài rất lôi cuốn khiến tôi say mê và thường mong đến giờ dạy của thầy. Thầy ấy cũng là người khích lệ tôi nhiều nhất trong lãnh vực văn chương. Một hôm trong lúc trò chuyện thân mật, thầy đã nói riêng với tôi:

"Chú Khang à, chú phải là một nhà văn mới được."

Tôi nói một cách cố chấp rằng:

"Làm nhà tu thì viết văn làm gì, thưa thầy. Trong luật nói là... theo đuổi các ngành nghề chuyên môn của thế tục sẽ bị động tâm nhiều, khó tu lắm, phải không thầy?"

"Nếu mình vững tâm, chánh tâm thì mọi hành xử của mình đều phù hợp với chánh pháp cả. Ngược lại, làm việc chân chính với cái tâm sai trái thì cái việc chân chính đó cũng chỉ là tà pháp mà thôi. Tại sao giáo hội có chương trình huấn luyện cho các giảng sư được mà đào tạo những nhà văn, những người viết sách lại không được? Một bên nói, một bên viết, cũng là cách để hoằng pháp cả, có gì mà phải sợ chứ?"

Rồi thầy đem cho tôi mượn thêm một số sách luyện văn của Nguyễn Văn Hầu, Nguyễn Hiến Lê, Tam Ích v.v... Thầy còn giới thiệu một số sách truyện của thầy Nhất Hạnh, của một số đại văn hào ngoại quốc... mà không biết rằng, những thứ ấy tôi đã lén mua và đọc trước rồi. Tôi chỉ không đi vào văn chương theo kiểu luyện văn, cầm bút, chứ đọc sách, đọc truyện thì tôi có từ chối bao giờ đâu.

Về phía trường Bồ Đề, cũng có ba vị giáo sư khuyến khích tôi luyện văn, đi vào ngành văn chương: thứ nhất là thầy Chánh (phụ trách môn Anh ngữ), thứ hai là thầy Biển (dạy Giảng văn và Triết), thứ ba là thầy Viêm (dạy Anh ngữ, vừa là giáo sư chủ nhiệm của lớp tôi trong năm nay).

Sự khuyến khích của các thầy ấy chỉ như những sự nhắc nhở chứ không đẩy tôi đến việc viết được vì thực ra, tôi cũng chẳng có nhiều thì giờ trong ngày để viết. Vả lại, trong tuổi thiếu niên ấy, tôi biết viết gì đây. Không phải chỉ cần có năng khiếu là đủ, dù rằng năng khiếu là điều kiện cốt yếu nhất. Cần phải có kiến thức nữa. Mà tôi là một nhà tu không ham mấy chuyện tích lũy kiến thức. Tôi đọc sách khá nhiều, nhưng không phải để

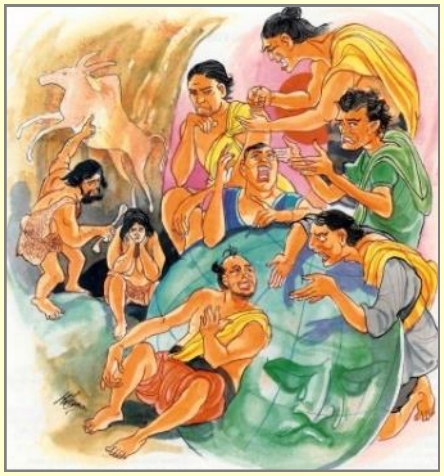

thu góp kiến thức, và trên thực tế, đọc sách xong, tôi cũng không nhớ gì hết. Nếu cầm viết, tôi sẽ không biết viết cái gì. Trước mắt tôi chỉ có những khóa lễ, những câu kinh tiếng kệ, những bài học của nhà trường, của Phật học viện... tôi không có gì để nói về những thứ ấy, dù đó là những sinh hoạt chính, rất cần thiết của tôi. Cho nên, ai khuyến khích thì cứ khuyến khích, tôi vẫn cứ thủng thỉnh mà bước con đường quen thuộc của mình: học, đọc sách, tu tập. Cuộc sống ở Phật học viện chỉ có những sinh hoạt đơn giản như vậy. Tầm mắt tôi được thu gọn trong một phạm vi, tập trung vào những vấn đề then chốt liên quan đến đời sống tu học. Ngoài ra đều thứ yếu. Quả là đôi lúc tôi có thích thú chuyện viết văn, nhưng rồi cũng phôi pha hết. Vấn đề tu học, dù có đặt mục tiêu hay bất cần mục tiêu, cũng đều có khuynh hướng nhắm đến cứu cánh tối hậu là giải thoát giác ngộ. Vậy thì mọi thứ ước muốn không nhắm vào mục đích ấy đều trở thành xa xỉ, rơi rụng dần dần hoặc lẩn khuất đâu đó trong tâm tôi chứ không biểu hiện thành những nhu cầu bức thiết trong đời sống.

(mời xem tiếp chương 14)

Vĩnh Hảo

The Story of Atula the Lay-disciple

Dhammapada – Verses 227 - 230

While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verses (227) to (230) of this book, with reference to Atula and his companions.

Once, Atula and his companions numbering five hundred, wishing to listen to words of dhamma, went to Thera Revata. The thera however was very aloof like a lion; he did not say anything to them. They were very much dissatisfied and so they went to Thera Sariputta.

When Thera Sariputta learned why they had come, he expounded exhaustively on the Abhidhamma. He also was not to their liking, and they grumbled that Thera Sariputta had been too lengthy and too profound. Next, Atula and his party approached Thera Ananda.

Thera Ananda expounded to them the bare essentials of the Dhamma. This time, they remarked that Thera Ananda had been too brief and too sketchy. Finally they came to the Buddha and said to him, "Venerable Sir, we have come to listen to your teaching. We have been to other teachers before we come here, but we are not satisfied with any of them.

Thera Revata did not bother to teach us and he just kept silent; Thera Sariputta was too exhaustive and the Dhamma he taught us was too difficult for us. As for Thera Ananda, he was too brief and too sketchy. We do not like any of their discourses."

To them the Buddha said, "My disciples, blaming others is not something new. There is no one in this world who is never blamed; people would blame even a king, or even a Buddha. To be blamed or to be praised by a fool is of no consequence; one is truly blamed only when one is blamed by a wise man, and truly praised only when praised by a wise man."

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 227: It is not new, O Atula! It has always been done from ancient times. They blame one who is silent, they blame one who speaks much, they blame one who speaks little. There is no one in this world, who is not blamed.

Verse 228: There never has been, there never will be, nor is there now, anyone who is always blamed or always praised.

Verses 229 - 230: If the wise praise him day after day, knowing him to be truly faultless, wise and endowed with knowledge and virtue, who would blame him, who is like a chain of pure gold? The devas praise him; he is praised even by the great Brahmas.

At the end of the discourse Atula and his companions attained Sotapatti Fruition.

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.,**
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma 1986.